



BỘ NỘI VỤ

TÀI LIỆU
HỘI NGHỊ TRỰC TUYẾN TOÀN QUỐC
TỔNG KẾT 5 NĂM GIAI ĐOẠN 2016-2020
VÀ TRIỂN KHAI NHIỆM VỤ NĂM 2021
NGÀNH NỘI VỤ

Hà Nội, tháng 12 năm 2020

MỤC LỤC

CHƯƠNG TRÌNH HỘI NGHỊ	2
Báo cáo tổng kết công tác giai đoạn 2016-2020 và triển khai nhiệm vụ năm 2021 ngành Nội vụ	3
Phụ lục 1 Các văn bản, đề án giai đoạn 2016-2020	21
Phụ lục 2 Sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế	35
Phụ lục 3 Kết quả thi tuyển chức danh lãnh đạo quản lý	38
Phụ lục 4 Các cuộc thanh tra, kiểm tra giai đoạn 2016-2020	39
Phụ lục 5 Tổng hợp các đơn vị hành chính từ 2015-2020.....	43
Phụ lục 6 Các văn bản, đề án trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ năm 2021	44
Phụ lục 7 Các Thông tư ban hành theo thẩm quyền trong năm 2021.....	48
Phụ lục 8 Một số kiến nghị, đề xuất của các Bộ, ngành, địa phương	50

THAM LUẬN CỦA CÁC BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG

1. Bộ Tư pháp	68
2. Bộ Tài chính	72
3. Bộ Nội vụ (Vụ Chính quyền địa phương).....	79
4. Bộ Nội vụ (Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước)	82
5. UBND tỉnh Yên Bái	87
6. UBND tỉnh Thái Bình	91
7. UBND tỉnh Quảng Ninh.....	95
8. UBND tỉnh Hòa Bình.....	99
9. UBND tỉnh Hà Tĩnh	103
10. UBND tỉnh Bình Định	107
11. UBND tỉnh Khánh Hòa.....	110
12. UBND TP. Hồ Chí Minh	115
13. UBND tỉnh An Giang.....	119

CHƯƠNG TRÌNH HỘI NGHỊ

Hội nghị trực tuyến toàn quốc tổng kết 5 năm giai đoạn 2016 - 2020 và triển khai nhiệm vụ năm 2021 ngành Nội vụ

Thời gian: 8h00, thứ Tư, ngày 30 tháng 12 năm 2020

Địa điểm: Hội trường lớn Bộ Nội vụ, số 8 Tôn Thất Thuyết, Hà Nội

THỜI GIAN	NỘI DUNG
07h15 - 08h00	Đón tiếp đại biểu
08h00 - 08h05	Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu
08h05 - 08h15	Bộ trưởng Lê Vĩnh Tân phát biểu khai mạc Hội nghị
08h15 - 08h35	Thứ trưởng Phạm Thị Thanh Trà trình bày Báo cáo tóm tắt kết quả công tác 5 năm giai đoạn 2016-2020 và triển khai nhiệm vụ năm 2021 ngành Nội vụ
08h35 - 09h40	Các đại biểu Hội nghị phát biểu tham luận, thảo luận
09h40 - 09h50	Hội nghị nghỉ giải lao
09h50 - 10h30	Các đại biểu Hội nghị phát biểu tham luận, thảo luận
10h30 - 10h45	Công bố các Quyết định thi đua, khen thưởng
10h45 - 11h15	Lãnh đạo Chính phủ phát biểu ý kiến chỉ đạo
11h15 - 11h30	Bộ trưởng Lê Vĩnh Tân tiếp thu ý kiến chỉ đạo của Lãnh đạo Chính phủ và Bế mạc Hội nghị

Số: /BC-BNV

Hà Nội, ngày 30 tháng 12 năm 2020

DỰ THẢO

BÁO CÁO**Tổng kết công tác giai đoạn 2016 - 2020
và triển khai nhiệm vụ công tác năm 2021 ngành Nội vụ**

Trong giai đoạn 2016 - 2020, bối cảnh quốc tế, trong nước có nhiều thuận lợi và không ít khó khăn, thách thức, khoa học công nghệ phát triển nhanh chóng, cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư tác động sâu rộng đến các quốc gia trên nhiều phương diện; xung đột kinh tế, thiên tai, dịch bệnh diễn biến phức tạp hơn so với dự báo... Đặc biệt, từ đầu năm 2020, dịch bệnh Covid-19 ảnh hưởng lớn đến nhiều mặt của đời sống, xã hội, hoạt động kinh tế. Trước tình hình trên, thực hiện chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ toàn ngành Nội vụ đã tập trung triển khai thực hiện nhiều nhiệm vụ quan trọng, được dư luận xã hội đồng tình và ghi nhận. Đồng thời, cũng còn một số công việc còn chậm so với yêu cầu, đòi hỏi của thực tiễn. Ngành Nội vụ xin báo cáo kết quả công tác 5 năm giai đoạn 2016 - 2020 và phương hướng nhiệm vụ trong giai đoạn tới, cụ thể như sau:

Phần I**KẾT QUẢ CÔNG TÁC GIAI ĐOẠN 2016 - 2020
I. CÔNG TÁC XÂY DỰNG THỂ CHẾ, CHÍNH SÁCH**

Trong giai đoạn 2016 - 2020, Bộ Nội vụ đã chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan tham mưu trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành nhiều chủ trương, chính sách về tổ chức bộ máy các cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, sắp xếp các đơn vị hành chính, cơ chế quản lý công chức, viên chức, chính sách tiền lương, tín ngưỡng, tôn giáo, thi đua, khen thưởng và văn thư, lưu trữ để thể chế hóa chủ trương của Đảng và tiếp tục đổi mới, sắp xếp bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, cụ thể như sau:

1. Chủ trì và phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương và các bộ, ngành liên quan xây dựng trình Ban chấp hành Trung ương ban hành **05** Nghị quyết; trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư ban hành **09** văn bản, đề án.

2. Chủ trì tham mưu Chính phủ trình Quốc hội thông qua **04** Luật¹; trình Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành **14** Nghị quyết. Hiện nay, Bộ Nội vụ đang hoàn thiện dự thảo Luật thi đua, khen thưởng (sửa đổi) để trình tại Kỳ họp thứ 2, Quốc hội khóa XV và hồ sơ đề nghị xây dựng Luật Thực hiện dân chủ cơ sở ở xã, phường, thị trấn.

¹ Luật tín ngưỡng, tôn giáo; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức; Luật Thanh niên (sửa đổi).

3. Trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành **40** Nghị định²; **05** Quyết định quy phạm pháp luật³; **08** Nghị quyết⁴.

4. Ban hành theo thẩm quyền **60** Thông tư, gồm: **06** Thông tư ban hành trong năm 2016; **10** Thông tư ban hành trong năm 2017; **14** Thông tư ban hành trong năm 2018; **14** Thông tư ban hành trong năm 2019 và **06** Thông tư ban hành năm 2020; phối hợp với các Bộ, ngành ban hành **10** Thông tư liên tịch⁵.

(Có phụ lục 1 kèm theo).

II. CÔNG TÁC TỔ CHỨC NHÀ NƯỚC

1. Về tổ chức bộ máy và biên chế

Thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW của Trung ương Đảng (khóa XII), Luật sửa đổi, bổ sung Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương và các văn bản hướng dẫn thi hành, toàn ngành Nội vụ đã tập trung chỉ đạo quyết liệt để hoàn thành mục tiêu sắp xếp bộ máy hành chính nhà nước theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Trong đó, thành công nổi bật là hoàn thành việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã; hoàn thành vượt mục tiêu Bộ Chính trị giao về tinh giản biên chế, cụ thể như sau:

a) Về sắp xếp tổ chức bộ máy hành chính

Bộ, ngành Trung ương: Vụ và tương đương giảm **12** tổ chức; Cục và tương đương tăng **07** tổ chức; Tổng cục và tương đương tăng **02** tổ chức.

Địa phương: Cơ quan chuyên môn giảm **05** tổ chức; phòng giảm **973** tổ chức; chi cục giảm **127** tổ chức; phòng thuộc chi cục giảm **1.179** tổ chức; tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giảm **12** tổ chức. Ở cấp huyện: Cơ quan chuyên môn giảm **294** tổ chức, trong đó có **278** phòng Dân tộc.

Tổ chức Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Nội vụ đã trình Chính phủ có Báo cáo số 316/BC-CP ngày 10/7/2020 tổng kết thực hiện Nghị quyết số 580/2018/UBTVQH14 ngày 04/10/2018 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc thí điểm hợp nhất Văn phòng Đoàn Đại

² Trong đó có 12 Nghị định về tổ chức bộ máy và biên chế; 06 Nghị định về chính sách tiền lương; 08 Nghị định về công chức, viên chức; 03 Nghị định về chính sách thanh niên; 02 Nghị định về công tác thi đua, khen thưởng; 01 Nghị định về tín ngưỡng, tôn giáo; 05 Nghị định về tổ chức chính quyền địa phương; 01 Nghị định về công tác văn thư; 01 Nghị định về quỹ xã hội, quỹ từ thiện; 01 Nghị định hướng dẫn thi hành một số điều Pháp lệnh Cựu chiến binh.

³ 03 Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị trực thuộc Bộ Nội vụ; 01 Quyết định về việc giữ lại con dấu hết giá trị sử dụng; 01 Quyết định thí điểm thành lập Đội Quản lý trật tự xây dựng đô thị.

⁴ 05 Nghị quyết về Chương trình hành động của Chính phủ triển khai thực hiện Nghị quyết của Hội nghị Trung ương khóa XII; 01 Nghị quyết về đẩy mạnh phân cấp; 01 Nghị quyết về kế hoạch sắp xếp đơn vị hành chính; 01 Nghị quyết về biên chế sự nghiệp giáo dục và y tế; 07 Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường việc thực hiện các nhiệm vụ thuộc ngành, lĩnh vực nội vụ.

⁵ 01 Thông tư liên tịch hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Thông tin và Truyền thông thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Phòng Văn hóa và Thông tin thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh; 07 Thông tư liên tịch quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành; 01 Thông tư liên tịch hướng dẫn thực hiện việc bổ nhiệm và xếp lương theo chức danh nghề nghiệp đối với viên chức chuyên ngành khoa học và công nghệ; 01 Thông tư liên tịch Quy định tiêu chuẩn, điều kiện, hình thức, nội dung thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành tài nguyên và môi trường.

biểu Quốc hội, Văn phòng Hội đồng nhân dân và Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, đã được Bộ Chính trị cho ý kiến, Quốc hội thảo luận và thông qua.

b) Về sắp xếp đơn vị sự nghiệp công lập

Bộ, ngành Trung ương: Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ giảm **10** tổ chức; thuộc tổng cục và tổ chức tương đương tổng cục tăng **06** tổ chức; thuộc các cơ quan thuộc Chính phủ giảm **24** tổ chức.

Địa phương: Đơn vị sự nghiệp công lập giảm **3.819** đơn vị (giảm 7,33%)⁶.

c) Về quản lý biên chế và tinh giản biên chế

Biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước năm 2021 là **247.344** biên chế, giảm **27.504** biên chế (tương ứng giảm **10,01%** so với năm 2015), vượt mục tiêu giảm tối thiểu 10% theo Nghị quyết của Đảng.

Biên chế sự nghiệp năm 2021 là **1.783.174** người, giảm **242.703** biên chế (tương ứng giảm **11,98%** so với năm 2015), vượt mục tiêu giảm tối thiểu 10% theo Nghị quyết của Đảng.

Số lượng cán bộ, công chức cấp xã và số người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố: **1.031.851** người, giảm **147.290** người (tương ứng **12,49%** so với năm 2015).

Về kết quả thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP và Nghị định số 113/2018/NĐ-CP trong giai đoạn năm 2015 - 2020 là **67.218** người⁷.

d) Xây dựng vị trí việc làm: Đã phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương hướng dẫn các bộ, ngành xây dựng danh mục và bản mô tả vị trí việc làm trong các cơ quan, tổ chức hành chính từ Trung ương đến cấp xã và trong các đơn vị sự nghiệp công lập.

đ) Việc phân cấp, phân định thẩm quyền giữa Chính phủ, Bộ, cơ quan ngang Bộ với chính quyền địa phương từng bước được hoàn thiện, hợp lý hơn⁸.

⁶ Trong đó: (1) thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tăng 67 đơn vị (tăng 11,11%); (2) thuộc sở và tương đương giảm 1.203 đơn vị (giảm 11,75%); (3) thuộc các tổ chức hành chính khác ở cấp tỉnh giảm 54 đơn vị (giảm 10,11%); (4) thuộc chi cục và tương đương thuộc sở giảm 348 đơn vị (giảm 40,32%); (5) thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện giảm 2.281 đơn vị (giảm 5,72%).

⁷ Trong đó: 4.965 người thuộc khối các cơ quan, tổ chức ở Trung ương và 62.253 người thuộc khối các cơ quan, tổ chức ở địa phương; theo chính sách tinh giản biên chế: 54.899 người hưởng chính sách về hưu trước tuổi, 12.172 người hưởng chính sách thôi việc ngay, 67 người hưởng chính sách thôi việc sau khi đi học nghề và 80 người hưởng chính sách do chuyển sang tổ chức khác.

⁸ Năm 2016, Bộ Nội vụ trình Chính phủ ban hành Nghị quyết số 21/NQ-CP ngày 21/3/2016 về phân cấp quản lý nhà nước giữa Chính phủ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Đến năm 2020, Bộ Nội vụ tiếp tục trình Chính phủ ban hành Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 24/6/2020 về đẩy mạnh phân cấp quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực (thay thế Nghị quyết số 21/NQ-CP), theo đó đã phân công rõ trách nhiệm quản lý ngành, lĩnh vực của các bộ, ngành, địa phương góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với ngành, lĩnh vực, tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế; phát huy tính chủ động, sáng tạo, đề cao tinh thần trách nhiệm của từng cấp, từng ngành gắn với cơ chế kiểm soát quyền lực 5 lĩnh vực tập trung đẩy mạnh phân cấp: (1) về quản lý ngân sách nhà nước; (2) về thực hiện quyền đại diện chủ sở hữu nhà nước đối với doanh nghiệp nhà nước và phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp; (3) về quản lý đầu tư; (4) về quản lý công vụ, cán bộ, công chức, viên chức; (5) về quản lý đất đai.

Trong giai đoạn 2016 - 2020, công tác tổ chức bộ máy và thực hiện tinh giản biên chế đã đạt nhiều kết quả nổi bật, được Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương Đảng ghi nhận, đánh giá cao, đảm bảo yêu cầu theo hướng tinh gọn, giảm đầu mối cấp trung gian và từng bước khắc phục những bất cập, chùng chể về chức năng, nhiệm vụ, vượt mục tiêu đề ra (*Có phụ lục 2 kèm theo*).

2. Về quản lý đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức

Triển khai Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức, Bộ Nội vụ đã tham mưu trình Chính phủ ban hành Nghị quyết số 25/NQ-CP ngày 08/02/2017 về Chương trình hành động của Chính phủ triển khai thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 khóa XII về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Theo đó, kiên quyết sàng lọc, miễn nhiệm, thay thế, cho từ chức đối với cán bộ, công chức, viên chức làm việc kém hiệu quả, không hoàn thành nhiệm vụ, yếu về năng lực, kém về phẩm chất đạo đức, tín nhiệm thấp mà không chờ hết nhiệm kỳ, hết tuổi công tác, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý, người đứng đầu các cấp. Trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 05/9/2016 về tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong các cơ quan hành chính nhà nước các cấp và Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 08/9/2016 về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

Đã phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương tổ chức Hội nghị sơ kết 3 năm thực hiện Đề án thí điểm đổi mới cách tuyển chọn lãnh đạo, quản lý cấp vụ, cấp sở, cấp phòng tại các bộ, ban, ngành, đoàn thể ở Trung ương và địa phương. Kết quả có 14 cơ quan Trung ương thực hiện thí điểm tổ chức thi tuyển với 30 vị trí và 22 địa phương thực hiện thí điểm thi tuyển, với 109 vị trí. Qua đó tham mưu Chính phủ kiến nghị với Bộ Chính trị, Ban Bí thư xem xét, quyết định nhân rộng việc thực hiện thí điểm đổi mới cách tuyển chọn lãnh đạo, quản lý thông qua thi tuyển tại các bộ, ngành, địa phương và tiến hành tổng kết vào Quý IV năm 2022 (*Có phụ lục 3 kèm theo*).

Về chính sách ưu tiên trong tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức là người dân tộc thiểu số được Đảng, Chính phủ đặc biệt quan tâm, ban hành các văn bản nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ người dân tộc thiểu số⁹. Chính phủ giao Bộ Nội vụ chủ trì nghiên cứu, rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung chính sách về tuyển dụng, sử dụng và quản lý đối với cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số khi xây dựng các văn bản quy định chi tiết Luật sửa đổi, bổ sung Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức¹⁰.

Thực hiện Kết luận số 71-KL/TW ngày 24/3/2020 của Ban Bí thư, Bộ Nội vụ đã ban hành Hướng dẫn số 2965/HD-BNV ngày 15/6/2020 về việc xử lý đối với

⁹ Nghị quyết số 24-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 7 khóa IX về công tác dân tộc; Quyết định số 2356/QĐ-TTg ngày 04/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Chiến lược công tác dân tộc đến năm 2020; Quyết định số 402/QĐ-TTg ngày 14/3/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số trong thời kỳ mới.

¹⁰ Bộ Nội vụ đã lồng ghép nội dung trên quy định tại khoản 2, Điều 37 Luật Cán bộ, công chức được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5, Điều 1 Luật số 52/2019/QH14 và bảo đảm thực hiện nguyên tắc tuyển dụng quy định tại khoản 4, Điều 38 Luật Cán bộ, công chức (ưu tiên tuyển chọn người dân tộc thiểu số).

những trường hợp có sai phạm trong công tác tuyển dụng cán bộ, công chức, viên chức, đến nay các Bộ, ngành, địa phương đã tổ chức, triển khai thực hiện theo quy định của Trung ương.

Các bộ, ngành, địa phương đã tập trung triển khai thực hiện Nghị quyết số 25/NQ-CP ngày 08/02/2017 của Chính phủ, đồng thời tích cực triển khai nhiều biện pháp nhằm siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính, bảo đảm sự nghiêm minh trong thực thi pháp luật và củng cố niềm tin của nhân dân theo quy định tại Chỉ thị số 26/CT-TTg về tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính trong các cơ quan nhà nước các cấp. Việc tiếp nhận, sử dụng, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển, biệt phái, nâng bậc lương, bổ nhiệm ngạch, chuyển ngạch, thay đổi chức danh nghề nghiệp, đánh giá, khen thưởng, kỷ luật từng bước đi vào nề nếp.

3. Về xây dựng chính quyền địa phương, địa giới hành chính

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 653/2019/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Nghị quyết số 32/NQ-CP của Chính phủ về thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trong giai đoạn 2019 - 2021, Bộ Nội vụ đã thực hiện sắp xếp các đơn vị hành chính (ĐVHC) cấp huyện, cấp xã tại 45 tỉnh, thành phố. Kết quả ở cấp huyện giảm **08/713** đơn vị **còn 705 ĐVHC**; cấp xã giảm **557/11.160** đơn vị **còn 10.603 ĐVHC**; sắp xếp thôn, tổ dân phố tổng số **98.455** thôn, tổ dân phố, giảm **38.369** tổ chức so với năm 2015 (*Có phụ lục 4 kèm theo*).

Về triển khai Dự án 513 về địa giới hành chính, Bộ Nội vụ đã tham mưu Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội hồ sơ, đề án điều chỉnh địa giới hành chính và thành lập đơn vị hành chính đô thị của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương bảo đảm tiến độ và đúng quy định. Bộ Nội vụ đã tham mưu trình Chính phủ ban hành **07** Nghị quyết giải quyết dứt điểm được **15/16** khu vực, liên quan tới các tỉnh, thành phố (còn thành phố Đà Nẵng và tỉnh Thừa Thiên - Huế đang tiếp tục tham mưu chính phủ).

Trong giai đoạn 2016 - 2020, đã thực hiện sáp nhập, điều chỉnh địa giới các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã bảo đảm đúng tiêu chí quy định; đổi mới việc phân loại đơn vị hành chính để làm cơ sở xác định cơ cấu tổ chức bộ máy và biên chế phù hợp với quy mô và đặc thù từng loại đơn vị hành chính. Rà soát tiêu chí và sắp xếp lại thôn, tổ dân phố qua đó giảm đầu mối, giảm số người hoạt động không chuyên trách, tăng cường hiệu quả hoạt động. Các địa phương đã chủ động triển khai thực hiện các văn bản của Trung ương về công tác xây dựng chính quyền địa phương, quản lý địa giới hành chính các cấp; tập trung triển khai sắp xếp, thành lập, nhập, chia, điều chỉnh địa giới, nâng cấp đô thị trong địa bàn theo quy định.

Sở Nội vụ đã chủ động, tích cực, sáng tạo tham mưu cho cấp ủy, chính quyền địa phương thực hiện chế độ, chính sách đối với đội ngũ cán bộ, công chức dôi dư do sắp xếp tổ chức bộ máy cơ quan chuyên môn và địa giới hành chính, bảo đảm đúng quy định của Trung ương và phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương, góp phần ổn định tình hình chính trị của địa phương.

4. Về chính sách tiền lương

Bộ Nội vụ đã tham mưu Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 1206/2016/NQ-UBTVQH13 ngày 13/5/2016 về chế độ, chính sách và các điều kiện bảo đảm hoạt động của Đại biểu Hội đồng nhân dân; trình Hội nghị Trung ương 7 khóa XII ban hành Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21/5/2018 về Đề án cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp; trình Chính phủ ban hành Nghị quyết số 107/NQ-CP ngày 16/8/2018 về Chương trình hành động cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp. Với vai trò là cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo Trung ương về cải cách chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội và ưu đãi người có công, Bộ Nội vụ đã trình Chính phủ ban hành các Nghị định tăng mức lương cơ sở¹¹.

Triển khai Đề án cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp, Bộ Nội vụ tham mưu Chính phủ trình Bộ Chính trị về xây dựng cụ thể chế độ tiền lương mới đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang; xây dựng và hoàn thiện hệ thống vị trí việc làm để làm cơ sở thực hiện cải cách chính sách tiền lương. Theo lộ trình tại Nghị quyết số 27-NQ/TW thì từ năm 2021 sẽ áp dụng chế độ tiền lương mới thống nhất đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang trong toàn bộ hệ thống chính trị. Tuy nhiên, năm 2020 đại dịch Covid-19 tác động sâu rộng, toàn diện đến đời sống của nhân dân và hoạt động kinh tế ở nước ta, theo đó, Bộ Nội vụ đã tham mưu cấp có thẩm quyền trình Hội nghị Trung ương 13 Khóa XII xem xét cho ý kiến về lộ trình cải cách tiền lương cho phù hợp với tình hình kinh tế của đất nước (Trung ương đã thống nhất lùi thời điểm thực hiện chế độ tiền lương mới đến ngày 01/7/2022).

5. Về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức

Thường xuyên chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng đối với cán bộ, công chức, viên chức; xây dựng chiến lược, đề án, chương trình, kế hoạch dài hạn, trung hạn và hàng năm về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức ở trong nước và ngoài nước; hoàn thành việc tổ chức biên soạn lại các chương trình, tài liệu bồi dưỡng ngạch công chức; bồi dưỡng chức danh lãnh đạo, quản lý; biên soạn chương trình, tài liệu bồi dưỡng Thứ trưởng và tương đương.

Trong giai đoạn 2016 - 2020, Bộ Nội vụ đã tiến hành sắp xếp tổ chức bộ máy, sáp nhập 03 cơ sở đào tạo, bồi dưỡng vào Học viện Hành chính Quốc gia¹² để góp phần nâng cao chất lượng công tác đào tạo. Các cơ sở đào tạo của Bộ đã làm tốt công

¹¹ Tăng từ 1.210.000 đồng/tháng (năm 2016) lên 1.490.000 đồng/tháng (năm 2019) đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang; điều chỉnh mức lương tối thiểu vùng tăng thêm 5,5% từ ngày 01/01/2020 và thực hiện thí điểm đổi mới cơ chế quản lý tiền lương đối với doanh nghiệp nhà nước.

¹² Trường Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, Trường Nghiệp vụ công tác tôn giáo và Trung tâm Đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ thi đua, khen thưởng. Thực hiện đầy mạnh việc phân cấp, phân quyền đối với 02 cơ sở đào tạo của Bộ Nội vụ (Học viện Hành chính Quốc gia và Đại học Nội vụ Hà Nội) thực hiện tự chủ từ năm 2021.

tác đào tạo, bồi dưỡng, không ngừng đổi mới phương thức dạy và học, đặc biệt đã đẩy mạnh phương pháp đào tạo, bồi dưỡng bằng hình thức trực tuyến.

Các bộ, ngành, địa phương đã phối hợp chặt chẽ với các cơ sở đào tạo của Bộ thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; phê duyệt và triển khai các đề án: Đào tạo nguồn nhân lực, thu hút nhân tài, xây dựng đội ngũ lãnh đạo chuyên gia đầu ngành, cán bộ chuyên môn giỏi; quy định chính sách đào tạo sau đại học, thu hút nhân tài, thu hút người có trình độ đại học loại giỏi, xuất sắc về công tác tại địa phương.

III. CÔNG TÁC THI ĐUA, KHEN THƯỞNG

Giai đoạn 2016 - 2020, Bộ Nội vụ đã tham mưu Chính phủ tập trung thực hiện nhiều nhiệm vụ quan trọng, thiết thực, tiêu biểu về công tác thi đua, khen thưởng. Đặc biệt đã phối hợp với các bộ, ban ngành tổ chức thành công Đại hội Thi đua yêu nước toàn quốc lần thứ X bảo đảm an toàn, hiệu quả và có sức lan tỏa, thúc đẩy các phong trào thi đua tới mọi tầng lớp nhân dân.

Đôn đốc, hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương tổ chức phát động các phong trào thi đua thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2020, trọng tâm là 04 phong trào thi đua do Thủ tướng Chính phủ phát động; đẩy mạnh tuyên truyền tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh về thi đua yêu nước, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật về công tác thi đua, khen thưởng; tuyên truyền các phong trào thi đua, giới thiệu các mô hình, nhân tố mới, gương điển hình tiên tiến trong các phong trào thi đua, các hoạt động kỷ niệm các ngày lễ lớn và sự kiện lịch sử trong năm 2020.

Hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương tổng kết khen thưởng công tác phòng, chống dịch bệnh Covid-19; khen thưởng đối với các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác phòng, chống tham nhũng; khen thưởng tổng kết Phong trào thi đua “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” giai đoạn 2000 - 2020; khen thưởng tổng kết Phong trào thi đua “Cả nước chung tay vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau” và Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020... Thẩm định hồ sơ đề nghị khen thưởng kịp thời cho các tập thể, cá nhân đảm bảo đúng quy định.

IV. CÔNG TÁC TÍN NGƯỠNG, TÔN GIÁO

Trong giai đoạn 2016 - 2020, Bộ Nội vụ đã chủ động tham mưu, đề xuất với Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành chính sách, pháp luật và chỉ đạo, điều hành các nội dung lớn liên quan đến công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo.

Đã tham mưu tổ chức thành công cuộc gặp mặt, biểu dương chức sắc, chức việc tôn giáo có đóng góp tiêu biểu trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc tại TP. Hồ Chí Minh và Đà Nẵng. Cuộc gặp mặt, biểu dương của Thủ tướng Chính phủ với các chức sắc tôn giáo đã diễn ra trong không khí hân hoan, cởi mở, đối thoại, trên tinh thần đoàn kết và trách nhiệm, tạo dư luận tích cực trong các tôn giáo và cả xã

hội, để lại nhiều ấn tượng tốt đẹp trong chức sắc, chức việc, tín đồ các tổ chức tôn giáo ở Việt Nam. Đã phối hợp chặt chẽ với các Bộ, ngành và địa phương liên quan hướng dẫn, giúp đỡ Giáo hội Phật giáo Việt Nam tổ chức thành công Đại lễ Phật đản Liên hợp quốc (Vesak) năm 2019 tại Hà Nam. Đã tham mưu chỉ đạo triển khai các nội dung liên quan đến việc nâng cấp quan hệ giữa Việt Nam - Vatican, các cuộc đàm phán quan hệ Việt Nam - Vatican, các cuộc tiếp xúc giữa Lãnh đạo cấp cao Việt Nam và Tòa thánh đã thu được nhiều kết quả tích cực.

Tình hình tín ngưỡng, tôn giáo cơ bản ổn định, chức sắc, chức việc và đồng bào có đạo yên tâm, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, Nhà nước; hoạt động tôn giáo tuân thủ pháp luật, theo đường hướng hành đạo gắn bó đồng hành cùng dân tộc; quan hệ giữa nhà nước và các tổ chức tôn giáo ngày càng gắn bó; các tổ chức, cá nhân tôn giáo tích cực ủng hộ và gương mẫu thực hiện chính sách, pháp luật; các hoạt động tôn giáo tiêu cực đã được hạn chế rõ rệt; tôn giáo ngày càng tham gia tích cực vào việc phát huy nguồn lực, góp phần xây dựng, bảo vệ đất nước; chính sách tôn giáo của Đảng, Nhà nước ngày càng được khẳng định.

Ban (Phòng) Tôn giáo các địa phương đã bám sát chỉ đạo của cấp trên, chủ động tham mưu cho Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo cấp ủy, chính quyền các địa phương kịp thời xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện có hiệu quả các văn bản về công tác tín ngưỡng, tôn giáo tại địa phương; thực hiện tốt công tác tranh thủ, vận động chức sắc, chức việc, tín đồ các tôn giáo tham gia thực hiện các chủ trương, chính sách phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội ở địa phương; đấu tranh, phản bác một số hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo lệch lạc, trái với thuần phong mỹ tục và truyền thống văn hóa của dân tộc.

V. CÔNG TÁC VĂN THƯ, LƯU TRỮ

Được sự quan tâm chỉ đạo sát sao của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, sự phối hợp của các cơ quan liên quan công tác văn thư, lưu trữ đã đạt nhiều kết quả quan trọng: Xây dựng và hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực văn thư, lưu trữ điện tử; công tác bảo quản an toàn và phát huy giá trị tài liệu lưu trữ được quan tâm, chú trọng; công tác tổ chức sử dụng, phát huy giá trị tài liệu được tăng cường tại các Trung tâm Lưu trữ lịch sử. Đã phối hợp với các địa phương tổ chức các cuộc trưng bày, triển lãm giới thiệu tài liệu, xây dựng các phim tư liệu giới thiệu trên truyền hình, xuất bản các ấn phẩm, bước đầu giúp công chúng tiếp cận và nâng cao nhận thức về giá trị của tài liệu và về công tác văn thư, lưu trữ. Đặc biệt, Mộc bản, Châu bản triều Nguyễn do Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước quản lý đã được UNESCO công nhận là Di sản tư liệu thuộc Chương trình ký ức thế giới, góp phần phát huy hơn nữa giá trị của tài liệu lưu trữ ở trong nước và thế giới¹³. Giai đoạn 2016 - 2020 đã thu được 1.838 mét tài liệu giấy¹⁴.

¹³ 604 bài viết, 312 clip đã đăng tải trên các báo và các phương tiện truyền thông: 604 bài viết; tổ chức 57 cuộc triển lãm giới thiệu tài liệu lưu trữ. Công tác sưu tầm tài liệu quý, hiếm của Việt Nam và về Việt Nam bước đầu đạt kết quả tốt, đặc biệt là đã sưu tầm và mua bản quyền sử dụng một số cuốn phim và sách được công chúng trong nước đón nhận và đánh giá cao.

¹⁴ Triển khai chỉnh lý cả hoàn thiện và sơ bộ 32 phong, khối tài liệu giấy với tổng số 7.463 mét. Rất nhiều tài liệu giai đoạn trước năm 1975 có tình trạng vật lý kém (mối mọt, ố vàng, rách, giòn,...), Cục Văn thư và Lưu trữ nhà

Phối hợp với các cơ quan trung ương, địa phương tổ chức triển lãm sách, tư liệu “Hồ Chí Minh: Cuộc đời và sự nghiệp”; triển lãm tài liệu lưu trữ chuyên đề “Luôn có Bác trong tim”; triển lãm “Thông nhất non sông”; triển lãm “Quốc kỳ, Quốc ca, Quốc huy: Biểu tượng tự hào dân tộc Việt Nam” và giới thiệu cuốn sách “Cách mạng Tháng Tám - Xây dựng và củng cố chính quyền 1945 - 1946”.

VI. MỘT SỐ NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

1. Về công tác cải cách hành chính

Với vai trò là cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ, Bộ Nội vụ đã tích cực tham mưu ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc tổ chức thực hiện tốt cải cách hành chính, bảo đảm tiến độ theo quy định của Chính phủ; đồng thời thông qua một số công cụ mới để theo dõi, đánh giá công tác cải cách hành chính của các bộ, ngành và địa phương¹⁵, như Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX); Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (Chỉ số SIPAS). Một số bộ, ngành, địa phương đã tích cực trong việc thành lập và triển khai vận hành Bộ phận Một cửa để tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết tại cơ quan bộ, ngành, tạo thuận lợi cho công dân, tổ chức giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính ngày càng được công khai, minh bạch và nhanh chóng. Đến nay, 100% các cơ quan hành chính nhà nước từ Trung ương đến địa phương đã ứng dụng công nghệ thông tin trong việc tiếp nhận, xử lý, ký số văn bản trên môi trường điện tử, đạt hiệu lực, hiệu quả trong công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành. Ban Chỉ đạo cũng đã tăng cường công tác kiểm tra việc thực hiện các nội dung, nhiệm vụ cải cách hành chính tại các Bộ, ngành, địa phương và các cơ quan có liên quan¹⁶.

Hiện nay, Bộ Nội vụ đang tham mưu Chính phủ thực hiện tổng kết Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011 về Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020 và xây dựng Chương trình cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030.

2. Về công tác thanh niên

Tổ chức triển khai Luật Thanh niên (sửa đổi) và các văn bản hướng dẫn thi hành tạo hành lang pháp lý cho việc xây dựng và tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật đối với thanh niên, nhằm phát huy vai trò xung kích, tình nguyện, sức sáng tạo

nước đã tập trung lựa chọn và bồi nền, tu bổ để nâng cao tuổi thọ của tài liệu, tính đến hết năm 2019, đã bồi nền được 984.847 tờ tài liệu. Thực hiện số hóa được 19 phòng, khối tài liệu với tổng số 6.128.553 trang tài liệu lưu trữ để lập bản sao bảo hiểm tài liệu và phục vụ độc giả tại phòng đọc của các Trung tâm Lưu trữ quốc gia thuộc Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước.

¹⁵ Bộ Y tế đã ban hành và triển khai Đề án đo lường sự hài lòng của người dân đối với dịch vụ y tế công lập; Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành và triển khai Đề án đo lường sự hài lòng của người dân đối với dịch vụ giáo dục công lập. Từ năm 2015 đến nay, đã có hơn 23.000 dịch vụ đã được khảo sát, đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức tại 57/63 tỉnh, thành phố, với tổng số hơn 1,2 triệu mẫu phiếu khảo sát.

¹⁶ Từ năm 2016 đến nay, Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ - Trưởng ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ đã kiểm tra cải cách hành chính hoặc kết hợp nội dung cải cách hành chính tại 3 bộ, 18 tỉnh; Bộ trưởng Bộ Nội vụ - Phó Trưởng ban Thường trực Ban Chỉ đạo đã kiểm tra cải cách hành chính, kiểm tra công vụ tại 11 bộ, 22 tỉnh; Thứ trưởng Bộ Nội vụ - Phó Trưởng ban Chỉ đạo kiểm tra cải cách hành chính tại 7 bộ, 12 tỉnh.

và tiềm năng của thanh niên, góp phần vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc¹⁷. Phối hợp với các địa phương triển khai thực hiện Dự án thí điểm tuyển chọn 600 trí thức trẻ ưu tú, có trình độ đại học tăng cường về làm Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã thuộc 62 huyện nghèo¹⁸; Đề án 500 trí thức trẻ, Đội viên Đề án được các cấp chính quyền địa phương quan tâm, bồi dưỡng nâng cao năng lực góp phần phát triển và nâng cao chất lượng trong thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao; Đề án 567, đã tổ chức được 63 lớp bồi dưỡng nâng cao năng lực quản lý cho 13.905 cán bộ, công chức trẻ ở cấp xã tại 46 tỉnh, đã lan tỏa đến chính quyền các cấp, từ đó có sự quan tâm hơn đến công tác đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ, công chức trẻ để phát huy sức trẻ, sự sáng tạo trong thực thi nhiệm vụ.

Các Sở Nội vụ đã chủ động tham mưu UBND tỉnh thực hiện Nghị định số 140/2017/NĐ-CP về chính sách thu hút, tạo nguồn cán bộ từ sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ; thực hiện Tổng kết Chương trình phát triển thanh niên trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương giai đoạn 2016 - 2020 và tích cực tổ chức triển khai thực hiện chính sách, pháp luật đối với thanh niên.

3. Về quản lý hội, quỹ và tổ chức phi chính phủ

Bộ Nội vụ đã tích cực tham mưu ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, các đề án nhằm tăng cường công tác tổ chức, quản lý, kiểm tra, giám sát và đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động của các tổ chức hội¹⁹. Công tác kiểm tra thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với hội, quỹ và tổ chức hoạt động của hội, quỹ được quan tâm, qua đó nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước đối với hội, quỹ; tạo điều kiện để các tổ chức này hoạt động đúng hướng và hiệu quả, đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Sở Nội vụ các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã thực hiện tốt công tác thẩm định, trình Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định cho phép thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể, đổi tên và phê duyệt điều lệ đối với hội có phạm vi hoạt động trong tỉnh, thành phố; hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về hội, quỹ đối với các hội, quỹ hoạt động trong phạm vi tỉnh.

4. Về công tác chiến lược phát triển và quy hoạch phát triển nguồn nhân lực ngành Nội vụ; cán bộ nữ và bình đẳng giới; dân vận, dân chủ và phối hợp với các tổ chức chính trị - xã hội

Công tác dân chủ, dân vận luôn được cấp ủy quan tâm và đổi mới trong cơ quan hành chính nhà nước, chính quyền các cấp; thực hiện biện pháp bảo đảm bình

¹⁷ Nghị định số 140/2017/NĐ-CP ngày 05/12/2017 về chính sách thu hút, tạo nguồn cán bộ từ sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ; Nghị định số 112/2017/NĐ-CP ngày 06/10/2017 về việc quy định chế độ chính sách đối với thanh niên xung phong cơ sở ở miền Nam giai đoạn 1965-1975 và Quyết định số 40/2011/QĐ-TTg ngày 27/7/2011 về quy định chế độ đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến; Quyết định số 1042/QĐ-TTg ngày 17/7/2017 phê duyệt Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển thanh niên Việt Nam giai đoạn II (2016 - 2020)

¹⁸ Tổng số trí thức trẻ hiện có 543 người (giảm 17 người so với thời điểm tháng 6/2017 tổng kết thực hiện mô hình), trong đó có 506 người đã được bố trí công tác (93,2%). Tổng số trí thức trẻ được quy hoạch vào các vị trí lãnh đạo, quản lý là 365 người (67,2%).

¹⁹ Đã thực hiện thẩm định, cho phép thành lập mới 53 hội, 22 quỹ; giải thể 01 hội; thu hồi giấy phép 02 quỹ; trung bình hàng năm cho phép tổ chức 50 đại hội nhiệm kỳ theo đúng quy định của pháp luật.

đẳng giới đối với nữ cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2016 - 2020; triển khai về quy hoạch, phát triển nhân lực ngành Nội vụ và chiến lược phát triển ngành Nội vụ giai đoạn 2011 - 2020 và tầm nhìn 2035. Hiện nay, đang tập trung xây dựng Luật Thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn.

Việc thực hiện dân chủ ở cơ sở đã phát huy hiệu quả trong Nhân dân, góp phần xây dựng chính quyền của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân; ổn định tình hình, phát triển kinh tế - xã hội, cải thiện, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của các tầng lớp Nhân dân. Công tác bình đẳng giới đạt nhiều tiến bộ, nhận thức của phụ nữ về vai trò, vị trí trong gia đình và xã hội đã có sự thay đổi, nhất là nữ cán bộ, công chức, viên chức, nữ doanh nhân, nữ trí thức, cán bộ lãnh đạo, quản lý nữ.

5. Về công tác thanh tra, pháp chế, hoạt động đối ngoại, nghiên cứu khoa học và thông tin báo chí

a) Về công tác thanh tra, kiểm tra

Tổ công tác của Thủ tướng Chính phủ về kiểm tra công vụ đã tiến hành kiểm tra hoạt động công vụ của các Bộ, ngành, địa phương trên cả nước, tập trung vào việc chấp hành các quy định của pháp luật, kỷ luật, kỷ cương hành chính; việc thực hiện chức trách nhiệm vụ; về phòng chống tiêu cực; việc quản lý, sử dụng biên chế, tinh giản biên chế gắn với sắp xếp lại tổ chức; việc tuyển dụng công chức, viên chức; bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo, số lượng cấp phó tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị; việc tiếp công dân của người đứng đầu các bộ, ngành, địa phương. Công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm được thực hiện thường xuyên, kịp thời (*Có phụ lục 5 kèm theo*).

b) Công tác pháp chế: Công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa, pháp điển, hợp nhất văn bản quy phạm pháp luật, cập nhật dữ liệu quốc gia về pháp luật được thực hiện thường xuyên; việc soạn thảo, ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Bộ, ngành Nội vụ cơ bản đã thực hiện theo đúng quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật; thực hiện kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của ngành Nội vụ do các bộ, ngành, địa phương ban hành theo đúng quy định.

c) Công tác đối ngoại: Các hoạt động đối ngoại trong các lĩnh vực Nội vụ có những bước phát triển tốt, ngày càng đi vào chiều sâu và đáp ứng kịp thời các yêu cầu công tác của ngành Nội vụ, đảm bảo các quy định về đối ngoại, an ninh, tài chính. Năm 2020, do dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp đã ảnh hưởng đến các hoạt động đối ngoại trong lĩnh vực Nội vụ; Bộ Nội vụ tổ chức hội nghị trực tuyến những người đứng đầu nền công vụ ASEAN lần thứ 20, tổ chức Hội nghị ASEAN +3; chuẩn bị các điều kiện đảm nhận vai trò Chủ tịch luân phiên của hợp tác ASEAN về các vấn đề công vụ lần thứ 21 (ACCSM 21) trong năm 2021 - 2022, đây là nội dung quan trọng góp phần đẩy mạnh hợp tác công vụ với các nước trong khu vực ASEAN và thế giới.

d) Hoạt động khoa học, công nghệ đã từng bước đổi mới, chất lượng sản phẩm nghiên cứu khoa học được nâng cao; sản phẩm của các đề tài khoa học đã góp

phần cung cấp luận cứ khoa học cho việc hoạch định, xây dựng chế độ chính sách của Bộ, ngành Nội vụ.

đ) Bộ Nội vụ đã chủ trì thực hiện cuộc Điều tra cơ sở hành chính năm 2021 theo Quyết định số 43/2016/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ qua đó, nhằm rà soát, điều chỉnh, bổ sung các chính sách quản lý, kế hoạch, quy hoạch phát triển ngành, đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu quản lý của các Bộ, ngành, địa phương.

e) Toàn ngành Nội vụ đã tổ chức thực hiện tốt Quy chế phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí, tổ chức họp báo định kỳ theo quy định. Đẩy mạnh thực hiện truyền thông về những văn bản quy phạm pháp luật mới được ban hành thuộc lĩnh vực Nội vụ. Tạp chí và các ấn phẩm của các đơn vị trong Bộ, ngành luôn bám sát nhiệm vụ chính trị của Bộ, tuyên truyền đúng định hướng, có hiệu quả.

g) Đẩy mạnh ứng dụng Công nghệ thông tin phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của Bộ, như: thực hiện giao ban không giấy tờ; tổ chức các cuộc họp, hội nghị trong nước và quốc tế theo hình thức trực tuyến; Hệ thống tác nghiệp kết nối trực liên thông văn bản quốc gia; Cổng dịch vụ công của Bộ kết nối Cổng DVC Quốc gia....

VII. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Kết quả đạt được

- Thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng, Bộ Nội vụ xác định hoàn thiện thể chế, chính sách là nhiệm vụ trọng tâm, cần tập trung ưu tiên thực hiện; các văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực Nội vụ đã điều chỉnh kịp thời và giải quyết những vấn đề mới phát sinh, khắc phục những chông chéo, vướng mắc trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

- Tổ chức bộ máy hành chính, sự nghiệp tiếp tục được kiện toàn, sắp xếp tinh gọn nhất là đầu mối bên trong của các tổ chức, cơ quan, đơn vị; việc đẩy mạnh phân cấp cho các bộ, ngành và địa phương bước đầu đạt được kết quả tích cực; chính sách tinh giản biên chế vượt chỉ tiêu theo Nghị quyết của Đảng. Công tác cán bộ, xây dựng đội ngũ có nhiều đổi mới, đạt kết quả tích cực, cơ bản đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ chính trị trong tình hình mới; công tác sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã, thôn, tổ dân phố bảo đảm đúng theo yêu cầu của Trung ương.

- Công tác cải cách hành chính được triển khai mạnh mẽ, quyết liệt, tạo sự chuyển biến rõ rệt; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác chỉ đạo, điều hành, xử lý văn bản điện tử góp phần rút ngắn thời gian giải quyết công việc, đạt hiệu lực, hiệu quả trong công tác quản lý. Công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo cơ bản ổn định; công tác thi đua, khen thưởng có nhiều đổi mới cả về nội dung, hình thức; công tác văn thư, lưu trữ từng bước đi vào nền nếp và phát huy được giá trị tài liệu lưu trữ; công tác thông tin, báo cáo phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của các cấp có thẩm quyền được chấn chỉnh, nâng cao hiệu lực, hiệu quả.

2. Tồn tại, hạn chế

- Sắp xếp tổ chức bộ máy của các đơn vị sự nghiệp công lập theo tinh thần Nghị quyết số 19-NQ/TW khóa XII vẫn còn một số nội dung chưa đạt yêu cầu.

- Kết quả thực hiện chính sách tinh giản biên chế chưa thực sự gắn với cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo Nghị quyết số 39-NQ/TW mà mới chỉ tập trung vào việc giảm số lượng người hưởng lương từ ngân sách nhà nước.

- Cải cách thủ tục hành chính chưa gắn với việc giảm thiểu các quy định về quản lý chuyên ngành nên việc cắt giảm thủ tục hành chính chưa thực sự mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội như mong đợi.

- Trình độ, phẩm chất và năng lực của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức còn nhiều mặt chưa đáp ứng yêu cầu xây dựng chính phủ điện tử, nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

- Trật tự, kỷ cương hành chính chưa nghiêm, thể hiện qua kết quả kiểm tra công vụ ở một số địa phương, bộ, ngành cho thấy còn nhiều vấn đề cần phải nhắc nhở, chấn chỉnh; vẫn còn biểu hiện gây phiền hà, sách nhiễu khi giải quyết công việc liên quan đến người dân, tổ chức.

- Công tác kiểm tra, thanh tra đã có chuyển biến, song việc xử lý, khắc phục sai phạm còn chậm, chưa kiên quyết, quyết liệt.

3. Một số nguyên nhân cơ bản

- Công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt các chủ trương, chính sách mới được ban hành chưa được thực hiện nghiêm túc, bài bản nên chưa tạo được sự thống nhất trong nhận thức về chủ trương xây dựng nền hành chính tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

- Một số địa phương thiếu chủ động, quyết liệt trong công tác chỉ đạo thực hiện; còn tình trạng đùn đẩy trách nhiệm hoặc chờ đợi xem các bộ, ngành và địa phương khác triển khai thế nào mới triển khai thực hiện.

- Công tác phối hợp giữa các bộ, ngành, địa phương để giải quyết công việc liên quan đến ngành Nội vụ chưa chặt chẽ; chưa thể hiện trách nhiệm cao khi gửi lấy ý kiến tham gia, quyết định những vấn đề quan trọng.

- Việc sắp xếp, tổ chức bộ máy hành chính, sự nghiệp còn nhiều khó khăn do một số luật chuyên ngành có quy định cụ thể về tổ chức bộ máy. Nhiều nhiệm vụ mới, phức tạp, được giao bổ sung, đột xuất, yêu cầu gấp về thời gian, thiếu các dữ liệu thông tin cần thiết để chỉ đạo, điều hành, hoạch định chính sách; người đứng đầu một số cơ quan, đơn vị chưa sâu sát, thiếu quyết liệt trong công tác quản lý cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền.

- Ý thức, trách nhiệm, năng lực tham mưu, đề xuất của một số cán bộ, công chức còn hạn chế, chưa đáp ứng kịp với yêu cầu phát triển của ngành Nội vụ.

- Công tác đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật chưa được coi trọng và chưa được thực hiện thường xuyên.

- Năm 2020, do dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp phần nào đã ảnh hưởng đến tiến độ, chất lượng thực hiện nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao.

Phần II
PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ
GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 VÀ NĂM 2021 CỦA NGÀNH NỘI VỤ

I. GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

Thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng và triển khai thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất của Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2021-2030, toàn ngành Nội vụ cần tập trung cao, nỗ lực lớn để quyết tâm hoàn thành thắng lợi một số nhiệm vụ trọng tâm sau đây:

Một là, quán triệt Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XIII và mục tiêu kế hoạch 05 năm 2021-2025 để xây dựng chương trình công tác cho cả nhiệm kỳ, bảo đảm đồng bộ, thống nhất, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước trong các lĩnh vực quản lý nhà nước của ngành Nội vụ.

Hai là, tiếp tục đôn đốc, kiểm tra, đẩy mạnh thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030 theo hướng đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, xác định rõ trách nhiệm giữa Chính phủ với các bộ, ngành với chính quyền địa phương; tiếp tục nghiên cứu, đổi mới căn bản, toàn diện và đồng bộ hệ thống các đơn vị sự nghiệp công lập, bảo đảm tinh gọn, có cơ cấu hợp lý, nâng cao chất lượng dịch vụ công.

Ba là, Sơ kết, tổng kết việc thí điểm các mô hình chính quyền đô thị trên cơ sở đó, tiếp tục hoàn thiện mô hình tổ chức chính quyền địa phương phù hợp với đặc điểm ở nông thôn, đô thị, hải đảo cho phù hợp với thực tiễn; triển khai việc sắp xếp các đơn vị hành chính giai đoạn 2021-2025 theo Nghị quyết của Bộ Chính trị và Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bốn là, hoàn thiện thể chế về tuyển dụng, sử dụng, quản lý công chức, viên chức bảo đảm đồng bộ giữa quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước; nhất là công tác quy hoạch, bổ nhiệm, đánh giá, kỷ luật; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra giải quyết dứt điểm các kết luận, kiến nghị sau thanh tra. Làm tốt công tác chính trị, tư tưởng, bảo đảm đoàn kết nội bộ và đề cao kỷ luật, kỷ cương trong hoạt động công vụ.

Năm là, tiếp tục hoàn thiện thể chế quản lý hội, tổ chức phi chính phủ; tham mưu Chính phủ trong việc theo dõi việc thi hành Luật Tín ngưỡng, tôn giáo; rà soát, hoàn thiện Luật Thi đua - Khen thưởng (sửa đổi) bảo đảm tính đồng bộ, đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

Sáu là, đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng và nghiên cứu khoa học, trong đó, đào tạo cán bộ quản lý, lãnh đạo có trình độ chuyên môn cao ngang tầm khu vực, chú trọng ứng dụng phục vụ quản lý nhà nước; tiếp tục nghiên cứu hoàn thiện mô hình tổ chức và hoạt động của Học viện hành chính quốc gia, Trường Đại học Nội vụ Hà Nội nhằm đáp ứng yêu cầu đào tạo theo tiêu chuẩn ngạch công chức, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức, vị trí việc làm và cung cấp nguồn nhân lực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

II. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM NĂM 2021

Năm 2021, là năm có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, năm đầu triển khai các Nghị quyết XIII của Đảng, để thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ, Bộ Nội vụ đề ra phương châm hành động của năm là **“kỷ cương, trách nhiệm, sáng tạo, hiệu quả”**, theo đó, toàn ngành Nội vụ tiếp tục nỗ lực, vượt qua khó khăn, thách thức, bám sát thực tiễn, hành động quyết liệt để hoàn thành nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao, trong đó tập trung thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm sau:

1. Xây dựng dự thảo Luật Thi đua, khen thưởng (sửa đổi); dự án Luật Lưu trữ (sửa đổi); Luật thực hiện dân chủ cơ sở ở xã phường, thị trấn và các văn bản, đề án được cấp có thẩm quyền giao đảm bảo tiến độ, chất lượng (*Có phụ lục 6,7 kèm theo*).

2. Chỉ đạo, tổ chức tốt công tác bầu cử Đại biểu Quốc hội Khóa XV, Đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 theo phân công của Hội đồng bầu cử Quốc gia; tổng kết việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2019-2021; rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính các cấp làm cơ sở cho việc thành lập, nhập, chia, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính các cấp cho phù hợp với tình hình mới.

3. Chỉ đạo, hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương thực hiện có hiệu quả việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập theo các quy định của Chính phủ và phù hợp với cơ cấu tổ chức của Chính phủ khóa XV nhiệm kỳ 2021-2026. Tiếp tục thực hiện tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

4. Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có đủ phẩm chất, năng lực phục vụ nhân dân và sự phát triển của đất nước; tạo môi trường, điều kiện làm việc để thúc đẩy đổi mới sáng tạo; có cơ chế lựa chọn, thu hút, trọng dụng nhân tài, khuyến khích, bảo vệ cán bộ dám nghĩ, dám làm, dám đột phá, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung. Đồng thời, có cơ chế sàng lọc, thay thế kịp thời những người không đáp ứng được yêu cầu công việc và vi phạm kỷ luật, đạo đức công vụ.

5. Tiếp tục triển khai cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp theo Nghị quyết số 107/NQ-CP ngày 16/8/2018 của Chính phủ; hoàn thiện việc xây dựng chế độ tiền lương mới theo vị trí việc làm, chức danh và chức vụ lãnh đạo, quản lý.

6. Đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức theo tiêu chuẩn ngạch công chức, tiêu chuẩn chức vụ lãnh đạo, quản lý và vị trí việc làm; tiếp tục tổ chức các khóa bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức theo các hình thức đào tạo, bồi dưỡng tập trung, bán tập trung, bồi dưỡng theo hình thức học trực tuyến.

7. Xây dựng Nghị quyết của Chính phủ ban hành Chương trình cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030; đổi mới phương pháp đánh giá chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX); chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS).

8. Tiếp tục hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương tổ chức phát động, triển khai các phong trào thi đua thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, kịp thời phát hiện, giới thiệu, biểu dương, tôn vinh gương “Người tốt, việc tốt”, tuyên truyền các mô hình mới, nhân tố mới, cách làm hay, hiệu quả để kịp thời động viên, tạo sức lan tỏa, có hiệu ứng tích cực trong cộng đồng thi đua học tập, lao động sản xuất góp phần xây dựng, bảo vệ Tổ quốc.

9. Đẩy mạnh công tác đối ngoại về tôn giáo, chủ động tham gia các diễn đàn về tôn giáo quốc tế và khu vực; hoàn thiện chính sách, pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo; tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật tín ngưỡng, tôn giáo nhằm nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật của nhân dân và chức sắc, chức việc, nhà tu hành và tín đồ các tôn giáo. Chủ động phân tích, dự báo chính xác tình hình tín ngưỡng, tôn giáo để có biện pháp quản lý hiệu quả.

10. Đẩy mạnh thực hiện công tác phát huy giá trị tài liệu lưu trữ quốc gia; tổ chức thực hiện lưu trữ điện tử trong các cơ quan nhà nước; lập bản sao bảo hiểm tài liệu lưu trữ quốc gia; thực hiện sưu tầm tài liệu lưu trữ quý, hiếm của Việt Nam và về Việt Nam.

11. Xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện Chiến lược phát triển thanh niên Việt Nam giai đoạn 2021-2030; hướng dẫn, đôn đốc thực hiện hệ thống chính sách phát triển thanh niên đã được quy định tại Luật Thanh niên (sửa đổi).

12. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thi hành pháp luật; theo dõi, đôn đốc và hướng dẫn xử lý văn bản trái pháp luật, đồng thời đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của ngành Nội vụ. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát các hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện theo quy định của pháp luật; đẩy mạnh hoạt động truyền thông các lĩnh vực công tác của ngành Nội vụ, đặc biệt là công tác xây dựng thể chế, chính sách.

III. ĐỐI VỚI VỤ (BAN) TỔ CHỨC CÁN BỘ CÁC BỘ, NGÀNH; SỞ NỘI VỤ CÁC ĐỊA PHƯƠNG

Tiếp tục tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước về các lĩnh vực công tác của ngành Nội vụ. Trong đó, tập trung vào một số nhiệm vụ cụ thể sau đây:

1. Đối với các Vụ (Ban) Tổ chức cán bộ

Tham mưu cho Lãnh đạo các bộ, ngành thực hiện việc sắp xếp, tổ chức bộ máy các cơ quan, tổ chức bên trong theo quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Nội vụ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có đủ phẩm chất, trình độ và năng lực đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, công vụ; cụ thể hóa các quy định về công tác đánh giá, phân loại công chức, viên chức gắn với kết quả và sản phẩm cụ thể phù hợp với tính chất, đặc điểm của ngành, đồng thời đề cao trách nhiệm người đứng đầu trong công tác đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức; quản lý chặt chẽ biên chế, tiếp tục thực hiện có hiệu quả chính sách tinh giản biên chế.

Tổ chức tuyên truyền, phổ biến kịp thời, sâu rộng các văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước ngành Nội vụ mới được ban hành; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện các cơ chế, chính sách liên quan đến tổ chức bộ máy và nhân sự đặc biệt là công tác tuyển dụng, sử dụng, quản lý đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

2. Đối với Sở Nội vụ

Tập trung tham mưu cho cấp ủy, chính quyền các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức tốt công tác bầu cử Đại biểu Quốc hội Khóa XV, Đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Sắp xếp lại các cơ quan chuyên môn trực thuộc UBND cấp tỉnh, cấp huyện theo quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Nội vụ về cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện; tiếp tục tham mưu sắp xếp lại tổ chức bên trong các cơ quan, đơn vị theo thẩm quyền; đẩy nhanh tiến độ xây dựng và hoàn thiện vị trí việc làm để làm cơ sở sắp xếp, bố trí cán bộ, tinh giản biên chế và thực hiện cải cách chính sách tiền lương.

Tiếp tục sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã, thôn, tổ dân phố theo Nghị quyết số 653/2019/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Nghị quyết số 32/NQ-CP của Chính phủ về sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trong giai đoạn 2019 - 2021.

Tăng cường quản lý, siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính, không để xảy ra những vụ việc gây hậu quả và tác động tiêu cực, thiếu trách nhiệm, vô kỷ luật trong việc thực thi công vụ; chủ động phòng ngừa, ngăn chặn, xử lý các biểu hiện vi phạm đạo đức công vụ. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền về cải cách hành chính; triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông gắn với rà soát, đơn giản hoá thủ tục hành chính.

IV. MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Đẩy mạnh công tác xây dựng, hoàn thiện thể chế, chính sách; rà soát, tham mưu sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế các văn bản quy định về công tác cán bộ bảo đảm đồng bộ, liên thông giữa hệ thống văn bản của Đảng với các quy định của pháp luật.

2. Tiếp tục kiện toàn, sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy tổ chức bên trong các cơ quan, đơn vị theo thẩm quyền. Đổi mới hệ thống các đơn vị sự nghiệp công lập phù hợp với tình hình mới, sửa đổi bổ sung các cơ chế, chính sách tạo điều kiện đầy mạnh cung ứng dịch vụ sự nghiệp công theo cơ chế thị trường và thúc đẩy xã hội hóa trong cung cấp các dịch vụ sự nghiệp công, nâng cao chất lượng hoạt động cung ứng các dịch vụ công đáp ứng nhu cầu của xã hội.

3. Nâng cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu trong cơ quan, tổ chức, đơn vị, đặc biệt là trách nhiệm nêu gương trong quá trình chỉ đạo, điều hành thực hiện nhiệm vụ. Siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra để kịp thời phát hiện, khắc phục, xử lý những vi phạm trong thực

thi nhiệm vụ, công vụ đối với tập thể, cá nhân.

4. Chủ động phối hợp với các địa phương kịp thời nắm bắt những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã để giải quyết, tháo gỡ hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

5. Đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng và nghiên cứu khoa học, tổ chức các khóa bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức theo các hình thức đào tạo, bồi dưỡng tập trung, bán tập trung, bồi dưỡng theo hình thức học trực tuyến.

6. Tiếp tục hoàn thiện thể chế quản lý hội, tổ chức phi chính phủ; tham mưu Chính phủ trong việc theo dõi việc thi hành Luật Tín ngưỡng, tôn giáo; Tiếp tục rà soát, hoàn thiện dự án Luật Thi đua - Khen thưởng sửa đổi bảo đảm tính đồng nhất, đồng bộ, đáp ứng yêu cầu thực tiễn. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác văn thư - lưu trữ; bảo quản kho lưu trữ khoa học, hiện đại; tổ chức tốt việc khai thác, thu thập tư liệu lịch sử.

7. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành ngành Nội vụ, triển khai Chính phủ điện tử của Bộ Nội vụ, hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu của Bộ; tăng cường khả năng kết nối, chia sẻ thông tin giữa Bộ Nội vụ và các bộ, ngành, địa phương; công khai kết quả giải quyết thủ tục hành chính trên Trang/Cổng thông tin điện tử của bộ, ngành và địa phương.

Trên đây là báo cáo công tác giai đoạn 2016 - 2020 và triển khai nhiệm vụ công tác năm 2021 ngành Nội vụ./.

BỘ NỘI VỤ

Phụ lục 1
BẢNG TỔNG HỢP DANH MỤC VĂN BẢN, ĐỀ ÁN
TRÌNH CẤP CÓ THẨM QUYỀN VÀ BAN HÀNH THEO THẨM QUYỀN TRONG GIAI ĐOẠN 2016 - 2020
(Kèm theo Báo cáo số: /BC-BNV ngày tháng năm 2020 của Bộ Nội vụ)

I. CÁC VĂN BẢN, ĐỀ ÁN TRÌNH CẤP CÓ THẨM QUYỀN TRONG GIAI ĐOẠN 2016 - 2020

STT	Số, ký hiệu	Nội dung trích yếu	Năm ban hành
I.	Các văn bản, đề án trình Ban Chấp hành Trung ương		
1.	18-NQ/TW ngày 25/10/2017	Nghị quyết về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả	2017
2.	19-NQ/TW ngày 25/10/2017	Nghị quyết về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập	2017
3.	26-NQ/TW ngày 19/5/2018	Nghị quyết về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ	2018
4.	27-NQ/TW ngày 21/5/2018	Nghị quyết về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp	2018
5.	28-NQ/TW ngày 23/5/2018	Nghị quyết về cải cách chính sách bảo hiểm xã hội	
II.	Các văn bản, đề án trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư		
1.	Đề án tổng thể sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trong giai đoạn 2019 - 2021		
2.	Đề án tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức		
3.	Đề án sửa đổi, bổ sung Thông báo số 193-TB/TW ngày 20/9/2005 của Bộ Chính trị khóa IX về xét tặng Huân chương bậc cao		
4.	Đề án “Thí điểm đổi mới cách tuyên chọn lãnh đạo cấp Vụ, cấp Sở, cấp phòng”;		

5.	Đề án “Một số vấn đề về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy và chính sách đối với cán bộ xã, phường, thị trấn”	
6.	Đề án chính sách tổng thể về tín ngưỡng, tôn giáo ở nước ta	
7.	Chỉ thị về đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước hướng tới kỷ niệm 70 năm ngày Chủ tịch Hồ Chí Minh ra Lời kêu gọi thi đua ái quốc	
8.	Đề án “Đánh giá tình hình hoạt động 5 năm gần đây của các Liên hiệp Hội: Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam, Văn học nghệ thuật Việt Nam, các tổ chức hữu nghị Việt Nam và các tổ chức trực thuộc, Liên hiệp Hội và đề xuất chủ trương, giải pháp”	
9.	Đề án về chính sách đối với cán bộ về công tác ở địa bàn khó khăn	
III. Các văn bản trình Quốc hội, UBND		
A. Các văn bản trình Quốc hội		
1.	Luật số 02/2016/QH14 ngày 18/11/2016	Luật Tín ngưỡng, tôn giáo 2016
2.	Luật số 47/2019/QH14 ngày 22/11/2019	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương 2019
3.	Luật số 52/2019/QH14 ngày 25/11/2019	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật cán bộ, công chức và Luật viên chức 2019
4.	Luật số 57/2020/QH14 ngày 16/6/2020	Luật Thanh niên (sửa đổi) 2020
B. Các văn bản trình UBND		
1.	Nghị quyết số 1130/2016/UBND ngày 14/01/2016	Về tiêu chuẩn, điều kiện thành lập Ban Dân tộc của HĐND tỉnh, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh 2016
2.	Nghị quyết số 1211/2016/UBND ngày 25/5/2016	Về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính 2016
3.	Nghị quyết số 653/2019/NQ-UBND ngày 12/3/2019	Về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trong giai đoạn 2019-2021 2019

4.	Nghị quyết số 97/2019/QH14 ngày 27/11/2019	Thí điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị tại thành phố Hà Nội	2019
5.	Nghị quyết số 131/2020/QH14 ngày 16/11/2020	Nghị quyết của Quốc hội về thí điểm tổ chức chính quyền đô thị tại thành phố Hồ Chí Minh	2020
6.	Nghị quyết số 119/2020/QH14 ngày 09/6/2020	Về thí điểm tổ chức chính quyền đô thị tại thành phố Đà Nẵng	2020
7.	Nghị quyết số 623/NQ-UBTVQH14 ngày 10/01/2019	Về việc nhập 02 đơn vị hành chính cấp xã, thành lập 06 phường thuộc thị xã Chí Linh và thành lập thành phố Chí Linh thuộc tỉnh Hải Dương.	2019
8.	Nghị quyết số 655/NQ-UBTVQH14 ngày 12/3/2019	Về việc thành lập thị trấn Vĩnh Viễn thuộc huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.	2019
9.	Nghị quyết số 656/NQ-UBTVQH14 ngày 13/3/2019	Về việc thành lập thị xã Mỹ Hào thuộc tỉnh Hưng Yên và 7 phường thuộc thị xã Mỹ Hào.	2019
10.	Nghị quyết số 694/NQ-UBTVQH14	Về việc điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính và thành lập một số đơn vị hành chính đô thị cấp xã thuộc tỉnh Đồng Nai.	2019
11.	Nghị quyết số 721/NQ-UBTVQH14 ngày 16/7/2019	Về việc thành lập phường Lộc Hòa và phường Mỹ Xá thuộc thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.	2019
12.	Nghị quyết số 56/2017/QH14 ngày 24/11/2017	Về việc tiếp tục cải cách bộ máy hành chính nhà nước tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả	2017
13.	Nghị quyết số 768/NQ-UBTVQH14	Về việc thành lập thị xã Kinh Môn và các phường, xã thuộc thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.	2019
14.	Nghị quyết số 1132/NQ-UBTVQH13 ngày 16/01/2016	Hướng dẫn xác định dự kiến cơ cấu, thành phần, phân bổ số lượng người được giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp.	2016
15.		Nghị quyết của Quốc hội về cơ cấu tổ chức của Chính phủ nhiệm kỳ 2016- 2021.	2016
16.	Nghị quyết số 1206/2016/NQ-UBTVQH13 ngày 13/5/2016	Quy định chế độ và các điều kiện bảo đảm hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân	2016
IV.	Các văn bản, đề án trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ		
A	Các Nghị định của Chính phủ		
1.	Nghị định số 08/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016	Quy định số lượng Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân và quy trình, thủ tục bầu, từ chức, miễn nhiệm, bãi nhiệm, điều động, cách chức thành viên Ủy ban nhân dân	2016

2.	Nghị định số 10/2016/NĐ-CP ngày 01/02/2016	Quy định về cơ quan thuộc Chính phủ	2016
3.	Nghị định số 47/2016/NĐ-CP ngày 26/5/2016	Quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang	2016
4.	Nghị định số 48/2016/NĐ-CP ngày 27/5/2016	Quy định cụ thể về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và biên chế của Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	2016
5.	Nghị định số 117/2016/NĐ-CP ngày 21/7/2016	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang	2016
6.	Nghị định số 123/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016	Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ	2016
7.	Nghị định số 34/2017/NĐ-CP ngày 03/4/2017	Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ	2017
8.	Nghị định số 47/2017/NĐ-CP ngày 24/4/2017	Quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang	2017
9.	Nghị định số 78/2017/NĐ-CP ngày 03/7/2017	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 120/2007/NĐ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thanh niên	2017
10.	Nghị định số 88/2017/NĐ-CP ngày 27/7/2017	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 56/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về đánh giá và phân loại cán bộ, công chức, viên chức	2017
11.	Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017	Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng	2017
12.	Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017	Về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức	2017
13.	Nghị định số 112/2017/NĐ-CP ngày 06/10/2017	Về chế độ, chính sách đối với thanh niên xung phong cơ sở ở miền Nam tham gia kháng chiến giai đoạn 1965-1975	2017
14.	Nghị định số 140/2017/NĐ-CP ngày 05/12/2017	Về chính sách thu hút, tạo nguồn cán bộ từ sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ	2017
15.	Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017	Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo	2017

16.	Nghị định số 54/2018/NĐ-CP ngày 16/4/2018	Hướng dẫn việc lấy ý kiến cử tri về thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới hành chính	2018
17.	Nghị định số 72/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018	Quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang	2018
18.	Nghị định số 101/2018/NĐ-CP ngày 20/7/2018	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 85/2014/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ quy định mẫu huân chương, huy chương, huy hiệu, kỷ niệm chương; mẫu bằng, khung, hộp, cờ của các hình thức khen thưởng và danh hiệu thi đua; quản lý, cấp phát, cấp đổi, cấp lại, thu hồi hiện vật khen thưởng	2018
19.	Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018	Sửa đổi, bổ sung Nghị định số 108/2014/NĐ-CP của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế	2018
20.	Nghị định số 158/2018/NĐ-CP	Quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức hành chính	2018
21.	Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018	Sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập	2018
22.	Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019	Sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố	2019
23.	Nghị định số 38/2019/NĐ-CP ngày 09/5/2019	Quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang	2019
24.	Nghị định số 47/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2019	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 10/2016/NĐ-CP ngày 01/02/2016 của Chính phủ quy định về cơ quan thuộc Chính phủ	2019
25.	Nghị định số 76/2019/NĐ-CP ngày 08/10/2019	Về chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và người hưởng lương trong lực lượng vũ trang công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn	2019
26.	Nghị định số 93/2019/NĐ-CP ngày 25/11/2019	Về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện	2019
27.	Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020	Về công tác văn thư	2020

28.	Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020	Về vị trí việc làm và biên chế công chức	2020
29.	Nghị định số 69/2020/NĐ-CP ngày 24/6/2020	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2016/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ quy định số lượng Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân và quy trình, thủ tục bầu, từ chức, miễn nhiệm, bãi nhiệm, điều động, cách chức thành viên Ủy ban nhân dân	2020
30.	Nghị định số 90/2020/NĐ-CP ngày 13/8/2020	Về đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức	2020
31.	Nghị định số 101/2020/NĐ-CP ngày 28/8/2020	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của bộ, cơ quan ngang bộ	2020
32.	Nghị định số 104/2020/NĐ-CP ngày 04/9/2020	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 53/2015/NĐ-CP ngày 29/5/2015 của Chính phủ quy định về nghỉ hưu ở tuổi cao hơn đối với cán bộ, công chức	2020
33.	Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020	Về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập	2020
34.	Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	2020
35.	Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	2020
36.	Nghị định số 112/2020/NĐ-CP ngày 18/9/2020	Về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức	2020
37.	Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020	Quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức	2020
38.	Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020	Quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập	2020
39.	Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020	Quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức	2020

40.	Nghị định số 143/2020/NĐ-CP ngày 10/12/2020	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP và Nghị định số 113/2018/NĐ-CP quy định về chính sách tinh giản biên chế	2020
B	Các Nghị quyết của Chính phủ		
1.	Nghị quyết số 21/NQ-CP ngày 21/3/2016	Về phân cấp quản lý nhà nước giữa Chính phủ và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	2016
2.	Nghị Quyết số 08/NQ-CP ngày 24/01/2018	Về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khoá XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập	2018
3.	Nghị quyết số 10/NQ-CP ngày 03/02/2018	Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XII một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; Kế hoạch số 07-KH/TW ngày 27/11/2017 của Bộ Chính trị thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW; Nghị quyết số 56/2017/QH14 ngày 24/11/2017 của Quốc hội về việc tiếp tục cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả	2018
4.	Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 24/6/2020	về đẩy mạnh phân cấp quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực	2020
5.	Nghị quyết số 102/NQ-CP ngày 03/7/2020	về giải pháp đối với biên chế sự nghiệp giáo dục và y tế	2020
6.	Nghị quyết số 32/NQ-CP ngày 14/5/2019	Ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trong giai đoạn 2019-2021.	2019
7.	Nghị quyết số 107/NQ-CP ngày 16/8/2018	Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21 tháng 5 năm 2018 của Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp.	2018
8.	Nghị quyết số 132/NQ-CP ngày 24/10/2018	Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 19 tháng 5 năm 2018 của Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ; Kế hoạch số 10-KH/TW ngày 06/6/2018 của Bộ Chính trị thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW.	2018

9.	Nghị quyết số 25/NQ-CP ngày 08/02/2017	Chương trình hành động của Chính phủ triển khai Nghị quyết Trung ương 4, Khóa XII về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng, ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ.	2017
C			
Các văn bản trình Thủ tướng Chính phủ			
Quyết định của Thủ tướng Chính phủ			
1.	Quyết định số 05/2018/QĐ-TTg ngày 23/01/2018	Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Học viện Hành chính Quốc gia	2018
2.	Quyết định số 29/2018/QĐ-TTg ngày 06/7/2018	Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương trực thuộc Bộ Nội vụ	2018
3.	Quyết định số 32/2018/QĐ-TTg ngày 03/8/2018	Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Tôn giáo Chính phủ trực thuộc Bộ Nội vụ	2018
4.	Quyết định số 26/2018/QĐ-TTg ngày 22/6/2018	Thí điểm thành lập Đội Quản lý trật tự xây dựng đô thị trực thuộc Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã tại thành phố Hà Nội (<i>phối hợp cùng trình</i>)	2018
5.	Quyết định số 19/2019/QĐ-TTg ngày 10/5/2019	Về việc giữ lại con dấu hé giá trị sử dụng của một số cơ quan, tổ chức, chức danh nhà nước để lưu trữ, phục vụ nghiên cứu lịch sử	2019
Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ			
1.	Chỉ thị số 02/CT-TTg ngày 06/01/2017	Về việc đẩy mạnh thực hiện chủ trương tinh giản biên chế	2017
2.	Chỉ thị số 01/CT-TTg ngày 13/01/2016	Về tổ chức cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XIV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2016 – 2021.	2016
3.	Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 16/5/2016	Về tăng cường và đổi mới công tác dân vận trong cơ quan hành chính nhà nước	2016
4.	Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 05/9/2016	Về tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong các cơ quan hành chính nhà nước các cấp	2016
5.	Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 08/9/2016	Về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh	2016
6.	Chỉ thị số 35/CT-TTg ngày 07/9/2017	Về tăng cường công tác lập hồ sơ và giao nộp hồ sơ, tài liệu vào Lưu trữ cơ quan, lưu trữ lịch sử.	2017

7.	Chỉ thị số 28/CT-TTg ngày 18/9/2018	Về đẩy mạnh bồi dưỡng trước khi bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo, quản lý đối với cán bộ, công chức, viên chức	2018
V.	Các văn bản ban hành theo thẩm quyền		
1.	Thông tư số 01/2016/TT-BNV ngày 13/01/2016	Hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 04/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ về thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập	2016
2.	Thông tư số 02/2016/TT-BNV ngày 01/02/2016	Hướng dẫn nghiệp vụ công tác tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XIV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2016 - 2021	2016
3.	Thông tư số 03/2016/TT-BNV ngày 25/5/2016	Hướng dẫn về thành lập và hoạt động của Hội đồng quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập	2016
4.	Thông tư số 04/2016/TT-BNV ngày 10/6/2016	Hướng dẫn một số nội dung về thanh tra chuyên ngành trong lĩnh vực tôn giáo	2016
5.	Thông tư số 05/2016/TT-BNV ngày 10/6/2016	Hướng dẫn thực hiện mức lương cơ sở đối với các đối tượng hưởng lương, phụ cấp trong các cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập của đảng, nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội và hội	2016
6.	Thông tư số 06/2016/TT-BNV ngày 24/11/2016	Quy định chế độ thông tin, báo cáo công tác ngành nội vụ	2016
7.	Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-BKHCN-BNV ngày 11/01/2016	Hướng dẫn thực hiện việc bổ nhiệm và xếp lương theo chức danh nghề nghiệp đối với viên chức chuyên ngành khoa học và công nghệ	2016
8.	Thông tư liên tịch số 06/2016/TTLT-BTTTT-BNV ngày 10/3/2016	Hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Thông tin và Truyền thông thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Phòng Văn hóa và Thông tin thuộc UBND cấp huyện do Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông - Bộ Nội vụ ban hành	2016
9.	Thông tư liên tịch số 11/2016/TTLT-BTTTT-BNV ngày 14/4/2016	Quy định mã số tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp của các chức danh viên chức Biên tập viên, Phóng viên, Biên dịch viên và Đạo diễn truyền hình thuộc chuyên ngành Thông tin và truyền thông	2016

10.	Thông tư liên tịch 11/2016/TTLT-BXD-BNV ngày 29/6/2016	Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương theo chức danh nghề nghiệp đối với viên chức chuyên ngành xây dựng	2016
11.	Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BTNMT-BNV ngày 30/6/2016	Quy định tiêu chuẩn, điều kiện, hình thức, nội dung thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành tài nguyên và môi trường	2016
12.	Thông tư liên tịch 07/2016/TTLT-BVHTTDL-BNV ngày 30/6/2016	Quy định mã số, tiêu chuẩn, bổ nhiệm và xếp lương cho viên chức chuyên ngành mỹ thuật	2016
13.	Thông tư liên tịch số 19/2016/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 22/6/2016	Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật trong các cơ sở giáo dục công lập	2016
14.	Thông tư liên tịch 06/2016/TTLT-BVHTTDL-BNV ngày 30/6/2016	Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương theo chức danh nghề nghiệp đối với viên chức chuyên ngành văn hóa cơ sở	2016
15.	Thông tư liên tịch số 08/2016/TTLT-BTP-BNV ngày 23/6/2016	Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức Trợ giúp viên pháp lý	2016
16.	Thông tư liên tịch 08/2016/TTLT-BYT-BNV ngày 15/4/2016	Về mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dân số quy định về mã số và phân hạng chức danh nghề nghiệp dân số	2016
17.	Thông tư số 01/2017/TT-BNV ngày 24/01/2017	Hướng dẫn về phụ cấp chức vụ lãnh đạo đối với chức danh Đội trưởng, Phó Đội trưởng Đội nghiệp vụ thanh tra ngành Giao thông vận tải	2017
18.	Thông tư số 02/2017/TT-BNV ngày 12/5/2017	Hướng dẫn thực hiện mức lương cơ sở đối với các đối tượng hưởng lương, phụ cấp trong các cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội và hội	2017
19.	Thông tư số 03/2017/TT-BNV ngày 19/5/2017	của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành Nội vụ	2017
20.	Thông tư số 04/2017/TT-BNV ngày 17/7/2017	Hướng dẫn thực hiện điều chỉnh mức trợ cấp hàng tháng từ ngày 01 tháng 7 năm 2017 đối với cán bộ xã đã nghỉ việc theo Quyết định số 130-CP ngày 20 tháng 6 năm 1975 của Hội đồng Chính phủ và Quyết định số 111-HĐBT ngày 13 tháng 10 năm 1981 của Hội đồng Bộ trưởng	2017

21.	Thông tư số 05/2017/TT-BNV ngày 15/8/2017	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2014/TT-BNV ngày 09/10/2014 và Thông tư số 13/2010/TT-BNV ngày 30/12/2010 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về tiêu chuẩn nghiệp vụ chuyên môn, bổ nhiệm ngạch và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành hành chính và việc tổ chức thi nâng ngạch công chức	2017
22.	Thông tư số 06/2017/TT-BNV ngày 27/9/2017	Quy định mã số chức danh nghề nghiệp giáo viên dự bị đại học	2017
23.	Thông tư số 07/2017/TT-BNV ngày 10/7/2017	Hướng dẫn thực hiện chế độ tiền lương đối với người làm việc trong tổ chức cơ yếu hưởng lương và phụ cấp từ ngân sách nhà nước	2017
24.	Thông tư số 08/2017/TT-BNV ngày 27/10/2017	Quy định chi tiết thi hành Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 01/8/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng	2017
25.	Thông tư số 09/2017/TT-BNV ngày 29/12/2017	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố	2017
26.	Thông tư số 10/2017/TT-BNV ngày 29/12/2017	Quy định về đánh giá chất lượng bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức	2017
27.	Thông tư số 01/2018/TT-BNV ngày 08/01/2018	Hướng dẫn một số điều của Nghị định số 101/2018/NĐ-CP ngày 01/9/2018 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức	2018
28.	Thông tư số 02/2018/TT-BNV ngày 08/01/2018	Quy định mã số chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành công nghệ thông tin	2018
29.	Thông tư số 03/2018/TT-BNV ngày 06/3/2018	Quy định chế độ báo cáo thống kê ngành Nội vụ	2018
30.	Thông tư số 04/2018/TT-BNV ngày 27/3/2018	Hướng dẫn về thẩm quyền, thủ tục bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, thay thế và phụ cấp trách nhiệm công việc của kế toán trưởng, phụ trách kế toán của các đơn vị kế toán trong lĩnh vực kế toán nhà nước	2018
31.	Thông tư số 05/2018/TT-BNV ngày 09/5/2018	Quy định mã số chức danh nghề nghiệp viên chức Âm thanh viên, Phát thanh viên, Kỹ thuật dựng phim, Quay phim thuộc chuyên ngành Thông tin và Truyền thông	2018
32.	Thông tư số 06/2018/TT-BNV ngày 31/5/2018	Hướng dẫn thực hiện mức lương cơ sở đối với các đối tượng hưởng lương, phụ cấp trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội và hội	2018

33.	Thông tư số 07/2018/TT-BNV ngày 15/6/2018	Quy định việc bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp giáo viên dự bị đại học	2018
34.	Thông tư số 08/2018/TT-BNV ngày 28/6/2018	Hướng dẫn thực hiện điều chỉnh mức trợ cấp hàng tháng từ ngày 01/7/2018 đối với cán bộ xã đã nghỉ việc theo Quyết định số 130-CP ngày 20/6/1975 của Hội đồng Chính phủ và Quyết định số 111-HĐBT ngày 13/10/1981 của Hội đồng Bộ trưởng	2018
35.	Thông tư số 09/2018/TT-BNV ngày 13/9/2018	Quy định mã ngạch công chức quản lý thị trường	2018
36.	Thông tư số 10/2018/TT-BNV ngày 13/9/2018	Quy định mã số chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành giáo dục nghề nghiệp	2018
37.	Thông tư số 11/2018/TT-BNV ngày 14/9/2018	Ban hành về Bộ Chỉ tiêu thống kê về thanh niên Việt Nam	2018
38.	Thông tư số 12/2018/TT-BNV ngày 09/10/2018	Bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ Nội vụ ban hành, liên tịch ban hành	2018
39.	Thông tư số 13/2018/TT-BNV ngày 19/10/2018	Sửa đổi Khoản 8 Mục III Thông tư số 79/2005/TT-BNV ngày 10/8/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn chuyển xếp lương đối với cán bộ, công chức, viên chức khi thay đổi công việc và các trường hợp được chuyển công tác từ lực lượng vũ trang, cơ yếu và công ty nhà nước vào làm việc trong các cơ quan nhà nước và các đơn vị sự nghiệp của Nhà nước	2018
40.	Thông tư số 14/2018/TT-BNV ngày 03/12/2018	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31/8/2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố	2018
41.	Thông tư số 01/2019/TT-BNV ngày 24/01/2019	Quy định quy trình trao đổi, lưu trữ, xử lý tài liệu điện tử trong công tác văn thư, các chức năng cơ bản của Hệ thống quản lý tài liệu điện tử trong quá trình xử lý công việc của các cơ quan, tổ chức	2019
42.	Thông tư số 02/2019/TT-BNV ngày 24/01/2019	Quy định tiêu chuẩn dữ liệu thông tin đầu vào và yêu cầu bảo quản tài liệu lưu trữ điện tử	2019
43.	Thông tư số 03/2019/TT-BNV ngày 14/5/2019	Sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập	2019

44.	Thông tư số 04/2019/TT-BNV ngày 24/5/2019	Hướng dẫn thực hiện mức lương cơ sở đối với các đối tượng hưởng lương, phụ cấp trong các cơ quan, tổ chức đơn vị sự nghiệp công lập của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội và Hội	2019
45.	Thông tư số 06/2019/TT-BNV ngày 01/6/2019	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2012/TT-BNV ngày 17/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định về chế độ báo cáo thống kê và quản lý hồ sơ công chức	2019
46.	Thông tư số 07/2019/TT-BNV ngày 01/6/2019	Quy định về chế độ báo cáo thống kê và quản lý hồ sơ viên chức	2019
47.	Thông tư số 08/2019/TT-BNV ngày 10/6/2019	Quy định chế độ báo cáo công tác ngành Nội vụ	2019
48.	Thông tư số 09/2019/TT-BNV ngày 14/6/2019	Hướng dẫn thực hiện điều chỉnh mức trợ cấp hàng tháng đối với cán bộ xã đã nghỉ việc theo Quyết định số 130-CP ngày 20/6/1975 của Hội đồng Chính phủ và Quyết định số 111-HĐBT ngày 13/10/1981 của Hội đồng Bộ trưởng	2019
49.	Thông tư số 10/2019/TT-BNV ngày 02/8/2019	Hướng dẫn việc xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành văn thư	2019
50.	Thông tư số 11/2019/TT-BNV ngày 30/9/2019	Bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành	2019
51.	Thông tư số 12/2019/TT-BNV ngày 04/11/2019	Quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng	2019
52.	Thông tư số 13/2019/TT-BNV ngày 06/11/2019	Hướng dẫn một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố	2019
53.	Thông tư số 14/2019/TT-BNV ngày 15/11/2019	Quy định tặng Kỷ niệm chương về các lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Nội vụ	2019
54.	Thông tư số 15/2019/TT-BNV ngày 27/11/2019	Bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Nội vụ liên tịch ban hành	2019
55.	Thông tư số 01/2020/TT-BNV ngày 16/4/2020	Bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành	2020
56.	Thông tư số 02/2020/TT-BNV ngày 14/7/2020	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 09/2014/TT-BNV ngày 01/10/2014 hướng dẫn về quản lý Chứng chỉ hành nghề nghề lưu trữ và hoạt động dịch vụ lưu trữ	2020

57.	Thông tư số 03/2020/TT-BNV ngày 21/7/2020	Quy định chi tiết về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, biện pháp bảo vệ vị trí công tác của người tố cáo là cán bộ, công chức, viên chức	2020
58.	Thông tư số 04/2020/TT-BNV ngày 13/10/2020	Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 93/2019/NĐ-CP ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện.	2020
59.	Thông tư số 05/2020/TT-BNV ngày 09/11/2020	Bãi bỏ khoản 7 Điều 2 Thông tư số 12/2019/TT-BNV ngày 04 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng	2020
60.	Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020	Ban hành Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức	2020

Phụ lục 2

KẾT QUẢ SẮP XẾP TỔ CHỨC BỘ MÁY, TÍNH GIẢM BIÊN CHẾ

(Kèm theo Báo cáo số /BC-BNV ngày tháng năm 2020 của Bộ Nội vụ)

1. Về sắp xếp tổ chức bộ máy

a) Bộ, ngành Trung ương:

- Vụ và tương đương giảm 12 tổ chức (giảm 4,6%).

- Cục và tương đương tăng 07 tổ chức (tăng 5,88%).

- Tổng cục và tương đương tăng 02 tổng cục (tăng 6,9%). Không tính giảm 6 tổng cục thuộc Bộ Công an.

- Về số lượng cấp phó:

+ Theo quy định tại Luật Tổ chức Chính phủ năm 2015: Số lượng Thứ trưởng, Phó Thứ trưởng cơ quan ngang Bộ không quá 05 (Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Ngoại giao không quá 06). Trong trường hợp do sáp nhập Bộ, cơ quan ngang Bộ hoặc do yêu cầu điều động, luân chuyển cán bộ của cơ quan có thẩm quyền thì Thủ tướng Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định. Cụ thể số Thứ trưởng, Phó Thứ trưởng cơ quan ngang Bộ tại thời điểm ngày 10/10/2020 như sau: (1) Có 01 Bộ có 03 Thứ trưởng (ít hơn 02): Bộ Thông tin và Truyền thông; (2) Có 06 Bộ, cơ quan ngang Bộ có 04 Thứ trưởng và tương đương (ít hơn 01): Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; Bộ Y tế; Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Ủy ban Dân tộc; (3) Có 09 Bộ, cơ quan ngang Bộ có 05 Thứ trưởng và tương đương (bằng số quy định): Bộ Tài chính; Bộ Tư pháp; Bộ Công Thương; Bộ Khoa học và Công nghệ; Bộ Tài nguyên và Môi trường; Bộ Giao thông vận tải; Bộ Xây dựng; Bộ Giáo dục và Đào tạo; Thanh tra Chính phủ; (4) Có 04 Bộ có 06 Thứ trưởng: Bộ Ngoại giao (bằng số quy định); Bộ Nội vụ (vượt 01); Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (vượt 01); Văn phòng Chính phủ (vượt 01); (5) Có 02 Bộ có 09 Thứ trưởng (vượt 03): Bộ Quốc phòng, Bộ Công an.

Số lượng Thứ trưởng nhiều hơn so với quy định ở một số Bộ (Quốc phòng, Công an, Nội vụ, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) chủ yếu là do sắp xếp tổ chức bộ máy và yêu cầu của công tác cán bộ như thực hiện chủ trương luân chuyển, điều động cán bộ lãnh đạo từ địa phương về Trung ương.

- Về số lượng cấp phó của các tổ chức khác trong Bộ, cơ quan ngang Bộ:

Theo quy định tại Luật Tổ chức Chính phủ năm 2015: Số lượng cấp phó của người đứng đầu vụ, văn phòng, thanh tra, cục, đơn vị sự nghiệp công lập không quá 03; số lượng cấp phó của người đứng đầu tổng cục không quá 04. Qua tổng hợp báo cáo của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, tính đến thời điểm 31/12/2019²⁰, số lượng lãnh đạo cấp phó của vụ, cục, tổng cục và tổ chức tương đương thuộc Bộ như sau: (1) Số lượng Phó Tổng cục trưởng và tương đương bình quân là 2,8; (2) Số lượng Phó Cục trưởng và tương đương bình quân là 2,9; (3) Số lượng Phó Vụ trưởng và tương đương bình quân là 2,5.

²⁰ Nguồn: Tổng hợp báo cáo của các Bộ, cơ quan ngang Bộ (không bao gồm Bộ Quốc phòng, Bộ Công an).

Tuy nhiên, tại một số Bộ, ngành, cơ quan Trung ương do đặc thù công việc và để bảo đảm chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức khi được điều động về các cơ quan ở Trung ương công tác nên đã thực hiện việc bổ nhiệm chức danh “hàm”. Tại Nghị quyết số 18-NQ/TW có yêu cầu: “Quy định cụ thể tiêu chuẩn, điều kiện, chính sách để giảm phạm vi, đối tượng bổ nhiệm cấp hàm. Thực hiện nhiệm vụ được giao, Ban Tổ chức Trung ương đang chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan nghiên cứu, xây dựng Đề án "Xây dựng tiêu chuẩn, chế độ, chính sách đối với đội ngũ chuyên gia; tiêu chuẩn, chế độ trợ lý, thư ký các đồng chí Bộ Chính trị, Ban Bí thư và lãnh đạo của Đảng, Nhà nước" để khắc phục việc bổ nhiệm chức danh “hàm” trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị. Do đó, để thực hiện nghiêm các quy định của Đảng và của pháp luật về công tác cán bộ, trong thời gian chưa có quy định mới của Bộ Chính trị, của Chính phủ về vấn đề bổ nhiệm chức danh “hàm”, Bộ Nội vụ đã có văn bản đề nghị các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan liên quan không thực hiện việc bổ nhiệm mới chức danh "hàm" đối với cán bộ, công chức, viên chức.

Riêng về tổ chức Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Nội vụ đã trình Chính phủ có Báo cáo số 316/BC-CP ngày 10/7/2020 tổng kết thực hiện Nghị quyết số 580/2018/UBTVQH14 ngày 04/10/2018 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc thí điểm hợp nhất Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội, Văn phòng Hội đồng nhân dân và Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, đã được Bộ Chính trị cho ý kiến, Quốc hội thảo luận và thông qua. Theo phương án (1) Phương án hợp nhất Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội với Văn phòng Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thành Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân cấp tỉnh (nội dung cụ thể đã được quy định tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Quốc hội ngày 19/6/2020, theo đó Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã có Nghị quyết số 1004/2020/UBTVQH14 ngày 18/9/2020 về việc thành lập và quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân cấp tỉnh); (2) Tiếp tục duy trì Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (thực hiện theo Nghị định số 107/2020/NĐ-CP của Chính phủ).

b) Ở địa phương:

- Ở cấp tỉnh: (1) cơ quan chuyên môn giảm 05 tổ chức (giảm 0,42%) (2) phòng giảm 973 tổ chức (giảm 11,24%); (3) chi cục giảm 127 tổ chức (giảm 11,79%); (4) phòng thuộc chi cục giảm 1.179 tổ chức (giảm 26,43%); tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giảm 12 tổ chức (giảm 8,45%).

- Ở cấp huyện: (1) cơ quan chuyên môn giảm 294 tổ chức (giảm 3,33%), trong đó có 278 Phòng Dân tộc.

2. Về sắp xếp, tổ chức lại các ĐVSNCL

Tổng số ĐVSNCL của các Bộ, ngành, địa phương như sau:

- Năm 2015 là **56.732** đơn vị, trong đó: (1) thuộc các Bộ, ngành là 1.098 đơn vị; (2) thuộc các địa phương là 55.634 đơn vị.

- Tính đến 29/02/2020 là 50.490 đơn vị, giảm 4.714 đơn vị $\approx 8,54\%$ so với năm 2017 và giảm 6.242 đơn vị $\approx 11\%$ so với năm 2015. Trong đó: (1) thuộc các Bộ, ngành là 1.045 đơn vị, giảm 44 đơn vị $\approx 4,04\%$ so với năm 2017 và giảm 53 đơn vị $\approx 4,82\%$ so với năm 2015; (2) thuộc các địa

phương là 49.445 đơn vị, giảm 4.670 đơn vị $\approx 8,63\%$ so với năm 2017 và giảm 6.189 đơn vị $\approx 11,12\%$ so với năm 2015.

Như vậy, đến 29/2/2020 tính chung kết quả sắp xếp tổ chức lại các ĐVSNCL của các Bộ ngành, địa phương trong cả nước đã giảm 11% so với năm 2015 (vượt mục tiêu của Nghị quyết số 19-NQ/TW, đến năm 2021 tối thiểu bình quân cả nước giảm 10% đơn vị sự nghiệp công lập). Trong đó: **(1)** Các địa phương đạt mục tiêu của Nghị quyết (giảm được 11,12% ĐVSNCL so với năm 2015), còn các Bộ ngành mới giảm 4,82% ĐVSNCL so với năm 2015, vì vậy trong năm 2021, các Bộ ngành phải giảm ít nhất 5,18% (≈ 57 đơn vị) để đạt mục tiêu giảm tối thiểu bình quân 10% ĐVSNCL so với năm 2015; **(2)** Một số ngành, lĩnh vực đã tinh gọn đầu mối, giảm mạnh số lượng ĐVSNCL như: thông tin và truyền thông (30,76%), văn hóa, thể thao và du lịch (27,8%), giáo dục nghề nghiệp (24,4%), y tế (23,5%).

3. Về tinh giản biên chế

a) Về kết quả tinh giản biên chế giai đoạn 2015-2021

- Biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước năm 2021 là 247.344 biên chế (Bộ, ngành Trung ương là 106.836 biên chế; địa phương là 140.508 biên chế), giảm 27.504 biên chế, tương ứng giảm 10,01% so với năm 2015, đạt mục tiêu giảm tối thiểu 10% theo Nghị quyết số 39-NQ/TW.

- Biên chế sự nghiệp năm 2021 là 1.783.174 người (Bộ, ngành Trung ương là 116.698 người; địa phương là 1.666.476 người), giảm 242.703 biên chế, tương ứng giảm 11,98% so với năm 2015, đạt mục tiêu giảm tối thiểu 10% theo Nghị quyết số 39-NQ/TW.

Số biên chế, tinh giản biên chế nêu trên không tính số lượng cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và ở thôn, tổ dân phố: 1.031.851 người, giảm 147.290 người so với năm 2015, tương ứng giảm 12,49%. Cụ thể: (1) Cán bộ, công chức cấp xã: 226.210 người, giảm 30.398 người so với năm 2015, tương ứng giảm 11,85%; (2) người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã: 171.894 người, giảm 57.698 người so với năm 2015, tương ứng giảm 25,13%; (3) người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố: 633.747 người, giảm 59.194 người so với năm 2015, tương ứng giảm 8,54%.

b) Về việc thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP và Nghị định số 113/2018/NĐ-CP

Kết quả thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP và Nghị định số 113/2018/NĐ-CP trong giai đoạn năm 2015 - 2020 là 67.218 người, trong đó gồm:

- Theo khối cơ quan quản lý: 4.965 người thuộc khối các cơ quan, tổ chức ở Trung ương và 62.253 người thuộc khối các cơ quan, tổ chức ở địa phương.

- Theo chính sách tinh giản biên chế: 54.899 người hưởng chính sách về hưu trước tuổi, 12.172 người hưởng chính sách thôi việc ngay, 67 người hưởng chính sách thôi việc sau khi đi học nghề và 80 người hưởng chính sách do chuyển sang tổ chức khác.

Phụ lục 3
TỔ CHỨC THI TUYỂN CHỨC DANH LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ
(Kèm theo Báo cáo số /BC-BNV ngày tháng năm 2020 của Bộ Nội vụ)

Kết quả có 14 cơ quan Trung ương thực hiện thí điểm, gồm: Bộ Nội vụ, Bộ Tư pháp, Bộ Công Thương, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Y tế, Bộ Giao thông vận tải, Ban Tổ chức Trung ương, Ban Kinh tế Trung ương, Tòa án nhân dân tối cao, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức thi tuyển với 30 vị trí: Ban Tổ chức Trung ương 06 vị trí, Bộ Tư pháp 03 vị trí, Bộ Kế hoạch và Đầu tư 04 vị trí, Bộ Nội vụ 06 vị trí, Bộ Tài chính 03 vị trí, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn 02 vị trí, Bộ Y tế 01 vị trí, Tòa án Nhân dân tối cao 04 vị trí, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam 01 vị trí) và 05 cơ quan đã xây dựng kế hoạch và đang triển khai thực hiện (Bộ Công Thương, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Giáo dục và Đào tạo và Ban Kinh tế Trung ương).

22 địa phương thực hiện thí điểm, gồm: tỉnh Lào Cai, tỉnh Hòa Bình, tỉnh Sơn La, tỉnh Quảng Ninh, thành phố Hải Phòng, tỉnh Vĩnh Phúc, thành phố Hà Nội, tỉnh Ninh Bình, tỉnh Quảng Bình, tỉnh Thừa Thiên-Huế, thành phố Đà Nẵng, tỉnh Khánh Hòa, tỉnh Ninh Thuận, tỉnh Đắk Lắk, tỉnh Lâm Đồng, tỉnh Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, tỉnh Trà Vinh, thành phố Cần Thơ, tỉnh Kiên Giang, tỉnh Bến Tre; tổ chức thi tuyển, với 109 vị trí: Tỉnh Hòa Bình 01 vị trí, tỉnh Ninh Bình 07 vị trí, tỉnh Thừa Thiên Huế 01 vị trí, tỉnh Lào Cai 05 vị trí, tỉnh Quảng Ninh 09 vị trí, tỉnh Quảng Bình 03 vị trí, thành phố Hải Phòng 07 vị trí, tỉnh Lâm Đồng 02 vị trí, thành phố Cần Thơ 03 vị trí, tỉnh Bến Tre 04 vị trí, tỉnh Sơn La 10 vị trí, tỉnh Đắk Lắk 02 vị trí, thành phố Đà Nẵng 22 vị trí) và 02 địa phương đã xây dựng xong kế hoạch và đang triển khai thực hiện (tỉnh Vĩnh Phúc, tỉnh Trà Vinh)

Qua đó, Bộ Nội vụ tham mưu Chính phủ kiến nghị với Bộ Chính trị, Ban Bí thư xem xét, quyết định nhân rộng việc thực hiện thí điểm đổi mới cách tuyển chọn lãnh đạo, quản lý thông qua thi tuyển tại các bộ, ngành, địa phương và tiến hành tổng kết vào Quý IV năm 2022 (sau 05 năm triển khai Đề án).

Phụ lục 4
CÁC CUỘC THANH TRA, KIỂM TRA GIAI ĐOẠN 2016 - 2020
(Kèm theo Báo cáo số: /BC-BNV ngày tháng năm 2020 của Bộ Nội vụ)

I	NĂM 2016
1	<p>Về công tác thanh tra, kiểm tra: Tiến hành 28 cuộc thanh tra chuyên ngành và 01 cuộc thanh tra hành chính theo kế hoạch, 07 cuộc thanh tra đột xuất và 04 cuộc kiểm tra.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thanh tra theo kế hoạch: Tiến hành 28 cuộc thanh tra chuyên ngành và 01 cuộc thanh tra hành chính gồm: <ul style="list-style-type: none"> + 01 cuộc thanh tra hành chính tại Viện Khoa học tổ chức nhà nước trực thuộc Bộ Nội vụ + 16 cuộc thanh tra chuyên ngành về công tác cán bộ tại: Bộ Giáo dục và Đào tạo, Tổng cục Dự trữ Nhà nước thuộc Bộ Tài chính, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam, Bộ Giao thông vận tải, Đài Truyền hình Việt Nam, Bảo hiểm Xã hội Việt Nam và UBND các tỉnh: Hà Giang, Bạc Liêu, Kon Tum, Điện Biên, An Giang, Nghệ An, Thừa Thiên Huế, Tây Ninh, Cao Bằng, Hải Dương. + 07 cuộc thanh tra chuyên ngành về thi đua khen thưởng tại UBND các tỉnh: Hà Tĩnh, Lâm Đồng, Quảng Nam, Thái Bình, Lạng Sơn, Cà Mau, Yên Bái. + 05 cuộc thanh tra chuyên ngành về tôn giáo tại UBND các tỉnh: Sơn La, Phú Thọ, Quảng Bình, Kiên Giang, Hậu Giang. - Thanh tra đột xuất: Bộ Nội vụ tiến hành 07 cuộc thanh tra đột xuất tại UBND các tỉnh, thành phố: Bình Thuận, Quảng Ninh, Đà Nẵng, Yên Bái, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Hải Dương, Thanh tra Chính phủ và Bộ Công Thương. - Kiểm tra theo kế hoạch và đột xuất: Hoàn thành 100% các cuộc kiểm tra theo kế hoạch (03 cuộc kiểm tra việc thực hiện Kết luận thanh tra tại UBND tỉnh Ninh Bình, UBND tỉnh Đồng Nai và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) và 01 cuộc kiểm tra đột xuất tại 09 tỉnh, thành phố: Cần Thơ, Yên Bái, Hà Giang, Bình Định, Cục Thuế tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Nghệ An, Đắk Lắk, Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.
2	<p>Tiếp nhận đơn thư và giải quyết khiếu nại, tố cáo</p> <p>Trong năm 2016, Bộ Nội vụ đã tiếp nhận 2.270 đơn trong đó 96 đơn KNTC, KNPA thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Nội vụ; 594 đơn không thuộc thẩm quyền giải quyết nhưng thuộc lĩnh vực QLNN của Bộ Nội vụ; 1.580 đơn không thuộc thẩm quyền giải quyết và không thuộc lĩnh vực QLNN của Bộ Nội vụ hoặc không đủ điều kiện xử lý; Bộ Nội vụ đã xem xét, giải quyết 01 đơn khiếu nại thuộc thẩm quyền và kiểm tra, báo cáo 06 vụ việc được Thủ tướng Chính phủ giao; các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ đã xử lý 95 đơn KNPA; chuyển các cơ quan nhà nước khác 187 đơn; lưu theo dõi 1.988 đơn (vì đã được cơ quan có thẩm quyền giải quyết, hướng dẫn hoặc chuyển cơ quan có thẩm quyền, đơn không đủ điều kiện xử lý hoặc đơn gửi nhiều nơi, trong đó đã gửi cơ quan có thẩm quyền giải quyết). Ngoài các vụ việc KNTC, KNPA Bộ Nội vụ đã thực hiện tốt công tác trả lời chất vấn của Đại biểu Quốc hội; kiến nghị, phản ánh của cử tri; trong đó đã trả lời 11 kiến nghị của cử tri gửi tới các kỳ họp của Quốc hội khóa XIII liên quan đến tranh chấp địa giới hành chính tại các địa phương.</p>

2	<p>Tiếp nhận đơn thư và giải quyết khiếu nại, tố cáo</p> <p>Trong năm 2018, Bộ Nội vụ đã tiếp nhận 1.728 đơn trong đó 62 đơn thuộc thẩm quyền giải quyết, xử lý của Bộ Nội vụ; 337 đơn không thuộc thẩm quyền giải quyết nhưng thuộc lĩnh vực QLNN của Bộ Nội vụ; 1.329 đơn không thuộc thẩm quyền và không thuộc lĩnh vực QLNN của Bộ Nội vụ. Tất cả đơn gửi đến Bộ Nội vụ đều được tiếp nhận, xem xét, giải quyết đúng trình tự thủ tục, thẩm quyền và thời hạn. Trong năm 2018, Bộ Nội vụ không thụ lý đơn khiếu nại, tố cáo nào của cán bộ công chức và công dân.</p>
II	NĂM 2019
1	<p>Về công tác thanh tra, kiểm tra: Tiến hành 28 cuộc thanh tra, kiểm tra chuyên ngành và 01 cuộc thanh tra hành chính</p> <ul style="list-style-type: none"> + 01 cuộc thanh tra hành chính tại Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương trực thuộc Bộ Nội vụ. + 16 cuộc thanh tra chuyên ngành về công tác cán bộ tại: Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Công Thương và UBND các tỉnh, thành phố: Hồ Chí Minh, Vĩnh Phúc, Bắc Giang, Tuyên Quang, Bà Rịa - Vũng Tàu, Thanh Hóa, Bình Dương, Lạng Sơn, Phú Thọ, Hải Phòng, Đắk Lắk. + 06 cuộc thanh tra chuyên ngành về thi đua khen thưởng tại UBND các tỉnh : Bến Tre, Bắc Kạn, Khánh Hòa, Hậu Giang; Đài Truyền hình Việt Nam Tòa án nhân dân tối cao. + 06 cuộc thanh tra chuyên ngành về tôn giáo tại UBND các tỉnh, thành phố: Hưng Yên, Sóc Trăng, Trà Vinh, Hà Giang, Ninh Thuận; Kiểm tra việc thực hiện KLTĐ tại thành phố Cần Thơ.
2	<p>Tiếp nhận đơn thư và giải quyết khiếu nại, tố cáo</p> <p>Trong năm 2019, Bộ Nội vụ đã tiếp nhận 1.669 đơn KNTC, kiến nghị, phản ánh trong đó 11 đơn thuộc thẩm quyền giải quyết, xử lý của Bộ Nội vụ; 282 đơn không thuộc thẩm quyền giải quyết nhưng thuộc lĩnh vực QLNN của Bộ Nội vụ; 1.376 đơn không thuộc thẩm quyền và không thuộc lĩnh vực QLNN của Bộ Nội vụ. Tất cả đơn gửi đến Bộ Nội vụ đều được tiếp nhận, xem xét, giải quyết đúng trình tự thủ tục, thẩm quyền và thời hạn. Trong năm 2019, Bộ Nội vụ không thụ lý đơn khiếu nại, tố cáo nào của cán bộ công chức và công dân.</p>
II	NĂM 2020
1	<p>Về công tác thanh tra, kiểm tra: Tiến hành 15 cuộc thanh tra, kiểm tra chuyên ngành</p> <ul style="list-style-type: none"> + 01 cuộc thanh tra hành chính tại Tập chí Tổ chức nhà nước trực thuộc Bộ Nội vụ. + 10 cuộc thanh tra chuyên ngành về công tác cán bộ tại: Bộ Ngoại giao, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND các tỉnh: An Giang, Ninh Bình, Hòa Bình, Đắk Nông, Sơn La, Cà Mau, Kho bạc nhà nước thuộc Bộ Tài chính và Ủy ban Dân tộc. + 02 cuộc thanh tra chuyên ngành về thi đua khen thưởng tại UBND tỉnh Bình Thuận và Bảo hiểm xã hội Việt Nam. + 02 cuộc thanh tra chuyên ngành về tôn giáo tại UBND các tỉnh, thành phố: TP Hồ Chí Minh, Nghệ An. <p>Ngoài ra, thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Văn bản số 4647/VP-CP-V.I của Văn phòng Chính phủ, Bộ Nội vụ đã thành lập Đoàn kiểm tra đột xuất và tiến hành kiểm tra tại tỉnh Bình Dương việc Doanh nghiệp Vinamit phản ánh việc bị những nhiễu, gây khó khăn trong sản xuất, kinh doanh và đã có báo cáo Thủ tướng Chính phủ và thông báo kết quả kiểm tra tới các tổ chức, cá nhân có liên quan.</p> <p>Bộ Nội vụ đã báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả 03 năm thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tăng cường thanh tra, kiểm tra về công tác tổ chức cán bộ; tiếp nhận, xác minh các thông tin được phương tiện thông tin đại chúng và công dân phản ánh của các bộ, ngành, địa phương (hiện đang tiếp tục đơn đốc 14 bộ, ngành, địa phương thực hiện và sẽ tiếp tục báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả thực hiện trong tháng 01/2021).</p>

2	Tiếp nhận đơn thư và giải quyết khiếu nại, tố cáo
	<p>Trong năm 2020, Bộ Nội vụ đã tiếp nhận 1.849 đơn KNTC, KNPA, KNPA trong đó 23 đơn thuộc thẩm quyền giải quyết, xử lý của Bộ Nội vụ; 508 đơn không thuộc thẩm quyền giải quyết nhưng thuộc lĩnh vực QLNN của Bộ Nội vụ; 1.018 đơn không thuộc thẩm quyền và không thuộc lĩnh vực QLNN của Bộ Nội vụ. Kết quả: Đang giải quyết khiếu nại việc UBND tỉnh Đồng Nai giải quyết chế độ thôi việc đối với ông Đặng Thế Lan, nguyên cán bộ pháp lý của cơ quan trọng tài kinh tế tỉnh Đồng Nai; ban hành Kết luận nội dung tố cáo Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ Bộ Nội vụ; Thông báo số 5996/TB-BNV ngày 12/11/2020 về việc không thụ lý giải quyết khiếu nại của Hiệp hội Yên Sào Việt Nam; đang kiểm tra, xác minh nội dung tố cáo Hiệu trưởng Trường Đại học Hà Nội; ban hành Quyết định giải quyết Khiếu nại của bà Nguyễn Thị Tuyết Mai công chức Vụ Tổ chức phi chính phủ.</p> <p>Ngoài ra, Bộ Nội vụ đã ban hành quyết định giải quyết khiếu nại lần 2 đối với Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh Hậu Giang cách chức ông Nguyễn Thành Nhơn, nguyên Phó giám đốc Sở Tư pháp tỉnh Hậu Giang và khiếu nại Quyết định số 70/QĐ-BNV ngày 21/01/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về giải thể Hội Chiến sỹ Thành cổ Quảng Trị năm 1972; ban hành Quyết định số 984/QĐ-BNV ngày 18/11/2020 của Bộ Nội vụ về việc giải quyết khiếu nại lần hai của bà Bé Thị Uyên công tác tại Trung tâm Lưu trữ lịch sử thuộc Chi cục Văn thư - Lưu trữ, Sở Nội vụ tỉnh Lạng Sơn.</p>

Phụ lục 5
TỔNG HỢP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH TỪ NĂM 2015 – 2020

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-BNV ngày tháng năm 2020 của Bộ Nội vụ)

TT	Cấp hành chính	Đơn vị hành chính	2015	2016	2017	2018	2019	Tháng 4/2020	Đến T4/2020 tăng, giảm so với năm 2015
1	Cấp tỉnh		63	63	63	63	63	63	-
2	Cấp huyện		713	713	713	713	713	705	(6)
	1	Thành phố	67	68	68	71	73	78	11
	2	Thị xã	51	50	50	48	48	52	1
	3	Quận	49	49	49	49	49	46	3
	4	Huyện	546	546	546	545	543	529	(17)
3	Cấp xã		11.162	11.162	11.162	11.162	11.055	10.603	(548)
	1	Xã	8.978	8.974	8.972	8.959	8.801	8.297	(681)
	2	Phường	1.581	1.585	1.587	1.596	1.645	1.701	131
	3	Thị Trấn	603	603	603	607	609	605	2

Phụ lục 6
CÁC VĂN BẢN, ĐỀ ÁN TRÌNH CHÍNH PHỦ, THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ NĂM 2021
 (Kèm theo Báo cáo số /BC-BNV ngày tháng năm 2020 của Bộ Nội vụ)

STT	Tên văn bản	Cấp trình	Thời gian trình	Văn bản giao nhiệm vụ	Ghi chú
I	XÂY DỰNG CÁC DỰ ÁN LUẬT				
1.	Luật Thi đua, khen thưởng (sửa đổi).	Chính phủ, UBTVQH, Quốc hội khóa XV	Tháng 4/2021 trình Chính phủ, tháng 6/2021 trình Ủy Ban Thường vụ Quốc hội, tháng 10/2021 trình Quốc hội khóa XV	Nghị quyết số 106/2020/QH14 ngày 10/6/2020 Kỳ họp thứ 9 Quốc hội khóa XIV; Quyết định số 999/QĐ- TTg ngày 11/7/2020 của Thủ tướng Chính phủ.	
2.	Lập Đề nghị xây dựng Luật Lưu trữ (sửa đổi).	Chính phủ	Tháng 10/2021	Quyết định số 458/QĐ-TTg ngày 03/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ.	
3.	Xây dựng trình Dự án “Luật Thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn”.	Chính phủ	Tháng 11/2021	Nghị quyết số 149/NQ-CP ngày 10/10/2020 của CP	
II	XÂY DỰNG CÁC NGHỊ ĐỊNH TRÌNH CHÍNH PHỦ				
1.	Nghị định về hợp đồng lao động trong cơ quan hành chính và cơ chế hợp đồng lao động làm chuyên môn, nghiệp vụ đối với vị trí việc làm được xác định là viên chức trong đơn vị sự nghiệp công lập.	Chính phủ	Tháng 9/2021	Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 24/6/2020 của Chính phủ.	

2.	Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội.	Chính phủ	Tháng 11/2021		
3.	Nghị định quy định chế độ tiền lương mới đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang (thay thế Nghị định 204/2004/NĐ-CP ngày 24/12/2004).	Chính phủ	Tháng 10/2021		Nghị quyết số 107/NQ-CP ngày 16/8/2018; Văn bản số 3253/VPCP-KTTH ngày 26/11/2020 của Văn phòng Chính phủ.
4.	Nghị định thay thế Nghị định số 90/2012/NĐ-CP ngày 05/11/2012 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động thanh tra ngành Nội vụ.	Chính phủ	Tháng 11/2021		
III	CÁC ĐỀ ÁN TRÌNH CHÍNH PHỦ, THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ				
1.	Xây dựng Đề án cơ cấu Chính phủ nhiệm kỳ 2021 - 2026.	Thủ tướng Chính phủ	Quý I/2021		
2.	Xây dựng "Đề án đào tạo đội ngũ cán bộ cấp xã tại chỗ, kết hợp tăng cường tri thức trẻ trong phát triển bền vững khu vực biên giới".	Thủ tướng Chính phủ	Tháng 11/2021		Quyết định số 251/QĐ-BNV ngày 18/6/2020 của Bộ Nội vụ ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 16/NQ-CP ngày 29/4/2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW của Bộ Chính trị về Chiến lược bảo vệ biên giới quốc gia.

3.	Kiến toàn Ủy ban Quốc gia về thanh niên Việt Nam	Thủ tướng Chính phủ	Tháng 3/2021	Quyết định ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Luật Thanh niên số 57/2020/QH14 ngày 16/6/2020	
4.	Xây dựng Chiến lược phát triển thanh niên Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030.	Thủ tướng Chính phủ	Tháng 3/2021		
5.	Đề án "Nghiên cứu về sự cần thiết xây dựng Luật quản lý các tổ chức phi lợi nhuận; nghiên cứu xây dựng văn bản quy phạm pháp luật quy định về quản lý tổ chức, hoạt động của các loại hình "nghịệp đoàn", "nhóm", "mạng lưới" các tổ chức phi chính phủ Việt Nam.	Thủ tướng Chính phủ	Tháng 11/2021	Theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Văn bản số 402/VPCP-NC ngày 16/2/2019 của Văn phòng Chính phủ	
6.	Quy hoạch mạng lưới các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ Nội vụ	Chính phủ	Quý IV/2021		
7.	Đề án cơ sở dữ liệu của ngành Nội vụ và xây dựng Trung tâm điều hành thông minh của Bộ Nội vụ.	Thủ tướng Chính phủ	Tháng 11/2021		
8.	Đề án Bảo hiểm tài liệu lưu trữ quốc gia giai đoạn II (2021 - 2030)	Thủ tướng Chính phủ	Tháng 11/2021	Danh mục dự án, đề án sự nghiệp văn thư, lưu trữ tại điểm c, mục 2, Điều 1 thuộc Quyết định số 579/QĐ-BNV ngày 27/6/2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ phê duyệt Quy hoạch ngành văn thư, lưu trữ đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; Tiếp tục Chương trình công tác năm 2020.	

9.	Đề án Công bố tài liệu lưu trữ quốc gia phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ chủ quyền đất nước	Thủ tướng Chính phủ	Tháng 11/2021	Thông báo số 243-TB/BCSD ngày 12/10/2020 của Ban Cán sự Đảng Bộ Nội vụ thông báo Quyết định của Ban Cán sự Đảng Bộ về kết quả thực hiện nhiệm vụ tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận của Ban Cán sự Đảng Bộ Nội vụ.	
10.	Đề án "Kiện toàn tổ chức bộ máy quản lý nhà nước lĩnh vực văn thư, lưu trữ đáp ứng yêu cầu quản lý tập trung thống nhất tài liệu lưu trữ điện tử của các cơ quan nhà nước".	Thủ tướng Chính phủ	Tháng 11/2021	Quyết định số 458/QĐ-TTg ngày 03/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ	
11.	Chương trình tổng thể Cải cách hành chính giai đoạn 2021 - 2030	Chính phủ	Tháng 3/2021		

Phụ lục 7
CÁC THÔNG TƯ BAN HÀNH THEO THẨM QUYỀN TRONG NĂM 2021
(Kèm theo Báo cáo số /BC-BNV ngày tháng năm 2020 của Bộ Nội vụ)

STT	TÊN THÔNG TƯ	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1.	Thông tư bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành.	Tháng 9/2021	
2.	Thông tư hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Nội vụ thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; phòng Nội vụ thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.	Tháng 6/2021	
3.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về vị trí việc làm, số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực lưu trữ.	Tháng 11/2021	
4.	Thông tư hướng dẫn về vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý và chức danh nghề nghiệp chuyên ngành, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành Nội vụ.	Tháng 11/2021	
5.	Thông tư hướng dẫn về vị trí việc làm công chức thuộc lĩnh vực Nội vụ từ Trung ương đến địa phương; định mức biên chế công chức trong cơ quan, tổ chức thuộc ngành, lĩnh vực Nội vụ.	Tháng 11/2021	
6.	Thông tư quy định về điều kiện các cơ sở giáo dục được tổ chức bồi dưỡng và cấp chứng chỉ bồi dưỡng chuyên ngành lưu trữ.	Tháng 11/2021	
7.	Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 08/2019/TT-BNV ngày 10/6/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chế độ báo cáo công tác ngành Nội vụ.	Tháng 8/2021	
8.	Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 18/2014/TT-BNV ngày 25/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định việc xác nhận phiên hiệu đơn vị thanh niên xung phong đã được thành lập và hoạt động trong các thời kỳ đối với đơn vị chưa được xác nhận phiên hiệu.	Tháng 11/2021	
9.	Thông tư hướng dẫn Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội.	Tháng 11/2021	
10.	Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16/4/2013 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định số 45/2010/NĐ-CP và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13/4/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP.	Tháng 11/2021	

11.	Thông tư quy định tiêu chuẩn Kho lưu trữ số	Tháng 6/2021	Quyết định số 458/QĐTTg ngày 03/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ.
12.	Thông tư hướng dẫn Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 101/2017/NĐ-CP của Chính phủ.	Tháng 6/2021	
13.	Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 04/2016/TT-BNV ngày 10/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn một số nội dung về thanh tra chuyên ngành trong lĩnh vực tôn giáo thành Thông tư hướng dẫn một số nội dung thanh tra chuyên ngành trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo.	Tháng 9/2021	
14.	Thông tư thay thế Thông tư số 09/2012/TT-BNV ngày 10/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định quy trình, nội dung thanh tra về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức, viên chức.	Tháng 11/2021	
15.	Thông tư quy định về chức danh, mã số ngạch và tiêu chuẩn nghiệp vụ chuyên môn các ngạch công chức chuyên ngành hành chính thay thế Thông tư số 11/2014/TT-BNV ngày 09/10/2014 Quy định chức danh, mã số ngạch và tiêu chuẩn nghiệp vụ chuyên môn các ngạch công chức chuyên ngành hành chính và Thông tư số 05/2017/TT-BNV ngày 15/8/2017 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2014/TT-BNV ngày 09/10/2014 và Thông tư số 13/2010/TT-BNV ngày 30/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về tiêu chuẩn nghiệp vụ chuyên môn, bổ nhiệm ngạch và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành hành chính và việc tổ chức thi nâng ngạch công chức.	Tháng 6/2021	
16.	Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 01/2015/TTLT-BNV-BTC ngày 14/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ và Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế.	Tháng 4/2021	
17.	Thông tư bãi bỏ Thông tư số 04/2013/TT-BNV ngày 01/3/2013 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn xây dựng quy chế công tác văn thư, lưu trữ của các cơ quan, tổ chức	Tháng 3/2021	
18.	Thông tư hướng dẫn xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành Lưu trữ.	Tháng 5/2021	

PHỤ LỤC 8
MỘT SỐ TRAO ĐỔI, GIẢI ĐÁP KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT
CỦA CÁC BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG TẠI HỘI NGHỊ
TỔNG KẾT NGÀNH NỘI VỤ NĂM 2020

I. XÂY DỰNG, HOÀN THIỆN THỂ CHẾ

Câu 1. Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương kịp thời hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến tổ chức và hoạt động của các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện. rà soát, sửa đổi, bổ sung các Thông tư quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh, cấp huyện để thực hiện thống nhất tại các địa phương theo hướng chỉ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện thực hiện theo Nghị định (*tỉnh Lạng Sơn, tỉnh Tuyên Quang, tỉnh Bến Tre, tỉnh Hưng Yên, tỉnh Quảng Nam*).

Trao đổi của Bộ Nội vụ: Chính phủ đã ban hành Nghị định số 107/2020/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Nghị định số 108/2020/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2014 ngày 05/5/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Trong 02 Nghị định nêu trên đã giao trách nhiệm cho các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực hướng dẫn về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý đối với cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh, cấp huyện, (không hướng dẫn về cơ cấu tổ chức). Do vậy, sau khi Bộ quản lý ngành, lĩnh vực ban hành các quy định nêu trên sẽ là cơ sở pháp lý để các địa phương thực hiện.

Câu 2. Bộ Nội vụ tham mưu cho Chính phủ trình Quốc hội ban hành Luật về Hội và tham mưu điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện các Nghị định về quản lý tổ chức, hoạt động hội và các vấn đề liên quan đến biên chế, thực hiện khoán kinh phí, xác định hội đặc thù và chế độ chính sách đối với người làm việc tại hội. Sửa đổi quy định của pháp luật hiện hành, bổ sung quy định về chế tài xử lý vi phạm của hội trong quá trình hoạt động và tăng cường giải pháp nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý về hội sau cấp phép (*tỉnh Lạng Sơn, tỉnh Tuyên Quang, tỉnh Hưng Yên*).

Trao đổi của Bộ Nội vụ: Bộ Nội vụ đã phối hợp với các bộ, ngành liên quan tham mưu giúp Chính phủ xây dựng, hoàn thiện dự án Luật về Hội, đang báo cáo, xin ý kiến của Bộ Chính trị để trình Quốc hội. Hiện nay, Bộ Nội vụ cũng đang xây dựng trình Chính phủ Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội. Trong đó đề xuất không quy định hội có tính chất đặc thù; các hội hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện, tự quản, tự bảo đảm kinh phí; từ năm 2021 thực hiện khoán

kinh phí hoạt động cho các hội gắn với nhiệm vụ được Nhà nước giao; đồng thời sửa đổi các quy định về chế độ chính sách đối với người làm việc tại hội và quy định chế tài xử lý vi phạm của hội trong quá trình hoạt động cho phù hợp. Bên cạnh đó, Bộ Nội vụ đã trình Bộ Chính trị Đề án Đánh giá về tổ chức, hoạt động của hội, các giải pháp tăng cường quản lý nhà nước về hoạt động của hội sau cấp phép. Sau khi Đề án được cấp có thẩm quyền thông qua, Bộ Nội vụ sẽ phối hợp với cơ quan liên quan thể chế hóa thành quy định pháp luật nhằm tăng cường hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về hội.

Câu 3. Đề nghị Bộ Nội vụ đề xuất Chính phủ xem xét ban hành Nghị định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo để địa phương có chế tài trong xử lý các trường hợp vi phạm pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo (*tỉnh Long An, tỉnh Đắk Nông, tỉnh Bắc Kạn*).

Trao đổi của Bộ Nội vụ: Trong quá trình xây dựng dự thảo Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo, Bộ Nội vụ đã lấy ý kiến rộng rãi của các tổ chức, cá nhân. Tuy nhiên, đây là vấn đề khó, nhạy cảm, có tác động lớn đến đời sống sinh hoạt tín ngưỡng, tôn giáo và chủ trương, chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước ta, dễ bị các thế lực thù địch lợi dụng kích động, xuyên tạc. Vì vậy, trên cơ sở ý kiến của một số Bộ, ngành và các tỉnh, thành phố trọng điểm về tín ngưỡng, tôn giáo về việc đề nghị dừng xây dựng và ban hành Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo, Bộ Nội vụ đã báo cáo Thủ tướng Chính phủ đối với vấn đề trên.

Câu 4. Chính phủ sớm nghiên cứu, hoàn thiện dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thi đua, khen thưởng phù hợp với tình hình thực tế hiện nay để trình Quốc hội thông qua và ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện (*Bảo hiểm Xã hội Việt Nam, tỉnh Đắk Nông, tỉnh Thanh Hóa*).

Trao đổi của Bộ Nội vụ: Thực hiện Nghị quyết số 106/2020/QH14 ngày 10/6/2020 Kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa XIV; Quyết định số 999/QĐ-TTg ngày 11/7/2020 của Thủ tướng Chính phủ, dự án Luật Thi đua, khen thưởng (sửa đổi) sẽ trình Chính phủ tháng 4/2021, trình Quốc hội khóa XV cho ý kiến tại Kỳ họp thứ 2 (tháng 10/2021). Hiện nay, Bộ Nội vụ đang thực hiện các thủ tục, trình tự xây dựng dự án Luật theo quy định của pháp luật; tổ chức lấy ý kiến của các bộ, ngành, địa phương, ý kiến nhân dân trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ và Bộ Nội vụ; đề nghị Bộ Tư pháp thẩm định. Khi Luật được thông qua sẽ là cơ sở để ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện.

Câu 5. Đề nghị Bộ Nội vụ sớm ban hành Thông tư hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Nội vụ; phòng Nội vụ thay thế Thông tư số 15/2014/TT-BNV ngày 31 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ (*tỉnh Thanh Hóa*).

Trao đổi của Bộ Nội vụ: Bộ Nội vụ đang dự thảo Thông tư (lần 2) hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Nội vụ thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; phòng Nội vụ thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thuộc thành phố trực thuộc Trung ương. Bộ Nội vụ đã gửi Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tham gia đóng góp và đang lấy ý kiến rộng rãi của nhân dân trên Cổng Thông tin điện tử của Chính phủ và Bộ Nội vụ (thời hạn lấy ý kiến tính đến ngày 12/01/2021) để tiếp thu, hoàn thiện, ban hành kịp thời, đảm bảo theo quy định.

Câu 6. Sớm ban hành Thông tư hướng dẫn về vị trí việc làm, định mức số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập theo ngành, lĩnh vực tại Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ (*tỉnh Tuyên Quang*).

Trao đổi của Bộ Nội vụ: Bộ Nội vụ đang dự thảo Thông tư hướng dẫn về vị trí việc làm, số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực lưu trữ, sẽ gửi Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tham gia đóng góp và lấy ý kiến rộng rãi của nhân dân trên Cổng Thông tin điện tử của Chính phủ, Bộ Nội vụ để tiếp thu, hoàn thiện, ban hành kịp thời, đảm bảo theo quy định.

II. CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

Câu 7. Chính phủ sớm ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030, để địa phương có cơ sở ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh (*tỉnh Lạng Sơn*).

Trao đổi của Bộ Nội vụ: Bộ Nội vụ đã tổ chức lấy ý kiến các bộ, ngành, địa phương, các chuyên gia, nhà khoa học, nhà quản lý, doanh nghiệp để hoàn thiện dự thảo Báo cáo tổng kết Chương trình tổng thể Cải cách hành chính Nhà nước giai đoạn 2011 - 2020, dự thảo Chương trình tổng thể Cải cách hành chính Nhà nước giai đoạn 2021 - 2030 trình Chính phủ, Ban Chỉ đạo Cải cách hành chính của Chính phủ sớm tổ chức Hội nghị tổng kết toàn quốc. Để các bộ, ngành, địa phương chủ động triển khai công tác cải cách hành chính một cách liên tục, đáp ứng yêu cầu thực tiễn; trong khi chờ ban hành Chương trình Cải cách hành chính giai đoạn tới, Bộ Nội vụ đã có Văn bản số 6459/BNV-CCHC ngày 07/12/2020 hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương về công tác lập kế hoạch cải cách hành chính và xây dựng báo cáo cải cách hành chính định kỳ năm 2021.

III. TỔ CHỨC BỘ MÁY, BIÊN CHẾ

Câu 8. Theo ý kiến của Bộ Nội vụ tại Văn bản số 1694/BNV-TCBC, hiện nay Bộ Nội vụ đã báo cáo Thủ tướng Chính phủ nhu cầu bổ sung số lượng người làm việc của các tỉnh (*Văn bản số 434/BNV-TCBC ngày 16 tháng 10 năm 2019 của Bộ Nội vụ*), sau khi có ý kiến của Thủ tướng Chính phủ sẽ thực hiện giao cho các địa phương theo quy định. Mặt khác, để thực hiện theo đúng tinh thần chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ “*có học sinh thì phải có giáo viên đứng lớp*”, “*có bệnh nhân thì phải có viên chức y tế*”, đề nghị Bộ Nội vụ quan tâm, xem xét thẩm định bổ sung

thêm số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập cho tỉnh Kon Tum (*tỉnh Kon Tum*).

Trao đổi của Bộ Nội vụ: Bộ Nội vụ đã tổng hợp đề nghị điều chỉnh biên chế sự nghiệp giáo dục - đào tạo, y tế của tỉnh Kon Tum năm 2019 và các địa phương trong cả nước trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định. Trong thời gian chờ ý kiến của Thủ tướng Chính phủ, đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum căn cứ vào số lượng người làm việc theo văn bản thẩm định của Bộ Nội vụ năm 2020, năm 2021 và định mức học sinh/lớp, giáo viên/lớp tại các bậc học theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo để thực hiện ký hợp đồng lao động đối với các vị trí việc làm là giáo viên tại các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập theo đúng Nghị quyết số 102/NQ-CP ngày 03/7/2020 của Chính phủ về giải pháp đối với biên chế sự nghiệp giáo dục và y tế và Văn bản số 5075/BNV-TCBC ngày 26/9/2020 của Bộ Nội vụ về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 102/NQ-CP ngày 03/7/2020 của Chính phủ.

Câu 9. Đề nghị Bộ Nội vụ báo cáo Thủ tướng Chính phủ giao bổ sung 4.590 biên chế sự nghiệp giáo dục, y tế; 35 biên chế công chức, 04 hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP cho tỉnh Hưng Yên (*tỉnh Hưng Yên*).

Trao đổi của Bộ Nội vụ: Tại Văn bản số 9922/VPCP-TCCV ngày 27/11/2020 của Văn phòng Chính phủ, Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ Trương Hòa Bình đã yêu cầu Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên triển khai các giải pháp đối với biên chế sự nghiệp giáo dục và y tế tại Nghị quyết số 102/NQ-CP ngày 03/7/2020 của Chính phủ.

Đối với vấn đề này, Bộ Nội vụ cũng đã có Văn bản số 5703/BNV-TCBC ngày 29/10/2020 về sử dụng biên chế sự nghiệp trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước và biên chế của các Hội có tính chất đặc thù để các địa phương rà soát gửi Bộ tổng hợp chung, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

Câu 10. Quan tâm nghiên cứu và sớm ban hành văn bản hướng dẫn về vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung và hỗ trợ, phục vụ của đơn vị sự nghiệp công lập (*Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam*).

Trao đổi của Bộ Nội vụ: Thực hiện Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập (khoản 1 Điều 15), Bộ Nội vụ đang tích cực thực hiện các thủ tục, trình tự xây dựng Thông tư hướng dẫn về vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung và hỗ trợ, phục vụ của đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của pháp luật. Bộ Nội vụ sẽ gửi lấy ý kiến của các cơ quan, tổ chức có liên quan để tiếp thu, hoàn thiện, ban hành kịp thời.

Câu 11. Đề nghị Trung ương xem xét bố trí tổ chức bộ máy làm công tác quản lý nhà nước về thanh niên cấp tỉnh tương đương chi cục (*tỉnh Kiên Giang*).

Trao đổi của Bộ Nội vụ: Ngày 14/9/2020, Chính phủ ban hành Nghị định số 107/2020/NĐ-CP (có hiệu lực kể từ ngày 25/11/2020) sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; trong đó quy định tiêu chí thành lập phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc sở, tiêu chí thành lập chi cục và tổ chức tương đương thuộc sở. Trên cơ sở đó phân cấp cho địa phương quyết định cụ thể cơ cấu tổ chức của từng sở phù hợp với yêu cầu quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực ở địa phương.

Câu 12. Triển khai, hướng dẫn, sơ kết, tổng kết việc sắp xếp tổ chức bộ máy và tinh giản biên chế theo Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Ban Chấp hành Trung ương về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII để thống nhất chỉ đạo, xây dựng tổ chức bộ máy các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện. Xem xét về lộ trình, tỷ lệ tiếp tục tinh giản biên chế, người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập theo chủ trương Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII cho phù hợp với cơ cấu, hoạt động các đơn vị sự nghiệp và điều kiện kinh tế - xã hội, đặc điểm của các địa phương (*tỉnh Lạng Sơn, tỉnh Hưng Yên*).

Trao đổi của Bộ Nội vụ: Tại Nghị quyết 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập và Nghị quyết số 08/NQ-CP ngày 24/01/2018 của Chính phủ về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW đã đưa ra các mục tiêu, giải pháp đồng bộ, yêu cầu tất cả các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong hệ thống chính trị phải thực hiện để đến năm 2021 giảm ít nhất 10% biên chế hưởng lương từ ngân sách nhà nước so với năm 2015. Do đó, đề nghị các địa phương thực hiện nghiêm về lộ trình, tỷ lệ tinh giản biên chế, người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập và bố trí, sử dụng số biên chế công chức, biên chế sự nghiệp được cấp có thẩm quyền giao bảo đảm thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao (kể cả nhiệm vụ mới) theo đúng chủ trương của Đảng và quy định của pháp luật.

Câu 13. Giao thêm biên chế công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng cho Sở Nội vụ các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (lý do: Nghị định số 107/2020/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của Chính phủ, đã tăng nhiệm vụ công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng cho Sở Nội vụ) (*tỉnh Trà Vinh*).

Trao đổi của Bộ Nội vụ: Tại Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; Kết luận số 17-KL/TW ngày 11/9/2017 về tình hình thực hiện biên chế, tinh giản biên chế của các tổ chức trong hệ thống chính trị năm 2015 - 2016; mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp

giai đoạn 2017-2021, Bộ Chính trị đã chỉ đạo: “Dừng việc giao bổ sung biên chế giai đoạn 2017-2021; thực hiện bằng được mục tiêu đến năm 2021 giảm ít nhất 10%, bình quân phải giảm ít nhất 2,5%/năm biên chế của cả hệ thống chính trị”, “quá trình sắp xếp lại tổ chức bộ máy không được tăng thêm đầu mối và biên chế; trường hợp đặc biệt được giao nhiệm vụ mới thì phải có ý kiến của Bộ Chính trị, nhưng về biên chế các cơ quan, đơn vị, địa phương tự cân đối, điều chỉnh trong tổng số biên chế được giao”. Đề nghị tỉnh Trà Vinh thực hiện nghiêm quy định trên; bố trí, sử dụng số biên chế được giao để hoàn thành tốt các nhiệm vụ (kể cả nhiệm vụ mới).

Câu 14. Tiếp tục sắp xếp lại tổ chức bên trong các cơ quan, đơn vị theo thẩm quyền; đẩy nhanh tiến độ xây dựng và hoàn thiện vị trí việc làm để làm cơ sở sắp xếp, bố trí, cán bộ, tinh giản biên chế và thực hiện cải cách chính sách tiền lương (*Bảo hiểm Xã hội Việt Nam*).

Trao đổi của Bộ Nội vụ: Chính phủ đã ban hành Nghị định số 101/2020/NĐ-CP ngày 28/8/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2016/NĐ-CP; Nghị định số 47/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 10/2016/NĐ-CP; Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP; Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2014/NĐ-CP; Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập, trong đó quy định tiêu chí thành lập tổ chức, khung số lượng cấp phó làm cơ sở cho Bộ, ngành, địa phương xây dựng phương án kiện toàn tổ chức của cơ quan mình theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

Chính phủ cũng đã ban hành Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 về vị trí việc làm và biên chế công chức và Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập, trong đó quy định rõ trách nhiệm và thời hạn của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực trong xây dựng hướng dẫn vị trí việc làm để làm cơ sở cho Bộ, ngành, địa phương quyết định vị trí việc làm phù hợp. Đối với khung danh mục vị trí việc làm của hệ thống chính trị, Bộ Nội vụ đã phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương tổng hợp danh mục vị trí việc làm cán bộ, công chức, viên chức và cán bộ, công chức cấp xã để báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Câu 15. Đề nghị Bộ Nội vụ sớm thông báo các Bộ chuyên ngành, lĩnh vực ban hành các văn bản hướng dẫn về vị trí việc làm lãnh đạo quản lý và chức danh nghề nghiệp chuyên ngành, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc đối với đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực được giao quản lý (*Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam*).

Trao đổi của Bộ Nội vụ: Thực hiện Nghị định số 106/2020/NĐ-CP (khoản 1 Điều 12 và khoản 1 Điều 21), Bộ Nội vụ đã có Văn bản số 5168/BNV-TCBC ngày 01/10/2020 đề nghị các Bộ, cơ quan ngang Bộ: (1) Xây dựng Thông tư hướng dẫn về vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý và chức danh nghề nghiệp chuyên ngành được giao quản lý từ Trung ương đến địa phương; cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp thuộc ngành, lĩnh vực được giao quản lý gửi Bộ Nội vụ trước ngày 28/02/2021 để có ý kiến thống nhất trước khi ban hành; (2) Xây dựng vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung và vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ trong đơn vị sự nghiệp thuộc ngành, lĩnh vực được giao quản lý gửi Bộ Nội vụ trước ngày 28/02/2021 để Bộ Nội vụ tổng hợp, ban hành.

Câu 16. Xem xét tiêu chí giảm các đơn vị sự nghiệp phù hợp với từng địa phương (một số địa phương thành lập các cơ quan, đơn vị ít hơn so với quy định của Trung ương nhưng vẫn phải thực hiện giảm 10% số đơn vị hiện có là không đồng đều giữ các địa phương) và có tiêu chí giao biên chế hành chính nhà nước, người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp giữa các tỉnh cho phù hợp (*hiện nay, một số tỉnh có số lượng các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh, cấp huyện cùng thực hiện chức năng, nhiệm vụ như nhau; có điều kiện kinh tế - xã hội, dân số, đơn vị hành chính tương đồng nhưng số lượng biên chế hành chính nhà nước, người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập được Trung ương phân bổ khác nhau*). Xem xét chuyển 1.890 chỉ tiêu hợp đồng lao động theo Quyết định số 60/2011/QĐ-TTg của tỉnh vào biên chế giáo viên mầm non tỉnh Tuyên Quang do từ trước ngày 09/02/2010 tỉnh Tuyên Quang không có mô hình trường bán công nên ngày có hiệu lực thi hành của Quyết định số 239/QĐ-TTg ngày 09/02/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ năm tuổi giai đoạn 2010-2015 chưa chuyển thành viên chức; đề nghị bổ sung 2.440 viên chức sự nghiệp y tế, 4.335 viên chức sự nghiệp giáo dục để đáp ứng nhu cầu khám, chữa bệnh, dạy và học theo các Thông tư quy định về định mức số lượng người làm việc tại các đơn vị sự nghiệp y tế và giáo dục.

Sớm ban hành danh mục đơn vị sự nghiệp công lập cung ứng dịch vụ sự nghiệp công cơ bản thiết yếu để thực hiện việc thành lập, tổ chức lại, giải thể theo Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ (***tỉnh Tuyên Quang***).

Trao đổi của Bộ Nội vụ: Nghị quyết 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 19-NQ/TW) và Nghị quyết số 08/NQ-CP ngày 24/01/2018 của Chính phủ về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW đã đưa ra các mục tiêu, giải pháp đồng bộ, yêu cầu tất cả các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong hệ thống chính trị phải thực hiện để đến

năm 2021 tối thiểu bình quân cả nước giảm 10% đơn vị sự nghiệp công lập; giảm tối thiểu 10% biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước so với năm 2015. Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang căn cứ Nghị quyết để thực hiện việc sắp xếp, giảm đầu mỗi các đơn vị sự nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Tại Điều 4 Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức đã quy định căn cứ xác định biên chế công chức; trong đó, ngoài căn cứ chung về vị trí việc làm và khối lượng công việc của từng vị trí việc làm, mức độ hiện đại hóa về trang thiết bị, phương tiện làm việc và ứng dụng công nghệ thông tin, thực tế việc sử dụng biên chế công chức được giao thì việc xác định biên chế công chức đối với cơ quan, tổ chức ở địa phương còn phải căn cứ vào quy mô dân số, diện tích tự nhiên, số lượng đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã và đặc điểm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội của từng địa phương. Tại khoản 2 Điều 4 Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập đã quy định căn cứ xác định số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp theo vị trí việc làm và khối lượng công việc thực tế tại từng vị trí việc làm của đơn vị sự nghiệp công lập; mức độ hiện đại hóa công sở, trang thiết bị, phương tiện làm việc và ứng dụng công nghệ thông tin; thực trạng quản lý, sử dụng số lượng người làm việc được giao của đơn vị. Do vậy, số liệu biên chế công chức trong các tổ chức hành chính và số lượng người làm việc tại các đơn vị sự nghiệp công lập của các địa phương được giao là khác nhau. Mặt khác, tại 02 Nghị định nêu trên đã giao trách nhiệm cho các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực phải hướng dẫn về định mức biên chế công chức trong các cơ quan tổ chức thuộc ngành, lĩnh vực được giao quản lý và định mức số lượng người làm việc đối với đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực được giao quản lý. Sau khi các Bộ quản lý ngành ban hành các quy định nêu trên sẽ là cơ sở pháp lý để các địa phương thực hiện.

Đối với biên chế sự nghiệp giáo dục và sự nghiệp y tế, tại Nghị quyết số 102/NQ-CP ngày 03/7/2020 của Chính phủ về giải pháp đối với biên chế sự nghiệp giáo dục và y tế đã giao Bộ Giáo dục và Đào tạo rà soát, sửa đổi định mức học sinh/lớp, giáo viên/lớp tại các bậc học và giao Bộ Y tế rà soát, sửa đổi định mức viên chức y tế/giường bệnh, viên chức y tế/dân số. Sau khi Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế sửa đổi các định mức nêu trên sẽ làm cơ sở cho địa phương xác định số giáo viên và số viên chức y tế theo định mức quy định. Về việc bổ sung biên chế giáo viên, Bộ Nội vụ đã tổng hợp báo cáo của các địa phương trong cả nước trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định. Trong thời gian chưa có ý kiến của Thủ tướng Chính phủ, đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang căn cứ vào số lượng người làm việc theo văn bản thẩm định của Bộ Nội vụ năm 2020, năm 2021 và định mức học sinh/lớp, giáo viên/lớp tại các bậc học theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo để thực hiện ký hợp đồng lao động đối với các vị trí việc làm là giáo viên và viên chức y tế tại các đơn vị sự nghiệp giáo dục và y tế công lập theo

đúng Nghị quyết số 102/NQ-CP ngày 03/7/2020 của Chính phủ về giải pháp đối với biên chế sự nghiệp giáo dục và y tế và Văn bản số 5075/BNV-TCBC ngày 26/9/2020 của Bộ Nội vụ về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 102/NQ-CP ngày 03/7/2020 của Chính phủ.

Tại khoản 2 Điều 20 Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập đã giao trách nhiệm cho Bộ trưởng Bộ quản lý ngành, lĩnh vực chủ trì, phối hợp với Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu thuộc ngành, lĩnh vực. Sau khi Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công nêu trên sẽ là cơ sở pháp lý để các địa phương thực hiện.

IV. QUẢN LÝ CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC

Câu 17. Đề xuất Bộ Nội vụ nghiên cứu bổ sung quy định *Thời gian mang thai và nghỉ thai sản* của nữ công chức cần được tính vào chế độ xét thi đua hằng năm vào Luật cán bộ, công chức, viên chức. Bên cạnh đó cụ thể hóa các quy định về đảm bảo môi trường làm việc, chống quấy rối tình dục cho nữ CBCCVN trong Luật (*tỉnh Bến Tre*).

Trao đổi của Bộ Nội vụ: Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng đã quy định: Thời gian nghỉ thai sản theo quy định được tính để bình xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ tiên tiến” và tại khoản 1 Điều 135 Bộ luật Lao động năm 2019 quy định: “Bảo đảm quyền bình đẳng của lao động nữ, lao động nam, thực hiện các biện pháp bảo đảm bình đẳng giới và phòng, chống quấy rối tình dục tại nơi làm việc”. Theo đó, Bộ luật Lao động năm 2019 đã bổ sung các quy định bảo đảm bình đẳng giới cho cả lao động nam và thực hiện các biện pháp bảo đảm bình đẳng giới, phòng, chống quấy rối tình dục tại nơi làm việc.

Câu 18. Đề nghị Bộ Nội vụ sớm có hướng dẫn chuyển đổi vị trí việc làm, quy định cụ thể danh mục và thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác thuộc phạm vi ngành Nội vụ theo Nghị định số 59/2019/NĐ-CP của Chính phủ (*tỉnh Cao Bằng, tỉnh Quảng Nam*).

Trao đổi của Bộ Nội vụ: Bộ Nội vụ đang xây dựng dự thảo Thông tư, sẽ gửi Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tham gia đóng góp và lấy ý kiến rộng rãi của nhân dân trên Cổng Thông tin điện tử của Chính phủ, Bộ Nội vụ để tiếp thu, hoàn thiện, ban hành kịp thời, đảm bảo theo quy định.

Câu 19: Nhằm triển khai tốt các Nghị định có hiệu lực trong năm 2021 và nâng cao nhân lực những cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong ngành Nội vụ, đề nghị Bộ Nội vụ mở thêm các Hội nghị, Hội thảo và các lớp bồi dưỡng, tổ chức tập huấn, hướng dẫn thực hiện các quy định mới về công tác bộ, nâng cao trình độ chuyên môn cho các công chức, viên chức làm việc trong ngành Nội vụ. Đặc biệt

với xu hướng hội nhập quốc tế, cải cách công tác hành chính thì việc công chức, viên chức làm việc trong ngành Nội vụ được đi thực tế tại các nước có trình độ tiên tiến là điều rất cần thiết trong nâng cao nhân lực ngành Nội vụ (*Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam*).

Trao đổi của Bộ Nội vụ: Trong những năm qua, Bộ Nội vụ triển khai nhiều hoạt động, tổ chức các hội nghị, hội thảo, các lớp bồi dưỡng, tập huấn,... để thực hiện các quy định của Đảng, Nhà nước về công tác cán bộ, giúp nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức làm quản lý nhà nước về các ngành, lĩnh vực: Tổ chức hành chính, sự nghiệp nhà nước; chính quyền địa phương, địa giới hành chính; cán bộ, công chức, viên chức nhà nước; đào tạo, bồi dưỡng về chuyên ngành hành chính và quản lý nhà nước; hội, tổ chức phi chính phủ; thi đua, khen thưởng; tôn giáo; văn thư, lưu trữ nhà nước; thanh niên và quản lý nhà nước đối với các dịch vụ công thuộc lĩnh vực quản lý của bộ theo quy định của pháp luật; tổ chức các khóa bồi dưỡng ở nước ngoài về các nội dung: hội nhập quốc tế, cải cách hành chính, quản lý nguồn nhân lực... tại các nước có nền kinh tế hành chính tiên tiến, phù hợp với điều kiện của Việt Nam.

Trong thời gian tiếp theo, căn cứ điều kiện thực tế, Bộ Nội vụ sẽ tiếp tục tổ chức thực hiện các kế hoạch hội nghị, hội thảo, bồi dưỡng, tập huấn, bồi dưỡng ở nước ngoài về các nội dung nêu trên, góp phần nâng cao chất lượng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong ngành Nội vụ, bảo đảm thực hiện quản lý nhà nước.

Câu 20. Tăng cường tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kiến thức về công tác hội và quỹ xã hội, quỹ từ thiện đối với cán bộ, công chức tham mưu quản lý nhà nước về hội, quỹ và những người giữ chức danh lãnh đạo chủ chốt tại hội, quỹ (*tỉnh Lạng Sơn*).

Trao đổi của Bộ Nội vụ: Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện, Bộ Nội vụ đã phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương, Ban Đối ngoại Trung ương, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Ngoại giao tổ chức Hội nghị triển khai các quy định của Đảng và Nhà nước về hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện đối với công chức tham mưu quản lý nhà nước về hội, quỹ ở các Bộ, ngành, địa phương và những người làm việc tại hội, quỹ. Ngoài ra, Bộ Nội vụ đã tham gia, phối hợp với một số địa phương như Hà Nội, Phú Thọ tổ chức lớp tập huấn, bồi dưỡng kiến thức về công tác hội, quỹ. Bộ Nội vụ sẽ nghiên cứu, tùy theo điều kiện thực tế để thực hiện theo nhu cầu của các bộ, ngành, địa phương.

Câu 21. Kiến nghị Trung ương sớm ban hành một số văn bản quy phạm pháp luật để địa phương tổ chức thực hiện, như văn bản hướng dẫn hỗ trợ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng đối với CBCCVC là nữ, là người dân tộc thiểu số theo quy định tại Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC (*tỉnh Trà Vinh*).

Trao đổi của Bộ Nội vụ: Bộ Nội vụ đã có Văn bản số 4662/BNV-VP ngày 07/9/2020 về việc trả lời kiến nghị, đề xuất của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh, cụ thể: Khoản 3, Điều 36, Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức của Chính phủ quy định: “Nhà nước có chính sách hỗ trợ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng đối với cán bộ, công chức, viên chức là nữ, là người dân tộc thiểu số” và giao Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể.

Ngày 30/3/2018, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 36/2018/TT-BTC hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức. Trong đó có hướng dẫn hỗ trợ kinh phí đối với cán bộ, công chức, viên chức là nữ, là người dân tộc thiểu số được cử đi đào tạo, bồi dưỡng. Quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, tỉnh Trà Vinh báo cáo Bộ Tài chính tháo gỡ, đảm bảo quyền lợi cho cán bộ, công chức, viên chức theo quy định.

V. CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG

Câu 22. Đề nghị Bộ Nội vụ phối hợp xem xét, đề xuất Chính phủ nâng mức khoán quỹ phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách cấp xã, ở ấp, khu phố để lực lượng này ổn định, an tâm công tác góp phần thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị tại địa phương. Đề nghị Bộ Nội vụ đề xuất Chính phủ quy định cụ thể việc quản lý những người hoạt động không chuyên trách cấp xã hoặc phân cấp để địa phương triển khai thực hiện (*tỉnh Long An*).

Trao đổi của Bộ Nội vụ: Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố đã giao Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ vào quỹ phụ cấp theo quy định và căn cứ vào đặc thù của từng cấp xã, yêu cầu quản lý, tỷ lệ chi thường xuyên của cấp xã và nguồn thu ngân sách của địa phương trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quy định mức phụ cấp của từng chức danh, mức phụ cấp kiêm nhiệm chức danh đối với người hoạt động không chuyên trách và mức bồi dưỡng người trực tiếp tham gia công việc của thôn, tổ dân phố. Như vậy, Chính phủ đã phân cấp cho chính quyền địa phương cấp tỉnh quy định cụ thể mức phụ cấp, phụ cấp kiêm nhiệm và mức bồi dưỡng đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố bảo đảm phù hợp với đặc điểm, điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương. Theo đó, Ủy ban nhân dân tỉnh Long An đã trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết số 14/2020/NQ-HĐND ngày 09/7/2020 quy định chức danh, số lượng, chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn, ấp, khu phố; mức khoán kinh phí sinh hoạt của các tổ chức chính trị - xã hội ở xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Long An.

Căn cứ quy định của pháp luật, Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009, Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ và theo báo

cáo của các địa phương thì người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã được hình thành từ các nguồn như sau:

- Đối với các chức danh: Phó Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc, Phó Chủ tịch Hội nông dân, Phó Chủ tịch Hội cựu chiến binh, Phó Chủ tịch Hội phụ nữ, Phó Bí thư đoàn thanh niên, Phó Chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra... do đại hội bầu, hoạt động theo nhiệm kỳ và thực hiện theo quy định của Điều lệ của tổ chức đó.

- Đối với các chức danh: Phó Chỉ huy trưởng Quân sự cấp xã và Phó trưởng Công an xã thực hiện theo quy định tại Nghị định số 73/2009/NĐ-CP ngày 07/9/2009 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Công an xã và Nghị định số 58/2010/NĐ-CP ngày 01/6/2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Dân quân tự vệ.

- Đối với các chức danh: Văn phòng Đảng ủy, Văn phòng Ủy ban nhân dân, Thủ quỹ, Văn thư,... theo nhu cầu thực tế của địa phương, Ủy ban nhân dân cấp xã chủ động trong việc bố trí người phù hợp với chuyên môn, nghiệp vụ.

Như vậy, quản lý đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, được thực hiện theo quy định của điều lệ Đảng, điều lệ của tổ chức chính trị - xã hội, pháp luật của nhà nước và theo phân cấp quản lý mà Chính phủ đã giao Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quy định.

VI. TÍN NGƯỠNG, TÔN GIÁO

Câu 23. Ban Tôn giáo Chính phủ tổ chức một số Hội nghị chuyên đề, trao đổi kinh nghiệm tại một số tỉnh, thành phố làm tốt công tác tôn giáo hoặc có những sáng kiến xử lý các tình huống thường hay phát sinh trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo; tiếp tục hỗ trợ kinh phí cho công tác tuyên truyền, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức làm công tác tôn giáo ở cơ sở (*tỉnh Bắc Giang*).

Trao đổi của Bộ Nội vụ: Thực hiện Quyết định số 174/QĐ-TTg, ngày 09/02/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt “Đề án Bồi dưỡng cán bộ, công chức làm công tác tôn giáo giai đoạn 2017-2020”, hàng năm, Ban Tôn giáo Chính phủ đã chủ động ban hành kế hoạch để triển khai thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức làm công tác tôn giáo. Năm 2020, Ban Tôn giáo Chính phủ đã tổ chức được 04 lớp bồi dưỡng kiến thức pháp luật, kỹ năng quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo cho 625 công chức làm công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo tại các địa phương; Tập đề cương bài giảng chung cho các ngành; xây dựng tài liệu chuyên sâu về các tôn giáo như Phật giáo, Tin lành, Cao Đài. Đặc biệt, đã từng bước đổi mới phương pháp giảng dạy, chú ý xây dựng đội ngũ báo cáo viên để tăng cường đội ngũ báo cáo viên tại các lớp bồi dưỡng kiến thức, pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo tại các địa phương. Năm 2021, Ban Tôn giáo Chính phủ sẽ báo cáo Thủ tướng Chính phủ để tiếp tục triển khai công tác bồi dưỡng cán bộ, công chức làm công tác tôn giáo giai đoạn 2021-2025.

Câu 24. Hiện nay, việc đấu tranh, xử lý đối với các trường hợp đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức tham gia Pháp luân công trên địa bàn tỉnh đang gặp nhiều khó khăn, do chưa có các quy định cụ thể, chủ yếu phải vận dụng các quy định pháp luật có liên quan. Vì vậy, đề nghị Bộ Nội vụ phối hợp với các bộ, ngành liên quan ở Trung ương có hướng dẫn thêm đối với nội dung này để các địa phương có cơ sở thực hiện (*tỉnh Đắk Nông*).

Trao đổi của Bộ Nội vụ: Dự thảo Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo, Bộ Nội vụ đã báo cáo Thủ tướng Chính phủ xin dừng xây dựng và ban hành. Vì vậy, hiện nay chưa có chế tài trực tiếp xử lý các trường hợp vi phạm pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo mà áp dụng các quy định của pháp luật liên quan.

Pháp luân công thực chất không phải là một tín ngưỡng, tôn giáo. Thực tế, một số người luyện tập Pháp luân công lợi dụng các bài tập khí công, khuyến đại về tác dụng của việc rèn luyện khí công, kết hợp với hình thức tu tập sử dụng yếu tố tín ngưỡng, tâm linh để lôi kéo những người đang có vấn đề về sức khỏe tin rằng những người luyện tập Pháp luân công có thể tự khỏi được bách bệnh, kể cả những bệnh hiểm nghèo mà không cần dùng thuốc. Hệ lụy là có người bệnh không thuyên giảm, thậm chí đã tử vong. Một số trường hợp lợi dụng luyện tập Pháp luân công để tụ tập đông người, tuyên truyền chống phá Đảng, Nhà nước, gây mất an ninh trật tự,... Những trường hợp như trên đều áp dụng quy định của pháp luật liên quan để xử lý. Bộ Nội vụ đã có văn bản số 526/BNV-TGCP ngày 06/12/2019 về việc một số vấn đề về Pháp luân công gửi các cơ quan Trung ương và địa phương để tuyên truyền trong nội bộ, trong đó có nội dung “đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật để đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, người làm việc trong lực lượng vũ trang, đoàn viên, hội viên các tổ chức chính trị - xã hội, những người đã nghỉ hưu, học sinh, sinh viên và nhân dân nhận thức đúng bản chất phản khoa học, phản văn hóa và âm mưu chính trị đối lập của Pháp luân công, tự nguyện không tham gia Pháp luân công”. Đối với trường hợp cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức khi tham gia các hoạt động của Pháp luân công còn áp dụng Quy định số 102-QĐ/TW ngày 15/11/2017 của Ban Chấp hành Trung ương về việc xử lý kỷ luật đảng viên vi phạm để xử lý kỷ luật.

Câu 25. Đề nghị Bộ Nội vụ trình Thủ Tướng Chính phủ nâng mức hỗ trợ đối với tổ chức tôn giáo và chức sắc, chức việc các tôn giáo (*tỉnh Long An*).

Trao đổi của Bộ Nội vụ: Năm 2019, Bộ Nội vụ xây dựng văn bản, có thống nhất với Bộ Tài chính, trình Thủ tướng Chính phủ đề nghị nâng mức hỗ trợ đối với tổ chức, cá nhân tôn giáo. Văn phòng Chính phủ đã có văn bản giao cho các Bộ, ngành tham gia ý kiến. Tuy nhiên, Bộ Tư pháp chưa thống nhất với đề nghị này.

Câu 26. Tổng kết Kế hoạch số 54/KH-BNV ngày 05/5/2016 của Bộ Nội vụ về công tác đối với đạo Tin Lành giai đoạn 2016-2020 và tiếp tục ban hành Kế hoạch công tác đối với đạo Tin Lành trong những năm tiếp theo (*tỉnh Trà Vinh*).

Trao đổi của Bộ Nội vụ: Năm 2019, Ban Tôn giáo Chính phủ đã hướng dẫn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổng kết 05 năm thực hiện Kết luận số 101-KL/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng về chủ trương, công tác đối với đạo Tin lành trong tình hình mới (trên phương diện quản lý nhà nước đối với đạo Tin lành) thông qua việc đánh giá việc triển khai thực hiện Kế hoạch số 54/KH-BNV ngày 05/5/2016 của Bộ Nội vụ về công tác đối với đạo Tin Lành giai đoạn 2016-2020. Ngày 10/12/2020, Bộ Nội vụ đã ban hành Kế hoạch số 659/KH-BNV về công tác đối với đạo Tin lành giai đoạn 2021-2030.

VII. THI ĐUA, KHEN THƯỞNG

Câu 27. Khi xét khen thưởng hồ sơ đề nghị khen thưởng thành tích tham gia kháng chiến cho đối tượng là nhân dân, tự vệ, dân quân, du kích và cán bộ hoạt động ở xã, phường (nhất là miền Nam) đòi hỏi phải có “Lịch sử kháng chiến ở địa phương” và xác nhận của tập thể hoặc cá nhân là cán bộ phụ trách, là người giao nhiệm vụ, là người cùng tham gia, là người chắc chắn biết rõ việc giúp đỡ kháng chiến đối với người kê khai thành tích phải phù hợp với các tư liệu trong “Lịch sử kháng chiến ở địa phương” là rất khó thực hiện. Thực tế hiện nay, không phải địa phương nào cũng xây dựng được “Lịch sử kháng chiến ở địa phương” và không phải đối tượng nào có liên quan (nhân dân, tự vệ, dân quân, du kích và cán bộ hoạt động ở xã, phường) đều được ghi tên trong “Lịch sử kháng chiến ở địa phương”. Vì vậy, kính đề nghị Ban Thi đua - Khen thưởng xem xét, có hướng tháo gỡ khó khăn đối với các hồ sơ đề nghị khen thưởng thành tích tham gia kháng chiến nhưng không có “Lịch sử kháng chiến ở địa phương” (*tỉnh Bình Phước*).

Trao đổi của Bộ Nội vụ: Chính sách khen thưởng thành tích kháng chiến chống Pháp, kháng chiến chống Mỹ đã được Đảng và Nhà nước triển khai từ năm 1961 đến nay. Trong đó khen thưởng thành tích kháng chiến chống Pháp được thực hiện theo Điều lệ khen thưởng ban hành kèm theo Nghị quyết số 06-NQ/TVQH ngày 29/8/1960 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Thông tư hướng dẫn số 15-TTg ngày 12/01/1961 của Thủ tướng Chính phủ; khen thưởng tổng kết thành tích kháng chiến chống Mỹ được thực hiện theo Điều lệ khen thưởng ban hành kèm theo Nghị quyết số 47-NQ/HĐNN7 ngày 29/9/1981 của Hội đồng Nhà nước, Thông tư số 39/BT ngày 21/4/1982 của Hội đồng Bộ trưởng, các thông tư, văn bản hướng dẫn chi tiết thi hành. Các văn bản, hướng dẫn về khen thưởng thành tích kháng chiến nêu trên đến nay vẫn còn hiệu lực thi hành. Do vậy, tiêu chuẩn, điều kiện, thủ tục, hồ sơ về khen thưởng thành tích kháng chiến được quy định trong các văn bản nêu trên là điều kiện bắt buộc khi xét khen thưởng thành tích kháng chiến. Vì vậy, kiến nghị nêu trên của tỉnh Bình Phước, hiện nay không có cơ sở để thực hiện.

Câu 28. Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương xem xét, tổ chức các lớp bồi dưỡng về công tác thi đua, khen thưởng cho đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác thi đua, khen thưởng đến cấp cơ sở của tỉnh. Sớm giải quyết hồ sơ đề nghị cấp đổi hiện vật của tỉnh, để kịp thời trao cho các cá nhân (*tỉnh Đắk Nông*).

Trao đổi của Bộ Nội vụ: Theo quy định, việc xây dựng kế hoạch hàng năm để tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn cho đội ngũ cán bộ làm thi đua, khen thưởng do cơ quan chuyên trách làm công tác thi đua, khen thưởng các cấp thực hiện. Vì vậy, đối với công chức làm công tác thi đua, khen thưởng thuộc thẩm quyền quản lý của tỉnh, việc bồi dưỡng, tập huấn sẽ do cơ quan chuyên trách làm công tác thi đua, khen thưởng thuộc địa phương xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện. Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương sẽ phối hợp, hướng dẫn khi các bộ, ngành, địa phương đề xuất.

Về cấp đổi hiện vật khen thưởng, thực hiện Nghị định số 85/2014/NĐ-CP và Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 20/7/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 85/2014/NĐ-CP, Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương đã có văn bản hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương thực hiện việc cấp đổi, cấp lại hiện vật khen thưởng; các bộ, ngành, địa phương đang tập trung triển khai thực hiện theo quy định. Đối với một số trường hợp đề nghị cấp đổi, cấp lại Bằng của các hình thức khen thưởng cấp Nhà nước hiện chưa giải quyết được, Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương đang trình Thủ tướng Chính phủ cho phép sử dụng mẫu chữ ký, mẫu con dấu của các lãnh đạo có thẩm quyền quyết định khen thưởng qua các thời kỳ để triển khai việc cấp đổi, cấp lại.

Câu 29. Đề nghị đổi mới nội dung, hình thức, phương pháp tổ chức các phong trào thi đua yêu nước để tổ chức phát động với các hình thức thi đua phong phú, sáng tạo, hấp dẫn, nội dung thiết thực (*tỉnh Thanh Hóa*).

Trao đổi của Bộ Nội vụ: Luật Thi đua, khen thưởng và các văn bản hướng dẫn thi hành đã quy định cụ thể về hình thức tổ chức thi đua, nội dung tổ chức phong trào thi đua, thẩm quyền, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, đơn vị phát động thi đua. Vì vậy, đề nghị các bộ, ngành, địa phương căn cứ chức năng, nhiệm vụ và tình hình thực tiễn để đổi mới nội dung, hình thức, phương pháp tổ chức các phong trào thi đua yêu nước để tổ chức phát động với các hình thức thi đua phong phú, sáng tạo, hấp dẫn, nội dung thiết thực.

VIII. VĂN THƯ, LƯU TRỮ

Câu 30. Đề xuất với Trung ương có chế độ chính sách hỗ trợ tỉnh xây dựng kho Lưu trữ chuyên dụng vì hiện nay là kho tạm, được bố trí trên tầng 4 trụ sở làm việc của HĐND và UBND tỉnh Cao Bằng, với diện tích kho hạn chế, số lượng nguồn tài liệu nộp lưu còn rất nhiều (*tỉnh Cao Bằng*).

Đề nghị Bộ Nội vụ, Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước làm việc với Bộ, ngành có liên quan để việc thực hiện Dự án xây dựng Kho lưu trữ chuyên dụng của tỉnh theo Quyết định số 1784/QĐ-TTg ngày 24/9/2010 (*tỉnh Thanh Hóa*).

Trao đổi của Bộ Nội vụ: Về việc thực hiện Dự án xây dựng Kho lưu trữ chuyên dụng của tỉnh theo Quyết định số 1784/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 24/9/2010, căn cứ Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 20/7/2019 của Thủ tướng Chính phủ; Văn bản số 5743/BKHĐT-TH ngày 14/8/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về lập kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025; Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025, các tỉnh chủ động xem xét, đưa dự án Kho Lưu trữ chuyên dụng vào danh mục dự án đầu tư trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 trình Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp và báo cáo Thủ tướng Chính phủ quyết định.

Câu 31. Ban hành các văn bản quy định, hướng dẫn cụ thể, chi tiết, thống nhất về việc lập hồ sơ, giao nộp hồ sơ, quản lý hồ sơ điện tử và lưu trữ hồ sơ điện tử. Nghiên cứu xây dựng chế độ, phụ cấp cho ngành Văn thư, lưu trữ. Mở lớp tập huấn, bồi dưỡng cho công chức làm quản lý nhà nước về văn thư, lưu trữ. Phối hợp với các Bộ, ngành, hướng dẫn về sử dụng kinh phí chi cho hoạt động chính lý tài liệu và số hóa tài liệu lưu trữ tại địa phương (*tỉnh Đắk Nông*).

Trao đổi của Bộ Nội vụ: Về việc lập hồ sơ, quản lý hồ sơ điện tử và giao nộp hồ sơ điện tử vào lưu trữ cơ quan đã được quy định, hướng dẫn tại Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ về công tác văn thư. Việc quản lý tài liệu lưu trữ điện tử được quy định tại Chương II của Nghị định số 01/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Lưu trữ và Thông tư số 02/2019/TT-BNV ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định tiêu chuẩn dữ liệu thông tin đầu vào và yêu cầu bảo quản tài liệu lưu trữ điện tử. Về nghiên cứu xây dựng chế độ, phụ cấp cho ngành văn thư, lưu trữ, theo Điểm d, Khoản 3.1, Nghị quyết 27/NQ-TW ngày 21/5/2018 của Ban chấp hành Trung ương, từ năm 2018 đến nay áp dụng phụ cấp theo nghề đối với công chức, viên chức làm việc trong những ngành, nghề có điều kiện lao động mang yếu tố độc hại, nguy hiểm gồm: phụ cấp ưu đãi theo nghề, phụ cấp trách nhiệm theo nghề và phụ cấp độc hại, nguy hiểm. Đồng thời, bãi bỏ các phụ cấp sau: phụ cấp thâm niên nghề (trừ một số ngành theo quy định); phụ cấp công vụ vì đã đưa vào trong mức lương cơ bản; phụ cấp độc hại, nguy hiểm do đã đưa vào phụ cấp theo nghề.

Đối với việc mở lớp tập huấn, bồi dưỡng cho công chức làm quản lý nhà nước về văn thư, lưu trữ, hàng năm theo đề nghị của các tỉnh, thành phố, các Bộ, ngành, Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước, Bộ Nội vụ cử công chức, viên chức giúp các tỉnh

tập huấn nghiệp vụ. Năm 2020, khi Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 03/5/2020 của Chính phủ về công tác văn thư, Quyết định số 458/QĐ-TTg ngày 03/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Tài liệu lưu trữ điện tử của các cơ quan nhà nước giai đoạn 2020 - 2025” được ban hành, Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước, Bộ Nội vụ đã chủ trì tổ chức Hội nghị triển khai các văn bản trên tại 03 miền Bắc, Trung, Nam cho Lãnh đạo Văn phòng, Phòng Văn thư, Lưu trữ các Bộ, ngành và Lãnh đạo Sở Nội vụ, Chi cục VTLT và Trung tâm Lưu trữ lịch sử các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và cử công chức, viên chức giúp cơ quan, tổ chức tập huấn nội dung lại tại đơn vị.

Về hướng dẫn về sử dụng kinh phí chi cho hoạt động chính lý tài liệu và số hóa tài liệu lưu trữ được quy định tại Thông tư số 03/2010/TT-BNV của Bộ Nội vụ ngày 29/4/2010 và Thông tư số 12/2010/TT-BNV ngày 26/11/2010 quy định mức kinh tế - kỹ thuật chính lý tài liệu giấy và hướng dẫn phương pháp xác định đơn giá chính lý tài liệu giấy; Thông tư số 04/2014/TT-BNV của Bộ Nội vụ quy định mức kinh tế - kỹ thuật tạo lập cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ

IX. TỔ CHỨC HỘI

Câu 32. Sớm ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện Nghị định số 93/2019/NĐ-CP ngày 25/11/2019 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện; hướng dẫn khoán phí sinh hoạt của các tổ chức hội được giao số lượng người làm việc và hỗ trợ kinh phí cho các hội quần chúng theo nhiệm vụ được Đảng và Nhà nước giao (*tỉnh Tuyên Quang*).

Trao đổi của Bộ Nội vụ: Thẻ chế hóa Kết luận 102-KL/TW ngày 22/9/2014 của Bộ Chính trị về hội quần chúng; Thông báo số 158-TB/TW ngày 02/01/2020 của Ban Bí thư về việc tiếp tục thực hiện Kết luận số 102-KL/TW, Bộ Nội vụ đang phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng, trình Chính phủ Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 45/2010/NĐ-CP, trong đó đề xuất không quy định hội tính chất đặc thù; các hội hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện, tự quản, tự bảo đảm kinh phí; từ năm 2021 thực hiện khoán kinh phí hoạt động cho các hội gắn với nhiệm vụ được Nhà nước giao, sửa đổi các quy định về chế độ chính sách đối với người làm việc tại hội và quy định chế tài xử lý vi phạm của hội trong quá trình hoạt động cho phù hợp. Bộ Nội vụ ghi nhận đề nghị nêu trên để tiếp tục phối hợp với cơ quan liên quan hoàn thiện Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 45/2010/NĐ-CP trình Chính phủ xem xét, quyết định.

Để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý về hội sau cấp phép, Bộ Nội vụ đã phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng Đề án Đánh giá về tổ chức, hoạt động của hội, các giải pháp tăng cường quản lý nhà nước về hoạt động của hội sau cấp phép để trình Bộ Chính trị (đã trình ngày 02/12/2020). Sau khi Đề án được cấp có thẩm quyền thông qua, Bộ Nội vụ phối hợp với cơ quan liên quan thẻ chế hóa thành quy định pháp luật nhằm tăng cường hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về

hội. Thực hiện Nghị định số 93/2019/NĐ-CP ngày 25/11/2019 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện, Bộ Nội vụ đã phối hợp với các cơ quan liên quan ban hành Thông tư số 04/2020/TT-BNV ngày 13/10/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 93/2019/NĐ-CP ngày 25/11/2019 theo quy định.

X. MỘT SỐ VẤN ĐỀ KHÁC

Câu 33. Kiến nghị Trung ương sớm ban hành một số văn bản quy phạm pháp luật để địa phương tổ chức thực hiện, như văn bản kéo dài thời gian thực hiện Đề án 500 và quy định việc xét tuyển đặc cách cho đội viên Đề án 500 (*tỉnh Trà Vinh*).

Trao đổi của Bộ Nội vụ: Bộ Nội vụ đã có Văn bản số 4662/BNV-VP ngày 07/9/2020 về việc trả lời kiến nghị, đề xuất của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh, cụ thể: Bộ Nội vụ đã có Văn bản số 2993/TTr-BNV ngày 17/6/2020 báo cáo Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện chế độ, chính sách và việc bố trí, sắp xếp đối với đội viên Đề án 500 trí thức trẻ, trong đó có nội dung cho kéo dài thời gian công tác đối với đội viên Đề án 500 và có chủ trương cho xét chuyển vào công chức cấp xã, cấp huyện không qua thi tuyển. Trong khi chờ Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định, Bộ Nội vụ đã có Văn bản số 3841/BNV-CTTN ngày 02/8/2020 về việc bố trí công tác đội viên Đề án 500 trí thức trẻ gửi Ủy ban nhân dân các tỉnh thực hiện chế độ, chính sách đối với đội viên Đề án đến tháng 12/2020.

THAM LUẬN CỦA CÁC BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG

1. BỘ TƯ PHÁP

Tham luận về ngành Nội vụ với công tác xây dựng và hoàn thiện thể chế

1. Trong giai đoạn 2016-2020, tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 48-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa IX về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020 và triển khai thi hành Hiến pháp năm 2013, công tác xây dựng và hoàn thiện thể chế là nhiệm vụ trọng tâm được Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Chính phủ tập trung chỉ đạo quyết liệt. Hệ thống pháp luật nước ta tiếp tục được hoàn thiện cả về mặt số lượng và chất lượng²¹. Nhiều văn bản quy phạm pháp luật đã được ban hành hoặc sửa đổi, bổ sung để thể chế hóa các chủ trương, đường lối của Đảng trong các lĩnh vực của đời sống xã hội, bảo đảm phù hợp với tình hình mới.

Trong quá trình phối hợp công tác với Bộ Nội vụ, dưới góc độ quản lý nhà nước về xây dựng pháp luật, Bộ Tư pháp nhận thấy Bộ Nội vụ với vai trò là cơ quan tham mưu, giúp Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về tổ chức bộ máy nhà nước, biên chế, công chức, công vụ đã chủ động, tích cực thực hiện đồng bộ các nhóm giải pháp, trong đó giải pháp về thể chế là trọng tâm, góp phần hoàn thiện hệ thống pháp luật trong lĩnh vực nội vụ, đáp ứng mục tiêu tinh giản biên chế, đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo yêu cầu của Nghị quyết số 39-NQ/TW, Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW Hội nghị Trung ương 6 khóa XII và Nghị quyết số 26-NQ/TW, Nghị quyết số 27-NQ/TW Hội nghị Trung ương 7 khóa XII. Đặc biệt, trong năm 2020, mặc dù gặp rất nhiều khó khăn do tình hình dịch bệnh Covid-19, tập thể lãnh đạo, cán bộ, công chức, người lao động ngành Nội vụ đã không ngừng nỗ lực và đạt được những kết quả thắng lợi trong công tác xây dựng và hoàn thiện thể chế. Một số kết quả nổi bật có thể kể đến như:

Trong lĩnh vực tổ chức bộ máy, Bộ Nội vụ đã tham mưu, giúp Chính phủ trình Quốc hội ban hành, sửa đổi, bổ sung những dự án luật quan trọng, rường cột về tổ chức bộ máy các cơ quan nhà nước từ trung ương đến địa phương như Luật Tổ chức Chính phủ, Luật Tổ chức chính quyền địa phương; trình Chính phủ ban hành các nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; tổ chức, hoạt động của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện... Việc ban hành các văn bản này nhằm mục tiêu phân định rành mạch hơn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan; quy định tiêu chí thành lập các tổ chức hành chính, đổi mới, sắp xếp các tổ chức này bảo đảm tinh

²¹ Giai đoạn này, Chính phủ đã trình Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội thông qua 112 luật, pháp lệnh, nghị quyết (71 luật, 02 pháp lệnh, 22 nghị quyết của Quốc hội, 17 nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội); Chính phủ ban hành 745 nghị định, Thủ tướng Chính phủ ban hành 232 quyết định

gọn, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và quy mô của từng tổ chức hành chính trong tình hình mới.

Về xây dựng chính quyền địa phương, địa giới hành chính, thực hiện Nghị quyết số 37-NQ/TW của Bộ Chính trị về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện và cấp xã, Bộ Nội vụ phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan tham mưu Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 653/2019/UBTVQH14 ngày 12/3/2019 và trình Chính phủ ban hành Nghị quyết số 32/NQ-CP ngày 14/5/2019 về sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã. Đến nay, nhiệm vụ sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện cấp xã giai đoạn 2019-2021 đã cơ bản hoàn thành và thu được những kết quả quan trọng, cả nước giảm 8 đơn vị hành chính cấp huyện, hơn 500 đơn vị hành chính cấp xã và hàng nghìn thôn, tổ dân phố, đóng góp lớn cho kết quả chung triển khai thực hiện Nghị quyết Đảng về tinh gọn bộ máy nhà nước.

Thực hiện chủ trương đổi mới mô hình tổ chức chính quyền địa phương theo quy định của Hiến pháp năm 2013, Bộ Nội vụ đã chủ động tham mưu Chính phủ trình Quốc hội ban hành các nghị quyết lần đầu tiên quy định về mô hình tổ chức chính quyền đô thị tại các thành phố lớn như Hà Nội, Đà Nẵng, Thành phố Hồ Chí Minh; trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết về thành lập đơn vị hành chính thành phố thuộc thành phố đầu tiên trên cả nước (Thành phố Thủ Đức thuộc Thành phố Hồ Chí Minh). Đây là những cơ sở pháp lý quan trọng nhằm thực hiện chính sách phân cấp, phân quyền của Hiến pháp năm 2013, tạo động lực cho các đô thị này phát triển và có sức lan tỏa tới sự phát triển kinh tế - chính trị - xã hội chung của cả nước.

Trong lĩnh vực cán bộ, công chức, công vụ, Bộ Nội vụ đã tham mưu cho Chính phủ, trình Quốc hội ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức với nhiều điểm đổi mới quan trọng. Triển khai thi hành Luật này, trong năm 2020, Bộ Nội vụ đã trình Chính phủ ban hành các nghị định quy định chi tiết Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức (sửa đổi, bổ sung năm 2019), quy định toàn diện các chính sách về tuyển dụng, sử dụng, quản lý, xử lý kỷ luật, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức... Đây là các cơ sở pháp lý quan trọng nhằm thể chế hóa chủ trương của Đảng về tinh giản biên chế, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp đầy đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ.

Trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo, năm 2016, Bộ Nội vụ cũng đã tham mưu Chính phủ, trình Quốc hội ban hành Luật Tín ngưỡng, tôn giáo thay thế Pháp lệnh Tín ngưỡng, tôn giáo, đồng thời trình Chính phủ ban hành các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật này. Việc ban hành Luật Tín ngưỡng, tôn giáo đã thể hiện và khẳng định nhất quán chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước ta trong việc tôn trọng và bảo hộ quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của mọi người, phù hợp với tinh thần của Hiến pháp năm 2013, phù hợp với các cam kết quốc tế, các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên; đổi mới cơ chế quản lý nhà nước nhằm tạo sự thông thoáng, minh bạch, cải cách hành chính đối với lĩnh vực này.

Ngoài ra, các văn bản quy phạm pháp luật trong các lĩnh vực thanh niên, thi đua, khen thưởng; tổ chức phi chính phủ, cải cách hành chính... cũng được quan tâm nghiên cứu, đề xuất sửa đổi, bổ sung, ban hành mới cho phù hợp với yêu cầu quản lý.

2. Trong quá trình thực hiện công tác xây dựng pháp luật, với tinh thần cải cách, đổi mới nhưng xác định việc triển khai phải cẩn trọng, bảo đảm phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng, các nội dung hoàn thiện thể chế về tổ chức bộ máy, quản lý biên chế, chế độ công vụ và vị trí việc làm đã được Bộ Nội vụ nghiên cứu kỹ lưỡng, lấy ý kiến nhiều lần các cơ quan có liên quan, trình Chính phủ thảo luận và Bộ Chính trị cho ý kiến chỉ đạo, bảo đảm triển khai có lộ trình và đáp ứng yêu cầu thực tiễn. Các quy định của pháp luật được sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới này đã, đang và sẽ là cơ sở pháp lý quan trọng tạo điều kiện cho các bộ, ngành và địa phương tổ chức triển khai đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp về sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, giảm đầu mối, giảm cấp trung gian, giảm số lượng lãnh đạo, giảm thủ tục hành chính, tăng cường phân cấp, ứng dụng công nghệ thông tin, giảm biên chế, cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, xây dựng chính quyền hiệu lực, hiệu quả trong thời gian tới.

Bên cạnh công tác xây dựng pháp luật, các công tác pháp chế khác như rà soát, hệ thống hóa, pháp điển hệ thống quy phạm pháp luật; kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật; phổ biến, giáo dục pháp luật; theo dõi tình hình thi hành pháp luật cũng được triển khai một cách đồng bộ, bài bản. Đặc biệt, trong năm 2020, thực hiện Quyết định số 236/QĐ-TTg thành lập tổ công tác của Thủ tướng Chính phủ về rà soát văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Nội vụ đã phối hợp chặt chẽ với Bộ Tư pháp và là thành viên tích cực của Tổ công tác, giúp Tổ công tác xây dựng chuyên đề rà soát quy định pháp luật về phân công, phân cấp, phân quyền, ủy quyền trong quản lý nhà nước về kinh tế, phục vụ việc xây dựng Báo cáo của Chính phủ trình Quốc hội về kết quả rà soát văn bản quy phạm pháp luật thuộc các lĩnh vực quản lý nhà nước.

Đạt được những kết quả nổi bật kể trên là nhờ sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của đồng chí Bộ trưởng và tập thể lãnh đạo Bộ Nội vụ đối với công tác pháp chế nói chung và công tác xây dựng và hoàn thiện thể chế nói riêng (Bộ Nội vụ là một trong số ít bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ (9/28) mà trực tiếp đồng chí Bộ trưởng phụ trách công tác pháp chế); sự tích cực, nỗ lực của đội ngũ cán bộ, công chức ngành Nội vụ và sự phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, tổ chức, bộ, ngành, chính quyền địa phương có liên quan bảo đảm hoàn thành các nhiệm vụ đề ra. Đối với riêng Bộ Tư pháp, chúng tôi luôn vui mừng có sự đồng hành, sát cánh của Bộ Nội vụ trong công tác đổi mới và hoàn thiện tổ chức bộ máy, đào tạo, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động ngành Tư pháp bảo đảm chất lượng, phục vụ hiệu quả cho công tác quản lý nhà nước của ngành. Cùng với đó, Bộ Tư pháp luôn nhận thức vai trò, trách nhiệm của mình trong việc phối hợp, đồng hành cùng Bộ Nội vụ trong việc tham mưu giúp Chính phủ hoàn thiện thể chế, pháp luật trong lĩnh vực nội vụ.

3. Năm 2021 có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, là năm tổ chức Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, bầu cử Quốc hội khóa XV, là năm đầu tiên thực hiện Kế

hoạch phát triển KTXH 5 năm 2021 - 2025 và Chiến lược phát triển KTXH 10 năm 2021 - 2030. Đối với ngành Nội vụ nói chung và Bộ Nội vụ nói riêng, năm 2021 hứa hẹn là một năm bận rộn không kém năm 2020 với công tác xây dựng thể chế, chính sách phục vụ công tác bầu cử, kiện toàn chức năng, nhiệm vụ và tổ chức bộ máy các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, chính quyền địa phương các cấp nhiệm kỳ 2021-2026, triển khai thi hành Luật Thanh niên... Bên cạnh đó, cùng với việc nhận diện những hạn chế, bất cập như đã nêu trong Báo cáo tổng kết ngành Nội vụ giai đoạn 2016-2020; trong năm 2021, ngành Nội vụ cần tiếp tục phát huy sức mạnh tập thể, khắc phục những khó khăn, hạn chế và đẩy mạnh hơn nữa công tác xây dựng, hoàn thiện thể chế, chính sách. Các dự án Luật Thi đua, khen thưởng (sửa đổi); Dự án Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở cần tiếp tục được quan tâm, chỉ đạo để hoàn thiện trình Quốc hội đứng tiền độ; tiếp tục rà soát, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật trong ngành, lĩnh vực, bảo đảm thể chế hóa kịp thời, đầy đủ các chủ trương, đường lối của Đảng trong lĩnh vực tổ chức bộ máy, biên chế, công chức, công vụ; bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật.

Lãnh đạo Bộ Tư pháp và các cán bộ, công chức Bộ Tư pháp chúng tôi cũng nhận thức rất rõ vai trò, trọng trách của ngành Nội vụ cũng như nhiệm vụ của Bộ Tư pháp trong công cuộc hoàn thiện thể chế về tổ chức bộ máy, quản lý biên chế, công chức, công vụ... Bộ Tư pháp, ngành Tư pháp và các đơn vị chuyên môn của Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục chia sẻ, đồng hành và phối hợp chặt chẽ với Bộ Nội vụ, ngành Nội vụ cố gắng hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao, góp phần nâng cao chất lượng hiệu quả của các dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước trong tình hình mới.

Nhân dịp năm mới 2021 sắp đến, kính chúc tập thể lãnh đạo, cán bộ, công chức, người lao động toàn ngành Nội vụ một năm nhiều thành công, hoàn thành thắng lợi các nhiệm vụ đề ra và tiếp tục có những đóng góp quan trọng cho công cuộc xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật. Chúc hội nghị hôm nay thành công tốt đẹp./.

2. BỘ TÀI CHÍNH

Tham luận về *Cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực hải quan*

Trong giai đoạn 2015 - 2020, thực hiện chủ trương của Đảng, Chính phủ về đẩy mạnh cải cách hành chính (CCHC), đặc biệt là Nghị quyết 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2011 - 2020, Bộ Tài chính đã ban hành nhiều chương trình, kế hoạch hành động và tổ chức thực hiện nhiều giải pháp về cải cách thủ tục hành chính (TTHC) trong các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ, tập trung vào các lĩnh vực có sự tác động lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh như thuế, hải quan, kho bạc, chứng khoán, tài chính doanh nghiệp... và đã thu được nhiều kết quả đáng khích lệ. Từ năm 2014 đến nay (06 năm liên tiếp), Bộ Tài chính luôn xếp trong nhóm 03 Bộ đứng đầu về Chỉ số CCHC do Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ công bố, trong đó các năm 2014, 2015, 2016, 2018 và 2019 Bộ Tài chính xếp thứ 2/19 Bộ, ngành, năm 2017 xếp thứ 3/19 Bộ, ngành. Có được kết quả khả quan đó, Bộ Tài chính luôn nhận được sự chỉ đạo sát sao của Chính phủ, sự phối hợp, hỗ trợ tích cực từ các Bộ, ngành, địa phương trong đó có Bộ Nội vụ về công tác CCHC nói chung và cải cách tổ chức bộ máy, nâng cao chất lượng cán bộ, công chức ngành Tài chính nói riêng.

Trong thành tích chung 5 năm qua của Bộ Tài chính có sự đóng góp không nhỏ của một trong những lĩnh vực quan trọng của Bộ đó là lĩnh vực hải quan. Trong lĩnh vực hải quan, thực hiện Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2011 - 2020 và Quyết định số 448/QĐ-TTg ngày 25/3/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Hải quan đến năm 2020, Bộ Tài chính luôn xác định cải cách thủ tục hành chính (TTHC) là khâu đột phá trong công tác CCHC, được thực hiện thường xuyên, với các giải pháp đồng bộ, cụ thể, theo hướng đề cao tinh thần phục vụ cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp, đồng thời bảo đảm yêu cầu quản lý về hải quan.

I. KẾT QUẢ

1. Đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh lĩnh vực hải quan

Bộ Tài chính luôn gắn chặt hoạt động rà soát, đơn giản hóa TTHC trong triển khai công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật (QPPL). Thông qua rà soát, đánh giá TTHC đã góp phần quan trọng vào việc thực hiện cắt giảm, đơn giản hóa TTHC lĩnh vực hải quan trong những năm qua. Hiện nay, số lượng TTHC lĩnh vực hải quan là 239 thủ tục, trong đó nhiều thủ tục mới được ban hành nhằm nội luật hóa các hiệp định thương mại mà Việt Nam đã ký kết. Các TTHC đều được công khai theo đúng quy định nhằm bảo đảm khả năng tiếp cận của người dân và doanh nghiệp. Các vướng mắc, kiến nghị về TTHC được tiếp nhận, xử lý kịp thời, là nguồn thông tin quan trọng để cơ quan Hải quan nghiên cứu, tiếp thu xây dựng chính sách và thực hiện cải cách thủ tục hành chính. Hệ thống các quy định về TTHC lĩnh vực hải quan được xây dựng phù hợp với yêu cầu mục tiêu chung của cải cách nền hành chính quốc gia, như: thay đổi phương thức khai, nộp hồ sơ hải quan và thời gian giải quyết TTHC bảo đảm đồng bộ

với việc thực hiện thủ tục hải quan điện tử; quy định tập trung, cụ thể các loại chứng từ người khai hải quan phải nộp khi làm thủ tục; minh bạch hóa thời gian giải quyết TTHC; tạo điều kiện cho doanh nghiệp phát triển hoạt động gia công, sản xuất xuất khẩu, thông quan, vận chuyển nhanh chóng hàng hóa qua khu vực giám sát hải quan, góp phần giảm chi phí, giảm tiếp xúc với công chức hải quan, góp phần thúc đẩy phát triển dịch vụ giao nhận, logistics tại Việt Nam....

Thực hiện Đề án tổng thể đơn giản hóa TTHC, giấy tờ công dân và các cơ sở dữ liệu liên quan đến quản lý dân cư được phê duyệt theo Quyết định số 896/QĐ-TTg ngày 08/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính đã rà soát, bãi bỏ bản sao giấy chứng minh nhân dân của 02 TTHC tại Thông tư số 22/2019/TT-BTC ngày 16/4/2019 của Bộ Tài chính. Bộ Tài chính trình Chính phủ ban hành Nghị định số 67/2020/NĐ-CP ngày 15/6/2020 trong đó quy định cắt giảm 06, đơn giản hóa 13 trên tổng số 29 điều kiện kinh doanh; cắt giảm 22 thành phần hồ sơ trên tổng số 52 thành phần hồ sơ của các thủ tục công nhận cửa hàng miễn thuế, kho, bãi, địa điểm đã quy định tại Nghị định số 68/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ.

Hiện nay, Bộ Tài chính đang tích cực rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa ít nhất 20% số quy định và ít nhất 20% chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh trong giai đoạn 2020 - 2025 theo yêu cầu tại Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 12/5/2020 của Chính phủ.

Năm 2020, khi đại dịch Covid-19 bùng phát phức tạp, Bộ Tài chính chỉ đạo cơ quan Hải quan thực hiện nhiều biện pháp như: nắm bắt, xử lý kịp thời các vướng mắc phát sinh liên quan đến xuất nhập khẩu hàng hóa; rút ngắn thời gian thông quan, giải phóng hàng hóa đặc biệt là hàng viện trợ trong phòng, chống dịch; giảm các trường hợp phải lấy mẫu để phân tích, giám định, phân loại hàng hóa, rút ngắn thời gian trả mẫu, nâng tỷ lệ thông báo kết quả phân tích, phân loại trước hạn và đúng hạn. Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 47/2020/TT-BTC ngày 27/5/2020 quy định về chứng từ chứng nhận xuất xứ đối với hàng hóa nhập khẩu áp dụng trong giai đoạn dịch Covid-19. Thông tư đã giải quyết được vướng mắc, khó khăn của doanh nghiệp trong vấn đề nộp bản gốc Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) do ảnh hưởng bởi dịch Covid-19.

2. Ứng dụng công nghệ thông tin, trang thiết bị hiện đại trong quản lý, kiểm tra, giám sát hải quan

- Từ năm 2014 đến nay, thủ tục hải quan điện tử đã được triển khai thực hiện ổn định và thông suốt trên Hệ thống VNACCS/VCIS tại tất cả các đơn vị Hải quan trên toàn quốc, xử lý trên 99% hồ sơ thủ tục hải quan. Bình quân mỗi năm, Hệ thống VNACCS/VCIS xử lý thành công khoảng 11 triệu tờ khai hải quan điện tử, trong đó có khoảng 53% số tờ khai thuộc diện luồng xanh, tức là thông quan trong khoảng thời gian từ 1 - 3 giây. Đây có thể là thời gian xử lý thủ tục hành chính nhanh nhất ở Việt Nam hiện nay nhờ áp dụng hệ thống công nghệ thông tin hiện đại của thế giới. Phương thức điện tử còn được thực hiện trên một số hệ thống công nghệ thông tin khác của cơ quan Hải quan, như: Hệ thống dịch vụ công trực tuyến (HQ36a), Hệ thống thông tin nghiệp vụ hải quan (Hệ thống V5), Cổng thông tin một cửa quốc gia....

Hiện nay số lượng TTHC hải quan được thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4 đạt 85%, trong đó 83% TTHC được thực hiện ở mức độ 4. Thời gian qua, Bộ Tài chính đã tích hợp thành công 72 TTHC hải quan lên Cổng dịch vụ công quốc gia theo chủ trương chung của Chính phủ.

- Đề rút ngắn thời gian thông quan hàng hóa, Bộ Tài chính đã trình Chính phủ ban hành Nghị định số 85/2019/NĐ-CP về cơ chế một cửa quốc gia, một cửa ASEAN. Đến nay, đã có 13 Bộ, ngành tham gia Cơ chế một cửa quốc gia, với 202 thủ tục kiểm tra chuyên ngành được thực hiện, giải quyết trên 40 nghìn hồ sơ, trên 39 nghìn doanh nghiệp tham gia. Về Cơ chế một cửa ASEAN, đến nay đã thực hiện gửi nhận C/O mẫu D trong 9 nước ASEAN.

- Thực hiện thanh toán điện tử (E-Payment), từ năm 2017, Bộ Tài chính chỉ đạo Tổng cục Hải quan triển khai Đề án nộp thuế điện tử và thông quan 24/7. Đến nay đã có 43 ngân hàng ký kết với Tổng cục Hải quan để phối hợp thu ngân sách nhà nước trong đó có 36 ngân hàng triển khai thu nộp thuế điện tử và thông quan 24/7, số thu đạt 98,7% tổng số thu ngân sách lĩnh vực hải quan.

- Hệ thống quản lý hải quan tự động (Hệ thống VASSCM) được Bộ Tài chính giao Tổng cục Hải quan triển khai thông qua việc kết nối, trao đổi thông tin với doanh nghiệp kinh doanh cảng, sân bay, kho bãi, địa điểm chịu sự giám sát hải quan. Đến nay, Hệ thống VASSCM đã được triển khai tại 33/35 Cục Hải quan tỉnh và thành phố, qua đó giảm tiếp xúc giữa công chức Hải quan và doanh nghiệp; giảm thời gian đi lại làm thủ tục của doanh nghiệp, khắc phục tình trạng ùn tắc tại công cảng, kho, bãi; tạo ra sự thuận lợi, minh bạch trong quản lý điều hành công việc của doanh nghiệp.

- Các trang thiết bị hiện đại phục vụ hoạt động nghiệp vụ hải quan như trang bị máy soi hành lý, hàng hoá, máy soi container, máy soi container di động, hệ thống camera giám sát, hệ thống seal định vị để giám sát hàng hóa xuất nhập khẩu được vận chuyển bằng container... được đẩy mạnh đầu tư và đều được quản lý, sử dụng có hiệu quả.

3. Tăng cường áp dụng các phương pháp quản lý hải quan hiện đại

Trong những năm qua, Bộ Tài chính chỉ đạo Tổng cục Hải quan tăng cường áp dụng các phương pháp quản lý hải quan hiện đại như: xác định trước mã số, trị giá, xuất xứ; kiểm tra sau thông quan; quản lý rủi ro; công nhận doanh nghiệp ưu tiên về hải quan; đánh giá tuân thủ pháp luật hải quan... mang lại hiệu quả thiết thực cho doanh nghiệp xuất nhập khẩu. Các biện pháp khuyến khích doanh nghiệp chấp hành tốt pháp luật, tăng cường kiểm tra, kiểm soát các đối tượng trọng điểm, hàng hóa có độ rủi ro cao được áp dụng đã hài hòa giữa yêu cầu tạo thuận lợi cho hoạt động xuất nhập khẩu và đảm bảo yêu cầu quản lý nhà nước về hải quan.

Theo đề xuất của Tổng cục Hải quan, Bộ Tài chính đã trình Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 431/QĐ-TTg ngày 27/3/2020 phê duyệt Đề án quản lý hoạt động thương mại điện tử đối với hàng hóa XNK, đây là hoạt động cấp bách và cần thiết trong giai đoạn hiện nay khi thương mại điện tử có bước phát triển mạnh mẽ trên toàn cầu. Bên cạnh đó, Bộ Tài chính hiện đang hoàn thiện Đề án bảo lãnh thông quan nhằm

góp phần tạo điều kiện thuận lợi hơn nữa cho hoạt động nhập khẩu hàng hóa, đơn giản hóa TTHC, giảm thời gian và chi phí cho doanh nghiệp.

4. Đẩy mạnh công tác kiểm tra chuyên ngành

Theo thống kê của Ngân hàng Thế giới, thời gian kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất nhập khẩu chiếm khoảng 72% thời gian thông quan hàng hóa qua biên giới. Tuy nhiên, hoạt động kiểm tra chuyên ngành hiện đang là rào cản đối với hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa. Do đó, Bộ Tài chính đã trình Chính phủ phê duyệt Đề án cải cách công tác kiểm tra chuyên ngành tại Quyết định số 2026/QĐ-TTg ngày 17/11/2015. Quá trình thực hiện đến nay đã giúp công tác kiểm tra chuyên ngành đạt một số kết quả tích cực. Các Bộ, ngành đã sửa đổi nhiều văn bản pháp luật về kiểm tra chuyên ngành; tăng cường áp dụng quản lý rủi ro, hậu kiểm, áp mã hàng hóa... Nếu như đến cuối năm 2015 số lượng tờ khai nhập khẩu thuộc diện kiểm tra chuyên ngành so với tổng số lô hàng nhập khẩu làm thủ tục hải quan tại các cửa khẩu chiếm từ 30 - 35% thì đến hết năm 2019 tỷ lệ này đã giảm mạnh xuống còn 19,1%.

Thực hiện chỉ đạo của Chính phủ tại Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 13/11/2019, Bộ Tài chính đã chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan xây dựng mô hình cơ quan Hải quan làm đầu mối trong kiểm tra chất lượng, kiểm tra an toàn thực phẩm đối với hàng hóa nhập khẩu, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Theo tính toán của USAID, triển khai mô hình này giúp tiết kiệm cho doanh nghiệp trong một năm hơn 881 tỷ đồng (xấp xỉ 37,8 triệu USD); dựa trên dữ liệu trong Báo cáo Môi trường kinh doanh của Ngân hàng Thế giới (WB), ước tính giá trị tiết kiệm cho nền kinh tế khi áp dụng mô hình mới lên đến 9.285 tỷ đồng (xấp xỉ 399 triệu đô la Mỹ) mỗi năm. Theo đánh giá của nhiều tổ chức quốc tế, nếu mô hình được triển khai sẽ giúp cắt giảm thủ tục hành chính; giảm thời gian thông quan; cắt giảm nguồn lực và chi phí cho doanh nghiệp và cơ quan quản lý và nâng cao ý thức tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp, bảo vệ an toàn cho người tiêu dùng; phù hợp với thông lệ quốc tế.

5. Nâng cao xếp hạng chỉ số Giao dịch thương mại qua biên giới

Thực hiện các Nghị quyết số 02/NQ-CP các năm 2019, 2020 của Chính phủ, Bộ Tài chính thành lập Tổ công tác liên ngành (Quyết định 881/QĐ-BTC ngày 27/5/2019) với thành phần gồm các Bộ, cơ quan liên quan để triển khai các giải pháp nhằm nâng cao xếp hạng Chỉ số; phối hợp với các Bộ, ngành liên quan xây dựng Kế hoạch triển khai các giải pháp nâng cao xếp hạng chỉ số Giao dịch thương mại qua biên giới của Việt Nam giai đoạn 2019 - 2021 (Quyết định số 876/QĐ-BTC ngày 27/5/2019).

Thực hiện Kế hoạch nêu trên, Bộ Tài chính đã phối hợp với các Bộ, ngành tăng cường số lượng TTHC thực hiện trên Cổng thông tin một cửa quốc gia; rà soát danh mục mặt hàng chồng chéo trong hoạt động kiểm tra chuyên ngành; chủ động trao đổi với Ngân hàng Thế giới để làm rõ nội hàm của chỉ số; cập nhật các hoạt động cải cách của Việt Nam liên quan đến Chỉ số để cung cấp kịp thời cho Ngân hàng Thế giới; tập trung nâng cao hiệu quả hoạt động của cơ quan Hải quan; phối hợp nâng cao chất lượng, giảm thời gian và chi phí bốc xếp, lưu thông hàng hóa tại kho, bãi, cảng, nâng cao chất lượng, giảm thời gian và chi phí vận tải và đẩy mạnh các hoạt động hỗ trợ

thực hiện thủ tục xuất nhập khẩu; phối hợp với các Bộ, ngành để giải quyết các vướng mắc và đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao xếp hạng Chỉ số Giao dịch thương mại qua biên giới; thường xuyên cập nhật và công bố Tài liệu về Chỉ số giao dịch thương mại qua biên giới trên Cổng thông tin điện tử Bộ Tài chính, Tổng cục Hải quan....

6. Cải cách tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

Về cải cách tổ chức bộ máy:

Thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương khóa XII một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, Bộ Tài chính đã chỉ đạo Tổng cục Hải quan tiếp tục thực hiện sắp xếp tổ chức các Cục Hải quan tỉnh, thành phố theo khu vực liên tỉnh để thu gọn đầu mối, tinh giản biên chế; rà soát, sắp xếp lại các Chi cục Hải quan thuộc Cục Hải quan, Đội (Tổ) và tương đương thuộc Chi cục Hải quan. Bộ Tài chính đã phê duyệt tiêu chí thành lập Chi cục Hải quan, Đội (Tổ) thuộc Chi cục và trong giai đoạn 2015 - 2020 đã giảm được 12 Chi cục Hải quan (tương ứng với 7%), giảm 232 Đội (Tổ) và tương đương thuộc Chi cục Hải quan (tương ứng với 38%).

Về tinh giản biên chế và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực:

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 39/NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, Bộ Tài chính đã chỉ đạo Tổng cục Hải quan áp dụng các biện pháp sử dụng biên chế linh hoạt, hiệu quả. Trước bối cảnh khối lượng công việc ngày càng tăng (kim ngạch xuất khẩu, nhập khẩu hàng năm tăng trung bình khoảng 12%), trong giai đoạn 2015 - 2020 Tổng cục Hải quan đã giảm được 542 biên chế.

Để bảo đảm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới, Tổng cục Hải quan đã trình Bộ Tài chính thực hiện đánh giá năng lực công chức theo vị trí việc làm và tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ. Trong năm 2018, 2019, đã hoàn thành việc đánh giá năng lực theo vị trí việc làm đối với 5.000 công chức Hải quan thuộc 8 lĩnh vực nghiệp vụ: Giám sát quản lý, Thuế xuất nhập khẩu, Chống buôn lậu, Thanh tra, Xử lý vi phạm, Quản lý rủi ro, Kiểm tra sau thông quan, Kiểm định hải quan. Hiện nay, Tổng cục Hải quan đang chuẩn bị các điều kiện tổ chức đánh giá năng lực theo vị trí việc làm đối với chức danh lãnh đạo từ cấp Phòng, Chi cục trở xuống để thực hiện trong năm 2021.

Bên cạnh việc đào tạo theo hình thức truyền thống, công tác đào tạo trực tuyến đã từng bước được tăng cường. Năm 2019, Tổng cục Hải quan tổ chức 4 lớp bồi dưỡng theo hình thức đào tạo trực tuyến, năm 2020 đã tiến hành xây dựng hệ thống đào tạo trực tuyến LMS và hiện đang hoàn chỉnh 6 bài giảng trực tuyến để triển khai trong thời gian tới. Việc đẩy mạnh đào tạo theo hình thức trực tuyến cho phép nâng cao hiệu quả đào tạo cán bộ Hải quan phù hợp với xu thế đào tạo hiện nay và tình hình phòng chống dịch Covid-19.

*** Đánh giá về hiệu quả cải cách TTHC hải quan:**

- Năm 2018, Tổng cục Hải quan phối hợp với Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) và Cơ quan phát triển quốc tế Hoa Kỳ (USAID) tổ chức khảo sát ý kiến mức độ hài lòng của doanh nghiệp về thực hiện thủ tục hành chính trong hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa. Kết quả khảo sát cho thấy mức độ hài lòng của cộng đồng doanh nghiệp đối với cơ quan hải quan đã tăng ở tất cả các nội dung khảo sát so với năm 2015.

- Theo báo cáo chỉ số chi phí tuân thủ thủ tục hành chính năm 2018 (APCI 2018) do Hội đồng Tư vấn cải cách thủ tục hành chính công bố, nhóm thủ tục hành chính hải quan nằm trong nhóm chi phí tuân thủ thấp (xếp hạng 3 trong 8 nhóm thủ tục hành chính), bằng 28% (3,53 triệu đồng) chi phí tuân thủ của cả 8 nhóm thủ tục hành chính (xấp xỉ 12,7 triệu đồng).

- Trong các năm từ 2016 đến nay, Tổng cục Hải quan luôn đứng đầu trong số 05 đơn vị khối Tổng cục và tương đương thuộc Bộ Tài chính về Chỉ số CCHC và kết quả CCHC của Tổng cục Hải quan đã góp phần quan trọng trong việc giúp Bộ Tài chính luôn giữ vị trí hàng đầu về Chỉ số CCHC trong khối Bộ, ngành Trung ương theo đánh giá của Bộ Nội vụ hàng năm.

II. KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC VÀ KIẾN NGHỊ

1. Khó khăn, vướng mắc

- Hiện nay, Bộ Tài chính đang giao Tổng cục Hải quan đang triển khai tái thiết kế tổng thể hệ thống công nghệ thông tin thông qua việc thuê dịch vụ hệ thống công nghệ thông tin. Tuy nhiên, các văn bản hướng dẫn về thuê dịch vụ công nghệ thông tin mới được ban hành, một số nội dung còn chưa đầy đủ và phát sinh vướng mắc trong công tác triển khai.

- Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác kiểm tra chuyên ngành hiện vẫn còn nhiều bất cập, gây khó khăn cho doanh nghiệp như phạm vi quản lý và kiểm tra rộng, nhiều mặt hàng chưa có mã số HS, chưa có đầy đủ tiêu chuẩn, quy chuẩn để thực hiện việc kiểm tra; còn quy định chòng chéo một hàng hóa phải thực hiện cùng lúc nhiều thủ tục, chịu nhiều hình thức quản lý, kiểm tra chuyên ngành do cùng một Bộ hoặc nhiều Bộ quy định; thực hiện không thống nhất giữa các Bộ, ngành hoặc giữa văn bản hướng dẫn và văn bản có pháp lý cao hơn; quy định kiểm tra quá mức cần thiết...

- Chỉ số Giao dịch thương mại qua biên giới là bộ chỉ số phức tạp, bao gồm nhiều chỉ số thành phần, liên quan đến trách nhiệm của nhiều bên khác nhau và nhiều yếu tố có ảnh hưởng tới quá trình thực hiện thủ tục xuất nhập khẩu hàng hóa. Do đó, để nâng cao xếp hạng chỉ số Giao dịch thương mại qua biên giới cần phải có sự vào cuộc quyết liệt của các bên liên quan.

- Hiện nay, Tổng cục Hải quan bố trí Bộ phận cải cách và kiểm soát TTHC thuộc Phòng Tổng hợp của Văn phòng Tổng cục Hải quan làm nhiệm vụ cải cách và kiểm soát thủ tục hành chính của Tổng cục Hải quan. Trong điều kiện lĩnh vực hải quan hiện nay có tổng số 239 TTHC, thời gian tới số lượng thủ tục có thể tăng do: nội luật hóa các hiệp định thương mại thế hệ mới; thực hiện mô hình cơ quan hải quan làm đầu mối công tác kiểm tra chuyên ngành; quy định mới thủ tục hải quan đối với giao

dịch thương mại điện tử qua biên giới... Có thể thấy số lượng TTHC lĩnh vực hải quan bằng hoặc cao hơn số lượng TTHC của nhiều Bộ, ngành. Bên cạnh đó, một số cơ quan ở vị trí tương đương đã thành lập Phòng Cải cách và kiểm soát thủ tục hành chính thuộc Văn phòng. Như vậy, Bộ phận cải cách và kiểm soát TTHC của Tổng cục Hải quan chưa được kiện toàn đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

2. Đề xuất, kiến nghị

- Đề đảm bảo việc thuê dịch vụ công nghệ thông tin được thực hiện hiệu quả, đáp ứng yêu cầu theo quy định của pháp luật, Bộ Tài chính rất mong nhận được sự phối hợp, hướng dẫn, hỗ trợ của Chính phủ và các Bộ, ngành.

- Đối với công tác kiểm tra chuyên ngành, đề nghị các Bộ, ngành tiếp tục quan tâm thực hiện nhiệm vụ cải cách công tác quản lý, kiểm tra chuyên ngành hàng hóa xuất nhập khẩu; quyết liệt, chủ động và phối hợp với Bộ Tài chính (Tổng cục Hải quan) triển khai các giải pháp được giao; kịp thời xử lý các vướng mắc của doanh nghiệp và cơ quan Hải quan.

- Nhằm nâng xếp hạng chỉ số Giao dịch thương mại qua biên giới, kiến nghị các Bộ, ngành bên cạnh việc triển khai các giải pháp cải cách toàn diện công tác kiểm tra chuyên ngành, thực hiện các giải pháp tháo gỡ vướng mắc, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu.

- Đề nghị Bộ Nội vụ ủng hộ phương án tăng thêm 01 phòng chuyên môn thuộc Văn phòng Tổng cục Hải quan (Phòng Cải cách và kiểm soát TTHC) trong quá trình sửa đổi Quyết định số 65/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 17/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Hải quan trực thuộc Bộ Tài chính./.

3. BỘ NỘI VỤ (VỤ CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG)

Tham luận về vai trò tham mưu thực hiện xác định địa giới hành chính do lịch sử để lại góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về địa giới hành chính

I. KẾT QUẢ THAM MƯU XÁC ĐỊNH ĐỊA GIỚI ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CÁC CẤP DO LỊCH SỬ ĐỂ LẠI

Khi tổng kết thực hiện Chỉ thị số 364-CT (năm 1995) các địa phương trong cả nước đã xác định được địa giới hành chính tại phần lớn các khu vực chồng lấn về địa giới đơn vị hành chính các cấp và đã lập được hồ sơ, bản đồ địa giới đơn vị hành chính các cấp. Đây là tài liệu có tính pháp lý đầu tiên của Nhà nước ta trong công tác quản lý địa giới đơn vị hành chính các cấp. Tuy nhiên, vẫn còn 26 khu vực chồng lấn địa giới hành chính liên quan đến 19 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chưa xác định.

Để giải quyết những khu vực nêu trên, Bộ Nội vụ đã đề xuất Chính phủ có Văn bản số 31/BC-CP ngày 04/4/2006 xin ý kiến Ủy ban Thường vụ Quốc hội về một số nguyên tắc giải quyết tranh chấp địa giới hành chính và đã được Ủy ban Thường chấp thuận tại Công văn số 713/VPQH-TH ngày 10/4/2006 của Văn phòng Quốc hội²².

Đến nay, kết quả giải quyết là, tại các hội nghị hiệp thương có 04/19 tỉnh đã thống nhất được phương án xác định địa giới hành chính tại 03/26 khu vực do lịch sử để lại (giữa tỉnh Đắk Lắk và tỉnh Khánh Hòa tại 01 khu vực, giữa tỉnh Ninh Bình và tỉnh Hòa Bình tại 02 khu vực). Đối với 23/26 khu vực các địa phương liên quan không thống nhất được phương án xác định địa giới hành chính tại các hội nghị hiệp thương, Bộ Nội vụ đã chủ trì trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định theo thẩm quyền. Do vậy, đến nay Thủ tướng Chính phủ đã ban hành 03 Quyết định và Chính phủ đã ban hành 07 Nghị quyết xác định địa giới đơn vị hành chính cấp tỉnh tại 22/26 khu vực chồng lấn do lịch sử để lại²³. Riêng khu vực chồng lấn địa giới hành chính giữa thành phố Đà Nẵng và tỉnh Thừa Thiên Huế tại Nam núi Hải Vân và hòn Sơn Chà, Bộ Nội vụ đã có văn bản trình Chính phủ xem xét, quyết định.

Như vậy, từ năm 1995 đến nay Bộ Nội vụ đã chủ trì để các địa phương liên quan thảo luận, thống nhất phương án và đề xuất Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ quyết định phương án xác định được địa giới đơn vị hành chính cấp tỉnh tại 25/26 khu vực do lịch sử để lại. Kết quả giải quyết đã tạo cơ sở cho việc lập bộ hồ sơ bản đồ địa giới hành chính tại các khu vực nêu trên.

²² Các nguyên tắc cơ bản như sau: (1) Căn cứ vào các Nghị quyết của Quốc hội về điều chỉnh địa giới hành chính tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; (2) bảo đảm lợi ích chung của quốc gia, có tính đến đề nghị hợp lý của địa phương; (3) tôn trọng hiện trạng và thực tế quản lý; (4) thuận tiện cho nhân dân, cho công tác quản lý nhà nước.

²³ Thủ tướng Chính phủ đã ban hành 02 quyết định xác định địa giới hành chính: giữa tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và khu vực; tỉnh Bình Thuận tại 02 khu vực, giữa tỉnh Hà Tĩnh và tỉnh Quảng Bình tại 02 khu vực; Hòa Bình - Hà Nội Chính phủ đã ban hành 07 nghị quyết xác định địa giới hành chính: giữa tỉnh Quảng Trị và tỉnh Thừa Thiên Huế tại 02 khu vực, giữa tỉnh Gia Lai và tỉnh Kon Tum tại 03 khu vực, giữa tỉnh Hòa Bình và tỉnh Ninh Bình tại 02 khu vực, giữa tỉnh Hòa Bình và tỉnh Thanh Hóa tại 01 khu vực, giữa tỉnh Quảng Ninh và thành phố Hải Phòng tại 02 khu vực, giữa tỉnh Hải Dương và thành phố Hải Phòng tại 01 khu vực, giữa tỉnh Đồng Nai và Thành phố Hồ Chí Minh tại 01 khu vực.

II. NGUYÊN NHÂN KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC VÀ MỘT SỐ NHIỆM VỤ CẦN TIẾP TỤC THỰC HIỆN

1. Nguyên nhân:

Kết quả xác định địa giới hành chính đã đạt được là do:

a) Trong quá trình tham mưu giải quyết có sự chỉ đạo sát sao, quyết liệt của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, các đồng chí Lãnh đạo Bộ qua các nhiệm kỳ;

b) Đã thực hiện đúng các quy định của Luật Đất đai năm 2013, Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019; các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan để tổ chức thực hiện;

c) Có sự phối hợp chặt chẽ giữa các Bộ, cơ quan Trung ương và sự hợp tác tạo điều kiện chia sẻ thông tin giữa các địa phương. Các phương án đề xuất giải quyết công tâm, khách quan, dựa trên các nguyên tắc giải quyết xác định địa giới hành chính. Đồng thời các địa phương đã chủ động tích cực vì lợi ích chung của địa phương và quốc gia trong quá trình hiệp thương thống nhất phương án.

2. Một số nhiệm vụ cần tiếp tục thực hiện

Nhằm hoàn thiện Dự án 513 trong thời gian tới cần tập trung một số nhiệm vụ trọng tâm, cụ thể như sau:

a) Bộ Nội vụ cùng với các cơ quan trung ương cần tham mưu với cơ quan có thẩm quyền và chủ động kịp thời hướng dẫn, giải quyết những khó khăn vướng mắc của các địa phương. Đề xuất với Thủ tướng Chính phủ cho phép kéo dài thời gian thực hiện Dự án 513;

b) Cùng với việc đẩy nhanh tiến độ thực hiện Dự án 513, các địa phương cần tập trung giải quyết các điểm chùng lẩn mới phát sinh do bản đồ địa giới đơn vị hành chính đã lập theo Chỉ thị 364-CT có sai sót về kỹ thuật và do quá trình phát triển kinh tế - xã hội và vận động của địa chất tự nhiên, lũ lụt... đã làm phá vỡ địa giới của một số đơn vị hành chính các cấp (đây là nhiệm vụ quan trọng)

c) Nêu cao hơn nữa trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy và chính quyền địa phương các cấp trong việc lãnh đạo, chỉ đạo hoàn thiện Dự án 513, góp phần tăng cường quản lý nhà nước về địa giới hành chính. Quan tâm bố trí nguồn lực và điều kiện bảo đảm cho việc triển khai hoàn thiện các nhiệm vụ của Dự án 513.

d) Trong quá trình triển khai thực hiện Dự án 513 các địa phương cần chủ động, kịp thời báo cáo với Bộ Nội vụ và các cơ quan có liên quan những vấn đề phát sinh, vướng mắc để kịp thời giải quyết.

Tóm lại, xác định địa giới đơn vị hành chính các cấp tại khu vực chùng lẩn cần có sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và quyết tâm thực hiện của cả hệ thống chính trị từ trung ương

đến địa phương, cơ sở. Giải quyết dứt điểm các khu vực chồng lấn địa giới đơn vị hành chính là yêu cầu để thực có hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ Thủ tướng Chính phủ đã đề ra tại Quyết định số 513/QĐ-TTg ngày 12/5/2012 là: bảo đảm khép kín địa giới đơn vị hành chính các cấp cả trên đất liền và trên biển./.

4. BỘ NỘI VỤ (CỤC VĂN THƯ VÀ LƯU TRỮ NHÀ NƯỚC)

Tham luận về Những định hướng lớn của ngành về quản lý tài liệu điện tử trong thời gian tới

Kính thưa các vị đại biểu, thưa Hội nghị!

Sự phát triển khoa học công nghệ đã và đang làm thay đổi cách thức tạo lập, trao đổi, quản lý và lưu trữ thông tin của loài người. Cùng với cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, công nghệ số đang chiếm ưu thế vượt trội trong lĩnh vực thông tin và truyền thông, nó tác động mạnh mẽ đến quản trị, quản lý và lưu trữ thông tin trong các cơ quan, tổ chức trên toàn thế giới. Ở Việt Nam, vấn đề lưu trữ thông tin số cũng được đề cập từ những năm đầu thế kỷ 21. Nhiệm vụ lưu trữ thông tin số đã được đặt ra tại Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước những năm 2010 - 2015. Tuy nhiên, thời điểm đó, việc lưu trữ thông tin số chủ yếu đề cập đến tài liệu số hóa từ những tài liệu trên vật mang tin khác, chưa tính đến những tài liệu được tạo lập định dạng số và ký số. Vấn đề lưu trữ số tiếp tục được đặt ra với nhiệm vụ cụ thể và phù hợp với bối cảnh Việt Nam hơn là lưu trữ tài liệu điện tử. Nhiệm vụ xây dựng đề án, chiến lược lưu trữ điện tử chính thức được Chính phủ, Bộ Nội vụ giao Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước từ năm 2016. Với quyết tâm của Đảng ủy, Lãnh đạo và các đơn vị tham mưu của Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước, Đề án Lưu trữ tài liệu điện tử của các cơ quan nhà nước giai đoạn 2020 - 2025 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt ngày 03 tháng 4 năm 2020 bằng Quyết định số 458/QĐ-TTg với những mục tiêu, nhiệm vụ, lộ trình cụ thể của giai đoạn đầu xây dựng Lưu trữ điện tử tại Việt Nam.

Trong phạm vi tham luận này, Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước đề cập đến khái niệm lưu trữ số, thực trạng quản lý tài liệu số, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp xây dựng lưu trữ số tại Việt Nam đến năm 2025.

1. Khái niệm

Tài liệu điện tử, tài liệu số, lưu trữ điện tử, lưu trữ số là những khái niệm cần được làm rõ khi tiếp cận với vấn đề Lưu trữ số. Thực tế, về khía cạnh công nghệ, tên gọi các loại tài liệu thể hiện công nghệ, thiết bị tạo ra nó. Tài liệu điện tử, được tạo ra bằng công nghệ, thiết bị điện, điện tử, từ tính, quang học... và đã xuất hiện từ nhiều năm trước. Trước đây, tài liệu điện tử thể hiện dưới dạng tài liệu nghe nhìn, phim, ảnh, ghi âm và có cả tài liệu hành chính điện tử được truyền tải, lưu trữ và tra cứu trên các băng, đĩa, thiết bị lưu trữ, được hỗ trợ đọc, xem bằng máy tính. Theo đó, Lưu trữ điện tử là Lưu trữ mà đối tượng quản lý chính là tài liệu điện tử.

Tài liệu số được tạo lập bằng công nghệ, thiết bị số (kỹ thuật số). Khi công nghệ và thiết bị số thay thế công nghệ và thiết bị điện tử thì tài liệu số cũng được hình thành dần dần thay thế tài liệu điện tử. Theo quan niệm của nhiều tác giả trên thế giới, Lưu trữ số là Lưu trữ mà đối tượng quản lý là những tài liệu số (tài liệu hình thành dạng số hoặc tài liệu được số hóa từ những tài liệu tồn tại ở vật mang tin khác) và phục vụ khai thác trực tuyến²⁴. Trong bối cảnh công nghệ số hiện nay, việc xây dựng Lưu trữ số

²⁴ <http://www.lisbdnet.com/digital-archives-concepts-meaning/>

nhằm thực hiện hai trách nhiệm cốt lõi của ngành lưu trữ, đó là giữ lại thông tin số có giá trị cho tương lai và xác thực tài liệu số khi cần làm bằng chứng trong tương lai.

Kho lưu trữ số là hệ thống thông tin thực hiện các chức năng: đăng nhập, lưu trữ, quản lý, bảo quản và cung cấp quyền truy cập vào nội dung tài liệu số. Kho Lưu trữ số có đầy đủ tính năng tương tự như một Kho Lưu trữ truyền thống, nhưng tài liệu trong kho là tài liệu số (được sản sinh định dạng số hoặc số hóa từ tài liệu định dạng khác) và phục vụ khai thác trực tuyến.

Ở Việt Nam, khái niệm tài liệu điện tử, tài liệu số, lưu trữ điện tử, lưu trữ số đang được sử dụng với nội hàm giống nhau và đều hướng tới loại hình tài liệu đã và đang hình thành trong cơ quan, tổ chức và được ký số, xác thực số. Nói cách khác, nói về tài liệu hành chính hoặc tài liệu chuyên ngành mà thông tin thể hiện dưới dạng ngôn ngữ, ký tự, hình ảnh thì giới lưu trữ và CNTT Việt Nam sử dụng cả thuật ngữ tài liệu điện tử và tài liệu số với nghĩa tương đồng. Trong các nghiên cứu chính thức và văn bản quy phạm pháp luật, hướng dẫn nghiệp vụ, thuật ngữ văn bản điện tử, tài liệu điện tử, lưu trữ điện tử đang được sử dụng bao hàm đối với đối tượng là cả tài liệu số.

2. Thực trạng

Kết quả khảo sát quá trình xây dựng Đề án Lưu trữ tài liệu điện tử của các cơ quan nhà nước cho thấy, tài liệu điện tử với cách thức tạo lập, trao đổi, quản lý và lưu trữ hoàn toàn khác với tài liệu giấy là một thách thức đối với người làm lưu trữ, đơn vị, bộ phận thực hiện công tác lưu trữ trong các cơ quan nhà nước từ trung ương đến địa phương. Chính vì vậy, nhiệm vụ quản lý tài liệu điện tử đã và đang có sự tham gia ngày càng sâu của công chức, viên chức và bộ phận CNTT trong các cơ quan nhà nước. Tuy nhiên, xét về góc độ quản lý và lưu trữ dữ liệu, do chưa có sự hợp tác chặt chẽ giữa CNTT và văn thư - lưu trữ nên dữ liệu hình thành tại bộ phận CNTT của các cơ quan, tổ chức chưa được tổ chức khoa học, phân loại, xác định giá trị, tổ chức khai thác, sử dụng hiệu quả, đúng pháp luật.

Mặc dù tình trạng thực tế nêu trên, việc tài liệu điện tử, tài liệu số sản sinh trong quá trình xây dựng Chính phủ điện tử, hướng tới chính phủ số và nền kinh tế số là mục tiêu trong những năm tới của Chính phủ Việt Nam. Việc xây dựng Lưu trữ số là tất yếu, là trách nhiệm của ngành lưu trữ, của các cơ quan, tổ chức lưu trữ và người làm lưu trữ.

Trong bối cảnh đó, Quyết định số 458/QĐ-TTg đã đặt ra những mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ và lộ trình cụ thể để từng bước xây dựng Lưu trữ số tại Việt Nam. Đây chính là một chiến lược tổng thể, mở đầu cho nhiệm vụ Lưu trữ số trong hệ thống các cơ quan nhà nước một cách khoa học, có định hướng và thống nhất trong toàn quốc.

3. Mục tiêu

3.1. Đối với Lưu trữ lịch sử, Lưu trữ chuyên ngành

Cùng với sự xuất hiện của công nghệ số hóa và nhu cầu khai thác tài liệu thông qua mạng Internet, các Lưu trữ lịch sử, Lưu trữ chuyên ngành đã lựa chọn tài liệu lưu trữ trong kho (chủ yếu theo phong hoặc theo thời kỳ lịch sử) để tiến hành số hóa. Đây cũng chính là bước đầu xây dựng dữ liệu số, chuẩn bị cho Lưu trữ số. Tuy vậy, việc phục vụ sử dụng tài liệu số hóa trực tuyến trên môi trường mạng còn nhiều hạn chế do thiếu cơ sở pháp lý, hướng dẫn nghiệp vụ và nền tảng công nghệ.

Trên cơ sở đó, Quyết định số 458/QĐ-TTg đặt ra mục tiêu cụ thể đối với các Lưu trữ lịch sử, Lưu trữ chuyên ngành như sau:

- Bảo đảm 100% Lưu trữ lịch sử, Lưu trữ chuyên ngành có giải pháp bảo quản tài liệu lưu trữ điện tử có thời hạn bảo quản vĩnh viễn. Trong bối cảnh khoa học công nghệ phát triển như vũ bão, lưu trữ số lâu dài, vĩnh viễn vẫn đang là bài toán khó đối với các lưu trữ. Đối với những hồ sơ số hóa, mục tiêu lưu trữ lâu dài được thực hiện bằng các biện pháp truyền thống trên bản gốc phi số. Chính vì vậy, mục tiêu này đặt ra đối với hồ sơ sản sinh định dạng điện tử, là bản gốc điện tử được nộp lưu vào lưu trữ.

- Bảo đảm số hóa 30% tài liệu có tần suất sử dụng cao để phục vụ khai thác trực tuyến. Mục tiêu này được đặt ra trên cơ sở thực tế các Lưu trữ lịch sử, Lưu trữ chuyên ngành đã và đang số hóa những phong, khối phong, sưu tập tài liệu thường xuyên được khai thác, sử dụng. Đối với Lưu trữ chưa thực hiện số hóa, việc số hóa toàn bộ Mục lục hồ sơ hoặc xây dựng cơ sở dữ liệu cấp hai của hồ sơ, tài liệu trong kho để công khai trên mạng, giúp độc giả có khả năng khai thác trực tuyến bước đầu là cần thiết. Trên cơ sở đó, Lưu trữ lịch sử, Lưu trữ chuyên ngành chỉ cần trang bị máy scan và thực hiện số hóa theo nhu cầu của độc giả.

- Bảo đảm tối thiểu 80% tài liệu lưu trữ tại các Lưu trữ lịch sử, Lưu trữ chuyên ngành không thuộc danh mục hạn chế sử dụng được xây dựng dữ liệu đặc tả và được tổ chức sử dụng trên môi mạng.

- Bảo đảm 100% cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ điện tử tại các Trung tâm Lưu trữ quốc gia và tối thiểu 50% Lưu trữ lịch sử cấp tỉnh, Lưu trữ chuyên ngành có tài liệu lưu trữ điện tử được tích hợp vào Hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ điện tử Phong Lưu trữ nhà nước. Mục tiêu này được đặt ra cũng trên cơ sở thực tế các Lưu trữ lịch sử, Lưu trữ chuyên ngành đã và đang số hóa, xây dựng cơ sở dữ liệu của tài liệu giấy, đồng thời chuẩn bị cơ sở hạ tầng, trang thiết bị để thu thập hồ sơ hình thành dạng điện tử. Đây cũng chính là nhiệm vụ đáp ứng yêu cầu chia sẻ dữ liệu ngành lưu trữ phục vụ mục tiêu “Dữ liệu mở” của Chính phủ điện tử theo tinh thần Nghị định số 47/2020/NĐ-CP. Bước đầu, nhiệm vụ này sẽ thực hiện đối với các Trung tâm Lưu trữ quốc gia (năm 2021), 10 Lưu trữ lịch sử cấp tỉnh tại các tỉnh, thành phố thực hiện thí điểm và các tỉnh, thành phố đã chuẩn bị sẵn sàng cơ sở dữ liệu để chia sẻ (năm 2022), sau đó đến Lưu trữ lịch sử cấp tỉnh khác và Lưu trữ chuyên ngành

3.2. Đối với Lưu trữ cơ quan

- Bảo đảm tối thiểu 80% tài liệu lưu trữ được tạo lập dạng điện tử theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử và lưu trữ điện tử (trừ những trường hợp pháp luật có quy định khác). Mục tiêu này hướng tới việc tạo lập tài liệu định dạng điện tử (không phải số hóa 80% tài liệu giấy hiện có tại Lưu trữ cơ quan) và lộ trình là đến năm 2025. Mục tiêu này đòi hỏi các cơ quan nhà nước nâng cấp Hệ thống quản lý tài liệu điện tử đáp ứng yêu cầu pháp luật và thực hiện tạo lập văn bản có ký số, sử dụng và lưu văn bản điện tử thay cho văn bản giấy theo quy định tại Nghị định số 30/2020/NĐ-CP.

- Bảo đảm thực hiện quy trình khai thác, sử dụng tài liệu lưu trữ trong môi trường mạng (trừ những trường hợp pháp luật có quy định khác). Mục tiêu này yêu cầu Lưu trữ cơ quan phải số hóa Mục lục hồ sơ hoặc xây dựng cơ sở dữ liệu cấp hai đối với toàn bộ hồ sơ, công khai trên mạng để phục vụ khai thác trực tuyến. Tiếp đó, số hóa hồ sơ, tài liệu có tần suất sử dụng cao hoặc trang bị máy scan phục vụ số hóa hồ sơ, tài liệu theo nhu cầu khai thác, sử dụng của độc giả.

- Bảo đảm tối thiểu 80% tài liệu lưu trữ điện tử có thời hạn bảo quản vĩnh viễn được trích xuất chuyển giao vào Lưu trữ lịch sử trong thời hạn 03 năm kể từ khi tài liệu

được tạo lập. Mục tiêu này hoàn toàn phù hợp với quy định về thời hạn nộp lưu hồ sơ, tài liệu vào Lưu trữ lịch sử quy định tại Luật Lưu trữ năm 2011 (trong thời hạn 10 năm). Đối với tài liệu điện tử, do những đặc thù riêng như: sự lỗi thời về công nghệ, thiết bị, phần mềm tạo lập và truy cập; nguy cơ phá vỡ khóa của công nghệ mã hóa chữ ký số để xác thực tài liệu (05 năm đối với chữ ký số những thế hệ đầu); nguy cơ tấn công hệ thống đối với những kho lưu trữ nhỏ, lẻ... nên việc nộp lưu những hồ sơ điện tử có thời hạn bảo quản vĩnh viễn về trung tâm dữ liệu lớn với trang, thiết bị và nền tảng công nghệ hiện đại, bảo đảm an toàn, an ninh thông tin và toàn vẹn tài liệu càng sớm càng tốt, trong thời hạn 03 năm là cần thiết. Bên cạnh đó, việc kết nối liên thông và chia sẻ dữ liệu giữa Lưu trữ lịch sử với các nguồn nộp lưu cũng như việc phục vụ khai thác, sử dụng tài liệu trực tuyến sẽ tạo điều kiện và bảo đảm nhu cầu tra cứu thông tin cho các cơ quan, tổ chức sau khi thực hiện nộp lưu tài liệu.

4. Nhiệm vụ và giải pháp

Để thực hiện những mục tiêu nêu trên, Quyết định số 458/QĐ-TTg đặt ra những nhiệm vụ đặc thù về xây dựng, hoàn thiện chính sách, quy trình nghiệp vụ; kiện toàn cơ cấu tổ chức ngành; đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực; xây dựng cơ sở dữ liệu Phong Lưu trữ Nhà nước Việt Nam... đối với Bộ Nội vụ; an toàn thông tin đối với Bộ Thông tin và Truyền thông; an ninh, bảo mật hệ thống và xác thực tài liệu lưu trữ lâu dài đối với Bộ Công an, Ban Cơ yếu Chính phủ.

4.1. Nhiệm vụ đặc thù của Bộ Nội vụ

- Trình Chính phủ trình Quốc hội sửa đổi, bổ sung Luật Lưu trữ năm 2011 đáp ứng yêu cầu quản lý tài liệu lưu trữ điện tử;

- Xây dựng và ban hành Thông tư quy định tiêu chuẩn Kho lưu trữ số;

- Xây dựng và thực hiện Dự án “Lưu trữ tài liệu điện tử Phong Lưu trữ nhà nước Việt Nam”;

- Xây dựng Đề án “Kiện toàn tổ chức bộ máy quản lý nhà nước lĩnh vực văn thư, lưu trữ đáp ứng yêu cầu quản lý tập trung thống nhất tài liệu lưu trữ điện tử của các cơ quan nhà nước”;

- Xây dựng tiêu chuẩn vị trí việc làm của cơ quan quản lý nhà nước ngành lưu trữ; đơn vị sự nghiệp lưu trữ; bộ phận văn thư, lưu trữ tại các cơ quan nhà nước đáp ứng yêu cầu thực hiện nghiệp vụ lưu trữ điện tử;

- Thực hiện chương trình đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức quản lý công tác lưu trữ và công chức, viên chức nghiệp vụ lưu trữ đáp ứng tiêu chuẩn vị trí việc làm;

- Phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Công an, Ban Cơ yếu Chính phủ trong việc xây dựng và thực hiện các giải pháp bảo đảm xác thực, an toàn, an ninh, bảo mật thông tin tài liệu lưu trữ điện tử của các cơ quan nhà nước;

4.2. Nhiệm vụ của bộ, ngành, cơ quan trung ương và địa phương

- Xây dựng kế hoạch lưu trữ điện tử phù hợp với mô hình, cơ cấu tổ chức, bộ máy và đặc thù chuyên môn nghiệp vụ của cơ quan, địa phương, hoàn thành năm 2021;

- Rà soát, nâng cấp Hệ thống quản lý tài liệu lưu trữ điện tử tại cơ quan, địa phương bảo đảm đáp ứng các yêu cầu của pháp luật, hoàn thành năm 2020;

- Xây dựng và thực hiện chương trình, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn cho cán bộ, công chức, viên chức làm công tác văn thư, lưu trữ của cơ quan, địa phương bảo đảm đủ năng lực, trình độ, kỹ năng quản lý và thực hiện nghiệp vụ văn

thư, lưu trữ điện tử, hoàn thành chương trình, kế hoạch năm 2020, triển khai thực hiện năm 2021 - 2025;

- Chỉ đạo các Lưu trữ lịch sử, Lưu trữ chuyên ngành trực thuộc thực hiện nhiệm vụ số hóa và tích hợp dữ liệu theo lộ trình quy định tại Quyết định số 458/QĐ-TTg.

Tóm lại, Lưu trữ số là sứ mệnh của tất cả Lưu trữ trên thế giới cũng như ở Việt Nam. Chính vì vậy, chuyên đổi số trong lĩnh vực lưu trữ, tạo lập, chuyên giao, sử dụng và lưu trữ tài liệu số dần dần thay thế tài liệu giấy góp phần tiết kiệm nhân lực, vật lực, tài lực là sứ mệnh của những người làm công tác văn thư, lưu trữ nói riêng, đội ngũ công chức, viên chức, người lao động nói chung trong các cơ quan, tổ chức. Bên cạnh đó, việc sử dụng tài liệu số thay thế tài liệu giấy chính là hạn chế việc sử dụng gỗ để tạo ra giấy, góp phần vào việc bảo vệ rừng, bảo vệ thiên nhiên, tránh được thiên tai cho con người, cho trái đất.

Trong bối cảnh Việt Nam hiện nay, Quyết định số 458/QĐ-TTg đang đặt những viên gạch đầu tiên trong lộ trình xây dựng lưu trữ điện tử. Bước đi ấy thành công hay thất bại phụ thuộc vào sự cố gắng, nỗ lực, quyết tâm của các cấp lãnh đạo, các cơ quan nhà nước từ trung ương đến địa phương, đặc biệt là vai trò tham mưu của các cơ quan lưu trữ, vai trò dẫn dắt, định hướng, quản lý của Bộ Nội vụ. Cũng hơn lúc nào hết, xây dựng lưu trữ số cần sự đổi mới tư duy, sẵn sàng vào cuộc của những người làm lưu trữ ở mọi khía cạnh: tham mưu chiến lược; xây dựng chính sách, quy trình nghiệp vụ; lựa chọn giải pháp công nghệ; đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực... Nói cách khác, nhiệm vụ xây dựng thành công Lưu trữ số trong các cơ quan nhà nước tại Việt Nam, trách nhiệm thuộc về các cơ quan, tổ chức và cá nhân.

5. UBND TỈNH YÊN BÁI

Tham luận về sắp xếp các đơn vị sự nghiệp công lập, đặc biệt là sắp xếp các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Yên Bái

Kính thưa: Các quý vị đại biểu và toàn thể Hội nghị.

Hôm nay, Bộ Nội vụ tổ chức hội nghị trực tuyến tổng kết 5 năm (giai đoạn 2016-2020) và triển khai nhiệm vụ công tác năm 2021 ngành Nội vụ; được sự phân công của Ban Tổ chức Hội nghị, tôi xin có một số ý kiến như sau:

Qua nghe báo cáo Tổng kết 5 năm giai đoạn 2016 - 2020 và triển khai nhiệm vụ công tác năm 2021 của ngành Nội vụ; tôi xin hoàn toàn nhất trí với các nội dung trong báo cáo đã nêu và xin được tham luận nhằm làm rõ thêm nội dung về sắp xếp các đơn vị sự nghiệp công lập, đặc biệt là sắp xếp các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Yên Bái, giai đoạn 2015 - 2020 như sau:

1. Về thực trạng trước khi sắp xếp (năm 2015)

Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Yên Bái năm 2015 là 959 đơn vị, trong đó:

- Sự nghiệp giáo dục: 576 đơn vị;
- Sự nghiệp Y tế: 216 đơn vị;
- Sự nghiệp khoa học: 30 đơn vị;
- Sự nghiệp Đài, Văn hóa, TDTT: 38 đơn vị;
- Sự nghiệp khác 99 đơn vị.

2. Về quá trình triển khai thực hiện

- Thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị, Nghị quyết 19-NQ/TW của ngày 25/10/2017 của Ban chấp hành Trung ương đảng;

- Tỉnh ủy đã ban hành Chương trình hành động số 95-CTr/TU ngày 02/01/2018 thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW; thành lập Ban Chỉ đạo và Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo của tỉnh thực hiện Nghị quyết số 18, 19-NQ/TW;

- Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 44/KH-UBND ngày 12/03/2018 và các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo để triển khai thực hiện.

- Việc ban hành Kế hoạch, Chương trình hành động của tỉnh được triển khai kịp thời đúng với quan điểm chỉ đạo của Đảng, Nhà nước và phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương trong tình hình mới.

- Kế hoạch, Chương trình hành động của tỉnh đã đặt ra những mục tiêu, yêu cầu, nội dung, chỉ tiêu cụ thể về sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế đối với các cơ quan đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh. Thực hiện theo các nội dung, chương trình, kế hoạch; Tỉnh ủy, UBND tỉnh đã lãnh đạo, chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương xây dựng Đề án, phương án thành lập, sắp xếp, tổ chức lại, giải thể các đơn vị

sự nghiệp công lập theo hướng tinh gọn, giảm đầu mối quản lý, đề xuất cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, tinh giản biên chế. Ban Chỉ đạo thực hiện Nghị quyết số 18, 19-NQ/TW của tỉnh thường xuyên họp, đôn đốc, chỉ đạo, trực tiếp thẩm định, cho ý kiến trước một bước vào các nội dung để đảm bảo tiến độ, chất lượng theo lộ trình đề ra, tiếp tục hoàn thiện, trình Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy cho chủ trương thống nhất để tổ chức triển khai thực hiện.

- Trên cơ sở các Kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, UBND tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị hoàn thiện các hồ sơ, thủ tục trình UBND tỉnh phê duyệt Đề án sắp xếp và ban hành các Quyết định về tổ chức lại, thành lập, hợp nhất, sáp nhập, giải thể các đơn vị theo nội dung Kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và theo quy định. Việc tiến hành sắp xếp, tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập được tiến hành một cách nghiêm túc, khẩn trương, phù hợp với tình hình thực tiễn của tỉnh, đảm bảo quy định, tạo sự đồng thuận cao về chủ trương, đường lối của Đảng, Nhà nước, không làm gián đoạn, ảnh hưởng đến việc thực hiện chức năng nhiệm vụ của các đơn vị, quan tâm đến quyền, lợi ích và không gây xáo trộn, ảnh hưởng về tâm lý của cán bộ, viên chức; thực hiện tốt chế độ chính sách đối với đối tượng tinh giản biên chế.

- Riêng đối với việc sắp xếp các cơ sở giáo dục trên địa bàn: Căn cứ Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế; Tỉnh ủy Yên Bái đã ban hành Chương trình hành động số 70-CTr/TU ngày 20/01/2014 của Tỉnh ủy về triển khai thực hiện Nghị quyết 29-NQ/TW, Ủy ban nhân dân tỉnh đã xây dựng Đề án sắp xếp quy mô, mạng lưới trường, lớp đối với giáo dục mầm non, phổ thông trên địa bàn tỉnh Yên Bái giai đoạn 2016-2020 trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết và Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định phê duyệt Đề án; Ban hành các Quyết định giao bổ sung chỉ tiêu kế hoạch vốn năm 2016 và giao vốn năm 2017, năm 2018, năm 2019, năm 2020 để đầu tư cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị thiết yếu cho việc thực hiện Đề án; ban hành các Quyết định về xử lý tài sản dôi dư sau sáp nhập của các đơn vị trường học; Quyết định Quy định một số nội dung về Quản lý đầu tư và xây dựng trên địa bàn tỉnh Yên Bái cho phù hợp với các quy định mới của Trung ương và tình hình thực tế của địa phương. Để đảm bảo tiến độ triển khai thực hiện Đề án, UBND tỉnh đã thành lập các đoàn công tác kiểm tra, nắm tình hình triển khai thực hiện Đề án tại các địa phương, để kịp thời giải quyết những vấn đề phát sinh và điều chỉnh thực hiện nội dung Đề án cho phù hợp. Tổ chức hội nghị sơ kết 01 năm, sơ kết 02 năm, sơ kết 03 năm triển khai thực hiện Đề án để rút kinh nghiệm và kịp thời điều chỉnh, bổ sung các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục học sinh, nhất là đối với các trường phổ thông dân tộc bán trú, trường có học sinh trong diện chuyển từ điểm lẻ về điểm chính, trường có số lượng học sinh đông do sáp nhập trường, sáp nhập điểm trường.

3. Về kết quả: Với việc tập trung đi trước một bước về sắp xếp các đơn vị sự nghiệp công lập, đến thời điểm hiện nay, tỉnh Yên Bái đạt được kết quả như sau:

3.1. Về Tổ chức bộ máy: tổng số đã giảm được **240/959** đơn vị sự nghiệp, **đạt tỷ lệ 25,03%** (giải thể 03 đơn vị, sắp xếp tinh gọn đầu mỗi 237 đơn vị) so với năm 2015, cụ thể:

- Sự nghiệp giáo dục giảm 144 đơn vị;
- Sự nghiệp Y tế giảm: 50 đơn vị;
- Sự nghiệp khoa học: giảm 23 đơn vị;
- Sự nghiệp Đài, Văn hóa, TDTT: giảm 23 đơn vị.

3.2. Về lãnh đạo: giảm **587 lãnh đạo quản lý**, trong đó: 240 cấp trưởng, 347 cấp phó.

3.3. Về biên chế: đến hết năm 2020 đã giảm được 2.271 biên chế sự nghiệp so với năm 2015.

** Trong đó riêng việc sắp xếp các cơ sở giáo dục Mầm non, giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Yên Bái đạt được kết quả như sau:*

- Về tổ chức bộ máy: Giảm 130 trường, giảm 478 điểm trường, gồm:
 - + *Mầm non*: Giảm 17 trường, giảm 190 điểm trường;
 - + *Tiểu học*: Giảm 109 trường (giảm 108 trường TH, giảm 01 trường MN-TH), giảm 284 điểm trường;
 - + *THCS*: Giảm 04 trường (giảm 91 trường THCS, tăng 80 trường TH&THCS, tăng 07 trường MN-TH&THCS), giảm 04 điểm trường.

- Về cán bộ, lãnh đạo quản lý, giáo viên, nhân viên:

+ Đối với cán bộ, lãnh đạo quản lý: Sau khi sắp xếp giảm theo nhu cầu 277 lãnh đạo, quản lý; giảm trực tiếp 257 lãnh đạo, quản lý (130 hiệu trưởng, 127 phó hiệu trưởng); trong đó: 122 hiệu trưởng miễn nhiệm làm phó hiệu trưởng; 124 người miễn nhiệm làm giáo viên (09 hiệu trưởng, 115 phó hiệu trưởng); 24 người chờ nghỉ hưu (12 hiệu trưởng, 12 phó hiệu trưởng); bổ nhiệm mới 13 hiệu trưởng.

+ Đối với giáo viên: Sau sắp xếp giảm theo nhu cầu định mức 1.327 giáo viên.

+ Đối với nhân viên: Sau sắp xếp giảm theo nhu cầu định mức 381 nhân viên.

4. Đánh giá hiệu quả sau sắp xếp

(1) Với việc tập trung đi trước một bước đến thời điểm hiện nay tỉnh Yên Bái đã thực hiện sắp xếp các đơn vị sự nghiệp công lập giảm **25,03%** (riêng đối với sự nghiệp giáo dục giảm 25%) so với năm 2015 (vượt tỷ lệ rất cao theo yêu cầu của Nghị quyết 19-NQ/TW là 10%).

(2) Về cơ sở vật chất, ngân sách

- Kinh phí tiết kiệm thực hiện việc tinh giản biên chế do sắp xếp tổ chức bộ máy cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp (trong đó chủ yếu là sắp xếp các đơn vị sự nghiệp) từ năm 2015 đến hết năm 2019 ước khoảng 1.355 tỷ đồng, trong đó: năm 2016 tiết kiệm được khoảng 170 tỷ đồng, năm 2017 tiết kiệm được khoảng 340 tỷ đồng, năm 2018 tiết kiệm được khoảng 415 tỷ đồng, năm 2019 tiết kiệm được khoảng 430 tỷ đồng; đối với sự nghiệp giáo dục giảm chi phí trực tiếp cho đội ngũ từ 71% (năm 2015) xuống khoảng 55% (năm 2020);

- Nguồn kinh phí tiết kiệm được do sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế của tỉnh phần lớn được bổ sung cho đầu tư phát triển (bình quân từ 200 - 300 tỷ/năm) tập trung cho các công trình trọng điểm, cơ sở hạ tầng trường, lớp học, xây dựng nông thôn mới....; một phần bổ sung kinh phí mua sắm trang thiết bị dạy học, mua sắm các trang thiết bị, sửa chữa, nâng cấp các cơ sở y tế ... do đưa điểm lẻ về điểm trường chính đã nâng được tỷ lệ học sinh trên lớp (Tỷ lệ học sinh trên lớp Tiểu học tăng: từ 25hs/lớp năm 2015 lên 31hs/lớp năm 2020; Tỷ lệ học sinh trên lớp THCS tăng: từ 33hs/lớp năm 2015 lên 37hs/lớp năm 2020). Vì vậy đã giảm được 478 điểm trường, phòng học; tiết kiệm do không phải đầu tư bổ sung, sửa chữa, nâng cấp theo tính toán khoảng 135 tỷ đồng hàng năm.

(3) Sau khi sắp xếp tổ chức bộ máy, đến hết năm 2020 đã giảm được 2.271 người làm việc so với năm 2015 và chất lượng đội ngũ viên chức được nâng lên.

(4) So với trước khi thực hiện Đề án, chất lượng giáo dục tại các trường Phổ thông Dân tộc bán trú tăng lên rõ rệt, cụ thể:

- Do đưa các điểm lẻ về, tăng số trường, lớp nội trú, bán trú vì vậy số học sinh chuyên cần đạt tỷ lệ cao, cơ bản không có học sinh bỏ học.

- Chất lượng các cấp học được nâng lên:

+ Cấp tiểu học: Tỷ lệ học sinh xếp loại hoàn thành môn Toán đạt 98,9%, môn Tiếng Việt đạt 98,6%; mức độ hoàn thành và phát triển năng lực đạt 99,2%; hoàn thành và phát triển phẩm chất đạt 99,48%. (So với năm học 2015-2016 tỷ lệ học sinh xếp loại hoàn thành môn Toán tăng 0,48%, môn Tiếng Việt tăng 0,5%);

+ Cấp THCS: Xếp loại hạnh kiểm khá, tốt 95,9%, xếp loại học lực khá giỏi 26,6 %, yếu kém 1,77% (so với năm học 2015-2016, tỷ lệ học sinh khá, giỏi tăng 2,0 %; học sinh yếu kém giảm 1,09%).

(5) Cơ bản học sinh được về học tập trung tại các điểm trường chính; chú trọng tới giáo dục vùng cao, vùng dân tộc; tạo điều kiện thuận lợi trong công tác quản lý; việc chăm sóc, giúp đỡ học sinh được quan tâm hơn; giúp cho học sinh nâng cao kỹ năng sống, thúc đẩy phong trào học tập; góp phần tích cực vào việc phát triển sự nghiệp giáo dục tỉnh Yên Bái.

Trên đây là tham luận về sắp xếp các đơn vị sự nghiệp công lập, đặc biệt là sắp xếp các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Yên Bái. Cuối cùng xin kính chúc sức khỏe các đồng chí, chúc hội nghị thành công tốt đẹp./.

6. UBND TỈNH THÁI BÌNH

Tham luận Về công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong giai đoạn 2016 -2020 tại tỉnh Thái Bình

Kính thưa:.....!

Thưa các đồng chí tham dự Hội nghị.

Trước hết, tôi hoàn toàn nhất trí với các báo cáo của Hội nghị; Được sự đồng ý của Ban Tổ chức, để làm minh chứng rõ hơn nội dung báo cáo, tôi xin trình bày tham luận “ Về công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong giai đoạn 2016-2020 tại tỉnh Thái Bình”.

Kính thưa Hội nghị!

Công tác cán bộ là "công việc gốc" của Đảng, bao gồm các khâu từ tuyển chọn, nhận xét, đánh giá cán bộ đến quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển, bổ trí, sử dụng, thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ; luôn được Đảng ta quan tâm chăm lo xây dựng từ khi thành lập đến nay. Xác định công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ là khâu có ý nghĩa quan trọng đối với tất cả các khâu của công tác cán bộ, vì vậy, Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Thái Bình các Nhiệm kỳ đều quan tâm đề ra các mục tiêu, quan điểm, yêu cầu, tiêu chuẩn, tiêu chí, chủ trương, nhiệm vụ, giải pháp về xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, trong đó xác định công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ là khâu đột phá.

Trên cơ sở các Chỉ thị, Nghị quyết, Quy định, kết luận của Đảng do Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và các Nghị định của Chính phủ, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành hệ thống Văn bản lãnh đạo, chỉ đạo:

Nghị quyết số 05-NQ/TU, ngày 01-3-2007 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (Khoá XVII) về “chiến lược xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý giai đoạn 2007-2020 và những năm tiếp theo”; Đề án số 02-ĐA/TU, ngày 27-4-2009 của Tỉnh ủy về “Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý giai đoạn 2009-2020”....;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các Văn bản: Quyết định số 1705/QĐ-UBND ngày 27/7/2012 về việc quy hoạch phát triển nguồn nhân lực tỉnh Thái Bình, giai đoạn 2011-2020; Kế hoạch số 20/KH-UBND ngày 04/4/2017 về bồi dưỡng cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Thái Bình năm 2017 theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ gắn với nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới tại tỉnh Thái Bình; Chỉ thị số 20/CT-UBND ngày 05/12/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đẩy mạnh chất lượng, hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng đối với cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Thái Bình; Kế hoạch số 106/KH-UBND ngày 8/10/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về “Triển khai thực hiện Đề án Chương trình quốc gia về học tập ngoại ngữ cho cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2019 - 2030 tại tỉnh Thái Bình”;... Hằng năm, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh đều xây dựng kế hoạch cụ thể về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; Nội dung đào tạo, bồi dưỡng thực hiện theo quy định, sát thực tiễn, phù hợp với nhiệm vụ từng cấp, từng

ngành, từng cơ quan, đơn vị; đặc biệt gắn với nhiệm vụ chính trị của Tỉnh là sớm đưa Tỉnh Thái Bình thành tỉnh dẫn đầu về nông thôn mới; đồng thời giao trách nhiệm cụ thể cho các cơ quan chức năng tổ chức thực hiện; bên cạnh các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng hiện có trong Tỉnh được nâng cấp, chú trọng phối hợp với cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ở Trung ương như: Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Học viện Hành chính Quốc gia và các Viện, Trường Đại học chuyên ngành để tổ chức triển khai kế hoạch.

Trong giai đoạn 2016 - 2020 Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh, các cơ quan, đơn vị trong tỉnh đã tổ chức triển khai thực hiện tốt công tác đào tạo, bồi dưỡng, đạt được nhiều kết quả quan trọng: Đào tạo trình độ lý luận chính trị 4891 cán bộ; 884 thạc sỹ và 15 tiến sỹ; bồi dưỡng kiến thức Quốc phòng, an ninh: 345 người; bồi dưỡng ngắn hạn ở nước ngoài: 160 người; kiến thức quản lý nhà nước: 2063 người; theo tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo, quản lý cấp phòng và tương đương: 9636 người; kiến thức tin học, ngoại ngữ: 3060 người; bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng chuyên ngành, vị trí việc làm: 46367 người; theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức: 7430 người; Đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp: 7602 người; bồi dưỡng những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã: 6560 người. Hiện nay, cán bộ, công chức có trình độ đại học và trên đại học đạt 90%, tăng 12,84%; viên chức có trình độ đại học và trên đại học đạt 68,2%; trên 65% cán bộ, công chức, viên chức có trình độ trung cấp lý luận chính trị trở lên. Đội ngũ cán bộ các cấp đã có bước trưởng thành, phát triển về nhiều mặt, chất lượng ngày càng được nâng lên rõ rệt. Đó chính là nhân tố quan trọng góp phần xây dựng hệ thống chính trị của tỉnh trong sạch, vững mạnh, ngày càng thực hiện tốt hơn vai trò tổ chức và vận động Nhân dân thực hiện đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc, phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh trên địa bàn tỉnh, từ đó góp phần thực hiện đạt và vượt các chỉ tiêu, nhiệm vụ chính trị mà Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX đề ra. Do làm tốt công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức góp phần to lớn vào công cuộc xây dựng nông thôn mới của Tỉnh; Đặc biệt, năm 2020 Chính Phủ Quyết định công nhận Thái Bình là một trong các tỉnh về đích nông thôn mới đầu tiên trong khu vực Đồng bằng Sông Hồng và Toàn quốc.

Những kết quả đó đã cho thấy sự quan tâm của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh, các cơ quan, đơn vị trong lãnh đạo, chỉ đạo công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ các cấp trong thời gian qua; sự cố gắng, vươn lên của bản thân đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong toàn Tỉnh; Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đã đạt được, công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức còn có mặt chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ; chưa chú trọng bồi dưỡng tiền công vụ; bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng lãnh đạo, quản lý đã được quan tâm, nhưng chưa đáp ứng được nhu cầu thực tiễn; bồi dưỡng kiến thức ngoại ngữ chuyên sâu còn nhiều hạn chế, khó khăn...;

Để đáp ứng được yêu cầu Hội nhập, phát triển kinh tế, thực hiện nội dung Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XX với đột phá: đẩy mạnh phát triển ứng dụng

khoa học, công nghệ tiên tiến, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; trọng tâm là phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội tỉnh Thái Bình tập trung thực hiện một số nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu sau:

Một là, nâng cao nhận thức của các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội, ...trước hết là người đứng đầu về vị trí, vai trò, mục đích, ý nghĩa của công tác cán bộ nói chung, công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ nói riêng để lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức nghiên cứu, quán triệt và thực hiện nghiêm túc các quy định của Đảng, Nhà nước về công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ đúng quy định, có chất lượng, hiệu quả.

Hai là, khắc phục tình trạng chậm đổi mới khung chương trình, nội dung, phương pháp, giáo trình, tài liệu đào tạo, bồi dưỡng; gắn quy hoạch với đào tạo, bồi dưỡng cán bộ theo hướng: cán bộ trong quy hoạch phải được cử đi học nâng cao về lý luận chính trị, quốc phòng, an ninh; cập nhật kiến thức mới về quản lý nhà nước, quản lý kinh tế; kỹ năng và nghệ thuật lãnh đạo, quản lý; tin học, ngoại ngữ để bảo đảm cán bộ lãnh đạo, quản lý, chủ chốt các cấp phải có hiểu biết rộng, có kiến thức cơ bản tương đối toàn diện và thường xuyên được cập nhật tri thức mới để thực hiện tốt nhiệm vụ được giao.

Ba là, xây dựng và thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng theo giai đoạn và hằng năm đảm bảo toàn diện, có trọng tâm, trọng điểm. Trên cơ sở quy hoạch cán bộ, chủ động phối hợp với các cơ sở đào tạo chọn, cử cán bộ đi đào tạo, bồi dưỡng phù hợp với yêu cầu thực tiễn, tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm; kiện toàn từng bước nâng cao chất lượng giảng dạy đáp ứng với yêu cầu nhiệm vụ mới.

Bốn là, tổ chức thực hiện nghiêm chế độ học tập, bồi dưỡng lý luận chính trị, chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, nội dung xây dựng Đảng về đạo đức và cập nhật kiến thức mới hằng năm phù hợp với từng đối tượng cán bộ gắn với học tập truyền thống lịch sử của Đảng, dân tộc và những tấm gương tiêu biểu trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; kết hợp đào tạo cơ bản trong trường lớp với rèn luyện qua thực tiễn để nâng cao bản lĩnh chính trị, lý tưởng cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp. Nhanh chóng khắc phục tình trạng lười học, ngại học, xem nhẹ việc học tập lý luận chính trị và nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

Năm là, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ làm công tác đào tạo, bồi dưỡng ngày càng đáp ứng yêu cầu, nhất là bảo đảm kiến thức, kinh nghiệm thực tiễn cả trong và ngoài nước, khắc phục tình trạng đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, tri thức chậm đổi mới, chưa theo kịp với tình hình và yêu cầu đòi hỏi kiến thức cho từng loại cán bộ. Tăng cường công tác quản lý, rèn luyện cán bộ được đào tạo, bồi dưỡng; nâng cao chất lượng dạy và học, kiểm tra, đánh giá kết quả dạy và học bảo đảm khoa học, thực chất, tránh hình thức và chạy theo thành tích. Quan tâm đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện bảo đảm phục vụ công tác quản lý, dạy và học có chất lượng, hiệu quả.

Sáu là, tăng cường kiểm tra, giám sát trong việc tổ chức học tập, nghiên cứu quán triệt việc cụ thể hóa và tổ chức thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, quy định, quy chế, kết luận của Đảng, pháp luật của Nhà nước về công tác cán bộ, trong đó có công tác đào

tạo, bồi dưỡng. Kịp thời phát hiện những quy định về công tác đào tạo, bồi dưỡng không còn phù hợp để trực tiếp hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền của Đảng, Nhà nước sửa đổi, bổ sung, ban hành mới theo thẩm quyền cho phù hợp.

Có thể khẳng định, để có được đội ngũ cán bộ thực sự trưởng thành về mọi mặt và ngày càng phát triển, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; một trong những khâu đặc biệt quan trọng trong công tác cán bộ là đào tạo, bồi dưỡng cán bộ - công việc đòi hỏi sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ, thường xuyên của các cấp, các ngành, cơ quan, đơn vị và được tổ chức thực hiện thận trọng, chủ động, khoa học, góp phần làm tốt “công việc gốc” của Đảng.

Thay mặt Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình, xin kính chúc các đồng chí Lãnh đạo Bộ Nội vụ, đại biểu tham dự Hội nghị sức khỏe, thành công và hạnh phúc; chúc Hội nghị thành công tốt đẹp.

Xin trân trọng cảm ơn!

7. UBND TỈNH QUẢNG NINH

Tham luận về Mô hình Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Quảng Ninh

Kính thưa các quý vị đại biểu! Kính thưa Hội nghị!

Được sự phân công của Bộ Nội vụ, tỉnh Quảng Ninh báo cáo, tham luận về chủ đề: ***“Mô hình Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Quảng Ninh”*** như sau:

Kính thưa các quý vị đại biểu! Kính thưa Hội nghị!

Trong giai đoạn 2015-2020, công tác xây dựng Đảng, hệ thống chính trị gắn với xây dựng tổ chức bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả được tỉnh Quảng Ninh chú trọng, có nhiều đổi mới, đột phá; đặc biệt Quảng Ninh là một trong những tỉnh đầu tiên trong cả nước thực hiện tinh giản tổ chức bộ máy, biên chế. Từ năm 2015, tỉnh Quảng Ninh đã chủ động triển khai Đề án 25, ban hành Nghị quyết số 19-NQ/TU ngày 03/3/2015 của Tỉnh ủy về ***“Đổi mới phương thức, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng; thực hiện tinh giản bộ máy, biên chế”*** triển khai đồng bộ trong toàn Tỉnh.

Sau khi Trung ương Đảng ban hành Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW, tỉnh Quảng Ninh tiếp tục lựa chọn những vấn đề trọng tâm, trọng điểm để lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện theo nguyên tắc: (i1) ***“Một đơn vị thực hiện nhiều chức năng, một người làm nhiều nhiệm vụ”***; (i2) ***“Một chức năng, nhiệm vụ chỉ có một đơn vị chủ trì thực hiện và chịu trách nhiệm đến cùng”***; (i3) ***“Trên cùng một địa bàn, với cùng một nhóm chức năng, nhiệm vụ chỉ có một đơn vị thực hiện và chịu trách nhiệm”***. Trên cơ sở đó, tổ chức bộ máy các cơ quan, đơn vị, địa phương của tỉnh tiếp tục được sắp xếp, kiện toàn, tinh giản và hoàn thành trước 01 năm mục tiêu giảm 10% đơn vị sự nghiệp công lập so với năm 2015 theo quy định của Trung ương.

Đi đôi với kiện toàn, tinh gọn tổ chức bộ máy, việc thí điểm một số mô hình mới được tỉnh Quảng Ninh xác định là nhiệm vụ trọng tâm, góp phần cải cách hành chính, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị; cách làm sáng tạo, tiên phong của tỉnh Quảng Ninh đã được Trung ương Đảng, Chính phủ đánh giá cao, ghi nhận về ***“tư duy đổi mới và ý chí quyết tâm cải cách của cả hệ thống chính trị ở địa phương, đặc biệt là người đứng đầu mỗi tổ chức...”***. Trong đó có mô hình Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh được người dân và doanh nghiệp, cộng đồng doanh nghiệp đánh giá là có hiệu quả, đã được kiểm nghiệm trong thực tiễn và được nhiều tỉnh, thành phố học tập nhân rộng trong cả nước.

Kính thưa các quý vị đại biểu, các vị khách quý !

Được sự quan tâm của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Nội vụ và các bộ, ngành liên quan, Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh trực thuộc UBND tỉnh Quảng Ninh đã được Thủ tướng Chính phủ cho phép thành lập tại Quyết định số 1831/QĐ-TTg ngày 28/10/2015.

Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh Quảng Ninh là mô hình mới, chưa có tiền lệ, là mô hình đầu tiên trên cả nước, được thành lập từ yêu cầu thực tiễn và kết quả

khảo sát, thăm quan, nghiên cứu, tiếp thu có chọn lọc mô hình hành chính công các nước phát triển và kế thừa, nâng cấp việc giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông. Đây là mô hình có tính chất đột phá, phù hợp với chỉ đạo của Trung ương về đẩy mạnh cải cách hành chính, xây dựng chính quyền điện tử, phục vụ tốt nhất nhu cầu giải quyết thủ tục hành chính của cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp.

Hiệu quả của mô hình Trung tâm phục vụ Hành chính công cấp tỉnh, cấp huyện của Tỉnh đã có sự tác động tích cực, lan tỏa đến các địa phương khác, nhiều tỉnh, thành phố trong cả nước đã đến Quảng Ninh học tập kinh nghiệm và triển khai thực hiện, trong đó có 02 Trung tâm Hành chính công trực thuộc UBND tỉnh²⁵. Vị trí pháp lý của Trung tâm Hành chính công dần được hoàn thiện và đã được quy định cụ thể tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/04/2018 của Chính phủ.

Qua thời gian tổ chức, hoạt động, mô hình Trung tâm phục vụ hành chính công đã tạo nên sự khác biệt và hiệu quả hơn so với Bộ phận một cửa, cụ thể:

Một là, Quy trình và thời gian giải quyết thủ tục hành chính được rút gọn: Hồ sơ được tiếp nhận, thẩm định, phê duyệt ngay tại chỗ chỉ bởi một bộ phận, một cá nhân trực tiếp giải quyết (Bộ phận một cửa tiếp nhận rồi luân chuyển qua nhiều cấp, nhiều bộ phận để xem xét, thẩm định, phê duyệt). Do đó, thời gian giải quyết thủ tục hành chính của Quảng Ninh giảm trung bình trên 50% so với quy định của Trung ương. Cá biệt thủ tục thành lập doanh nghiệp giảm từ 7 ngày xuống chỉ còn 1 ngày.

Hai là, Nâng cao tính minh bạch trong giải quyết thủ tục hành chính: Việc giải quyết thủ tục hành chính được thực hiện bởi 3 bên: bên đề nghị, bên giải quyết, và bên giám sát. Toàn bộ quy trình giải quyết thủ tục hành chính đều được thực hiện công khai ngay tại Trung tâm, trước bộ phận giám sát chuyên trách; trong môi trường làm việc chung nên các bộ phận giám sát chéo nhau và người dân cũng có thể tham gia giám sát.

Ba là, Cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật, trang thiết bị làm việc được đầu tư đồng bộ, hiệu suất sử dụng cao, không dàn trải ở nhiều Bộ phận “Một cửa”; với mô hình Trung tâm Phục vụ hành chính công cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật, trang thiết bị được đầu tư tập trung, đồng bộ, tối ưu hoá hiệu quả khai thác sử dụng, an toàn - an ninh thông tin được đảm bảo.

Bốn là, Chính quyền vì dân, lấy người dân làm trung tâm của sự phục vụ: Trung tâm đã ban hành bộ quy tắc ứng xử trong hoạt động công vụ và quy chế chấm điểm đánh giá cán bộ hằng tháng, gắn rõ trách nhiệm của cán bộ với hiệu quả công việc và sự hài lòng của người dân trong giải quyết thủ tục hành chính; tạo lập nhiều kênh giao tiếp với công dân, ... Đặc biệt, lãnh đạo thường trực tiếp dân trong tất cả các ngày làm việc để tiếp thu phản ánh, kịp thời xử lý những vấn đề phát sinh.

Năm là, Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh được đặt ở vị trí ngang cấp sở (trực thuộc UBND tỉnh), Giám đốc Trung tâm trực tiếp phối hợp với Giám đốc các sở, ngành cũng như báo cáo trực tiếp lãnh đạo tỉnh chỉ đạo kịp thời các vấn đề phát sinh

²⁵Năm 2016 Thủ tướng Chính phủ cho phép tỉnh Quảng Nam thành lập Trung tâm HCC và xúc tiến hỗ trợ đầu tư; năm 2017 Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 506/QĐ-TTg ngày 17/4/2017 về thành lập Trung tâm HCC tỉnh Bắc Ninh là cơ quan hành chính trực thuộc UBND tỉnh Bắc Ninh.

trong giải quyết thủ tục hành chính và các nội dung liên quan; Tham mưu lãnh đạo tỉnh chỉ đạo kịp thời, sát đúng công tác cải cách thủ tục hành chính; Trung tâm thường xuyên nắm bắt những vướng mắc, bất cập trong hoạt động của bộ máy hành chính, công tác phối hợp giữa các sở, ban, ngành, địa phương cũng như những yêu cầu, đòi hỏi từ phía người dân, doanh nghiệp, để qua đó tham mưu lãnh đạo tỉnh chỉ đạo kịp thời, sát đúng công tác cải cách thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh.

Trên cơ sở đó, công tác giải quyết thủ tục hành chính thu được nhiều kết quả tích cực: hồ sơ trả đúng và trước hạn đạt trên 99%; hồ sơ tiếp nhận và giải quyết trực tuyến mức độ 3, 4 tăng dần qua các năm, năm 2020 vượt chỉ tiêu theo yêu cầu của Chính phủ là trên 40% đối với mức độ 3 và trên 30% đối với mức độ 4; mức độ hài lòng của người dân và doanh nghiệp đạt trên 99%. Những kết quả đó đã góp phần cải cách hành chính, môi trường đầu tư kinh doanh, chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) và chỉ số cải cách hành chính (PAR Index) đứng đầu cả nước 3 năm liên tiếp (2017-2019); Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính (SIPAS) năm 2019 đứng thứ nhất, Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI) từ vị trí thứ 62 năm 2016 vươn lên đứng thứ 3 năm 2019.

Kính thưa các quý vị đại biểu, các vị khách quý !

Trên cơ sở các quy định của Trung ương, trên nền tảng đổi mới, đột phá bước đầu thành công, Nghị quyết Đại hội Đảng Bộ tỉnh Quảng Ninh lần thứ XV tiếp tục xác định nhiệm vụ đổi mới, hoàn thiện tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị giai đoạn 2020-2025 với những đổi mới đồng bộ hơn, toàn diện hơn, gắn với mục tiêu trong giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến 2030 theo Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW của Trung ương Đảng và dự thảo văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII. Trong đó, tỉnh Quảng Ninh tiếp tục xây dựng “Đề án tiếp tục đổi mới, hoàn thiện tổ chức bộ máy hệ thống chính trị tỉnh Quảng Ninh theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có đủ phẩm chất, năng lực, uy tín, ngang tầm nhiệm vụ giai đoạn 2021-2025” và Đề án “Cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, năng lực cạnh tranh cấp tỉnh giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030”.

Đối với mô hình Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh Quảng Ninh hiện nay còn có vướng mắc về vị trí pháp lý, do: Tại văn bản số 8292/VPCP-KSTT ngày 31/8/2018, Thủ tướng Chính phủ đồng ý cho phép duy trì mô hình Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh trực thuộc UBND tỉnh, sau khi Nghị định của Chính phủ về các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện ban hành sẽ tổ chức lại theo các tiêu chí quy định tại Nghị định. Tuy nhiên, tại Nghị định số 107/NĐ-CP và Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ mới ban hành không quy định mô hình Trung tâm phục vụ hành chính công trong số các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện; Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/04/2018 của Chính phủ quy định Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Do đó, để tiếp tục duy trì hoạt động của Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh với vị trí trực thuộc UBND tỉnh Quảng Ninh, góp phần tích cực trong thực hiện 03 đột phá, đẩy mạnh công tác cải cách hành chính, phát huy những kết quả đã đạt được và sử

dụng hiệu quả nguồn lực đã đầu tư; căn cứ kết quả tổ chức và hoạt động trong thời gian qua, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh tiếp tục báo cáo, kính trình Thủ tướng Chính phủ và các Bộ, ngành Trung ương xem xét, cho phép tỉnh Quảng Ninh được tiếp tục thí điểm mô hình Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Quảng Ninh trực thuộc UBND tỉnh Quảng Ninh.

Trên cơ sở đó, tỉnh Quảng Ninh sẽ tiếp tục đề xuất phương án kiện toàn Trung tâm sau khi Trung ương đánh giá, tổng kết việc thực hiện thí điểm các mô hình tổ chức mới theo Kết luận số 74-KL/TW ngày 22/5/2020 của Bộ Chính trị (trong đó có mô hình thí điểm Trung tâm Hành chính công tỉnh trực thuộc Ủy ban nhân dân 03 tỉnh: Quảng Ninh, Bắc Ninh và Quảng Nam). Đồng thời, duy trì mô hình thí điểm Trung tâm Hành chính công cấp huyện như hiện nay, đảm bảo thống nhất, liên thông, hiệu quả đối với mô hình Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh.

Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ tiếp tục nghiên cứu, đổi mới về cơ chế hoạt động của Trung tâm Hành chính công theo phương hướng phù hợp với yêu cầu xây dựng chính phủ điện tử, hướng tới năm 2021 hầu hết các dịch vụ công được cung cấp trực tuyến mức độ 4 theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ và Bộ Thông tin và Truyền thông; theo đó, chất lượng giải quyết thủ tục hành chính và sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp được xem là mục tiêu quan trọng nhất.

Kính thưa các quý vị đại biểu!

Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh tham luận tại hội nghị về mô hình thí điểm Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh Quảng Ninh. Trong thời gian tới, tỉnh Quảng Ninh kính đề nghị Bộ Nội vụ, các bộ, ngành tiếp tục quan tâm, tạo điều kiện cho tỉnh Quảng Ninh thực hiện tốt nhiệm vụ cải cách hành chính, trong đó có nội dung về cải cách tổ chức bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

Thay mặt lãnh đạo UBND tỉnh Quảng Ninh, xin kính chúc các vị đại biểu mạnh khỏe, chúc Hội nghị thành công tốt đẹp!

8. UBND TỈNH HÒA BÌNH

Tham luận về Công tác triển khai thực hiện Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã thuộc tỉnh Hòa Bình

Kính thưa các vị đại biểu, thưa Hội nghị!

Tỉnh Hòa Bình được thành lập ngày 22/6/1886 theo Nghị định của Kinh lược Bắc Kỳ với tên gọi là Tỉnh Mường; trên cơ sở tách các phần đất đai có người Mường cư trú thuộc các tỉnh Hưng Hóa, Sơn Tây, Hà Nội và Ninh Bình (có 04 phủ), đến năm 1896 chính thức gọi là tỉnh Hòa Bình. Qua các thời kỳ lịch sử phát triển của đất nước, trên địa bàn tỉnh đã có nhiều lần sáp nhập, chia tách đơn vị hành chính (ĐVHC) các cấp; giai đoạn từ năm 2003 đến năm 2019, toàn tỉnh Hòa Bình có 11 ĐVHC cấp huyện (gồm 10 huyện, 01 thành phố), 210 ĐVHC cấp xã (gồm: 191 xã, 08 phường, 11 thị trấn); diện tích tự nhiên gần 4.600 km², dân số trên 85 vạn người.

Ngày 24/12/2018, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 37-NQ/TW về việc sắp xếp các ĐVHC cấp huyện và cấp xã; Nghị quyết số 653/2019/UBTVQH14 ngày 12/3/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các ĐVHC cấp huyện, cấp xã trong giai đoạn 2019 - 2021; Nghị quyết số 32/NQ-CP ngày 14/5/2019 của Chính phủ về ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp các ĐVHC cấp huyện, cấp xã trong giai đoạn 2019 - 2021. Trong đó xác định sắp xếp các ĐVHC cấp huyện, cấp xã chưa đạt 50 % tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số, khuyến khích việc thực hiện sắp xếp các ĐVHC cấp huyện, cấp xã khác theo yêu cầu của địa phương, khi đảm bảo yếu tố thuận lợi và được đa số Nhân dân đồng thuận để giảm số lượng ĐVHC hành chính cấp huyện, cấp xã.

Đây là một chủ trương lớn, quan trọng và hết sức đúng đắn của Đảng, Nhà nước; phù hợp với thực tiễn và xu thế phát triển của nước ta trong thời kỳ đổi mới. Tuy nhiên, việc lãnh đạo và tổ chức triển khai thực hiện bảo đảm thành công ở địa phương là hết sức quan trọng, bởi vì sắp xếp ĐVHC cấp huyện cấp xã liên quan và tác động đến toàn bộ lịch sử, văn hoá, kinh tế - xã hội ở mỗi địa phương; liên quan đến việc sắp xếp tổ chức lại bộ máy và hoạt động của cả hệ thống chính trị và trực tiếp liên quan, ảnh hưởng đến mọi tổ chức và Nhân dân.

Quán triệt chủ trương lớn đó, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ Hòa Bình đã ban hành Nghị quyết số 21-NQ/TU về thực hiện sắp xếp, tổ chức lại ĐVHC cấp xã, trong đó: Ngoài các ĐVHC cấp xã chưa đạt 50% tiêu chuẩn theo quy định về quy mô dân số, diện tích tự nhiên; thì tỉnh Hòa Bình quy định sắp xếp đối với các ĐVHC cấp xã chưa đạt 20% tiêu chuẩn về diện tích hoặc chưa đạt 30% tiêu chuẩn về quy mô dân số; khuyến khích nhập các ĐVHC cấp xã với thị trấn để mở rộng quy hoạch đô thị và thuận lợi trong quy hoạch khu cụm công nghiệp, vùng kinh tế trọng điểm của tỉnh, của các huyện, thành phố. Đây là sự vận dụng sáng tạo, linh hoạt, phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh Hòa Bình. Với chủ trương này, từ tháng 02/2018 đến tháng 5/2019 các cấp ủy Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội từ tỉnh đến cơ sở đã thống nhất triển khai phương án: Hợp nhất huyện Kỳ Sơn vào thành phố Hòa Bình (giảm 01 đơn vị cấp huyện); sắp xếp 106 ĐVHC cấp xã (liên quan trên 50% tổng số đơn vị cấp xã hiện có)

đề hình thành 47 đơn vị, giảm 31 đơn vị chưa đạt 50 % tiêu chuẩn theo quy định, giảm 28 đơn vị thuộc diện khuyến khích của Trung ương và chủ trương của tỉnh, trong đó có: 20 phương án sắp xếp 02 đơn vị thành 01 đơn vị, 15 phương án sắp xếp 03 đơn vị thành 01 đơn vị, 04 phương án sắp xếp 03 đơn vị thành 02 đơn vị, 01 phương án sắp xếp 04 đơn vị thành 02 đơn vị và 01 phương án sắp xếp 05 đơn vị thành 02 đơn vị.

Phát huy dân chủ, đề cao trách nhiệm của công dân, tạo sự đồng thuận của các tầng lớp Nhân dân, sau khi nắm vững chủ trương và phương án sắp xếp các ĐVHC cấp huyện, cấp xã của tỉnh. Đến ngày 30/6/2019 đã có 100 % các xã, phường, thị trấn tổ chức xong việc lấy ý kiến của cử tri về phương án sắp xếp các ĐVHC cấp huyện, cấp xã; trong đó: 08 đơn vị có tỷ lệ 100 % cử tri nhất trí, 82 đơn vị có tỷ lệ trên 90 % cử tri nhất trí, không có đơn vị có tỷ lệ dưới 60% cử tri nhất trí.

Với sự lãnh đạo, chỉ đạo sát sao, kịp thời của cấp ủy Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, đặc biệt là sự đồng thuận của Nhân dân; tỉnh Hòa Bình đã trình Chính phủ để trình Quốc hội về phương án sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã; ngày 17/12/2019 Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 830/NQ-UBTVQH14 về việc sắp xếp các ĐVHC cấp huyện, cấp xã thuộc tỉnh Hòa Bình; theo đó các ĐVHC cấp huyện giảm 01 huyện, giảm 59 ĐVHC cấp xã; hiện nay tỉnh Hòa Bình còn 10 huyện, thành phố (gồm: 09 huyện và 01 thành phố), 151 xã, phường, thị trấn (gồm: 131 xã, 10 phường, 10 thị trấn), tỷ lệ giảm số lượng ĐVHC cấp xã của tỉnh đạt 28 % trên tổng số ĐVHC cấp xã trước khi sắp xếp, cao nhất cả nước. Giảm chi thường xuyên toàn tỉnh là 170,41 tỷ đồng, trong đó: Cấp huyện giảm 34 tỷ đồng, cấp xã giảm 136,41 tỷ đồng (trung bình mỗi xã giảm 2,312 tỷ đồng).

Trên cơ sở Nghị quyết số 830/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, đến ngày 20/02/2020 (chưa đầy 02 tháng) thành phố Hòa Bình và các xã, phường, thị trấn hợp nhất đã hoàn thành việc sắp xếp lại tổ chức bộ máy, cán bộ, CCVC, người lao động; trụ sở, trang thiết bị và đi vào hoạt động theo ĐVHC mới. Đặc biệt sau khi tổ chức Đại hội Đảng bộ cấp xã tháng 6/2020 và Đại hội Đảng bộ thành phố Hòa Bình tháng 8/2020, số lượng cấp ủy và các chức danh lãnh đạo Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể đã được sắp xếp theo đúng quy định và hướng dẫn của Trung ương. Trong quá trình tổ chức thực hiện hoạt động của các tổ chức trong hệ thống chính trị đều thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Đảng, Nhà nước và các tổ chức chính trị xã hội; đặc biệt là tiếp tục duy trì phát triển KTXH, tổ chức thành công Đại hội Đảng bộ nhiệm kỳ 2020 - 2025; đảm bảo giữ vững quốc phòng an ninh, trật tự an toàn xã hội; giải quyết tốt các nhu cầu của các tổ chức và Nhân dân; tiếp tục chăm lo đời sống vật chất, tinh thần và những quyền lợi chính đáng, hợp pháp của Nhân dân.

Đội ngũ cán bộ, công chức đã được kiện toàn, sắp xếp phù hợp với trình độ, năng lực và vị trí việc làm. Tại thành phố Hòa Bình đã sắp xếp cán bộ, công chức, viên chức đến nay đã giảm 45 người so với trước khi sáp nhập huyện Kỳ Sơn vào thành phố Hòa Bình; còn dôi dư 58 cán bộ, công chức. Đối với cấp xã đã sắp xếp, giải quyết chế độ cho 474 cán bộ, công chức cấp xã (tại đơn vị mới hình thành do sắp xếp là 352 người);

giải quyết cho 783 người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; toàn tỉnh còn dôi dư 450 cán bộ, công chức cấp xã theo quy định tại Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ.

Việc quản lý, quy hoạch, trụ sở, công trình, giao thông, thủy lợi, điện, giáo dục, y tế, cơ sở vật chất văn hoá - thể thao, cơ sở hạ tầng thương mại, thông tin và truyền thông, đất đai, nhà ở, dân cư, tổ chức sản xuất; quản lý, sử dụng các loại giấy tờ liên quan đến công dân, tổ chức; các nguồn vốn vay, các dự án đang đầu tư, xây dựng và các lĩnh vực khác có liên quan đã được các Sở, ban, ngành của tỉnh hướng dẫn thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật; phù hợp với tình hình thực tế ở địa phương, đáp ứng cơ bản với yêu cầu hoạt động của cấp ủy Đảng, chính quyền, MTTQ và các tổ chức CTXH, đoàn thể và Nhân dân.

Kính thưa các vị đại biểu, thưa Hội nghị!

Kết quả đạt được, thành công nêu trên là sự chủ động, sáng tạo và quyết tâm cao của các cấp ủy Đảng, chính quyền, MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội; là sự đoàn kết, đồng lòng của các tầng lớp Nhân dân trong tỉnh trong thời gian vừa qua.

Tuy nhiên, sau khi thực hiện Nghị quyết số 830/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội đến nay vẫn còn một số khó khăn vướng mắc, như:

- Số lượng cán bộ, công chức, viên chức dôi dư còn nhiều, một số đơn vị chưa xây dựng kịp thời đề án vị trí việc làm; chưa rà soát, đánh giá kỹ chất lượng, hiệu quả công tác của cán bộ, công chức, viên chức để lập phương án sắp xếp tinh giản và cơ cấu lại đội ngũ. Đồng thời thực hiện điều động sĩ quan, hạ sĩ quan Công an nhân dân đảm nhiệm các chức danh Công an xã; cùng với việc thực hiện Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ dẫn đến dôi dư cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã (*nhưng Nghị định số 34/2019/NĐ-CP không có lộ trình giảm*); sau khi kiện toàn hệ thống chính trị ở cấp xã thì một số Chủ tịch Ủy ban MTTQ Việt Nam và Trưởng các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã phải chuyển xuống làm cấp phó (*đây là chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã*). Do đó rất bất cập trong việc giải quyết chế độ, chính sách cho cán bộ cấp xã.

- Công tác tuyên truyền một số nơi chưa làm tốt vì vậy người dân chưa nắm vững việc giải quyết thủ tục hành chính khi có nhu cầu thay đổi do sắp xếp ĐVHC; một số cán bộ, công chức chưa hướng dẫn và tạo điều kiện thuận lợi cho người dân khi chuyển đổi giấy tờ do thay đổi địa giới ĐVHC.

- Trụ sở, trang thiết bị làm việc một số nơi cấp xã vừa thừa, vừa thiếu do sáp nhập số lượng cán bộ, công chức hợp nhất lại dôi dư còn nhiều và có nơi bố trí trụ sở chưa thật sự thuận lợi cho người dân.

Kính thưa các vị đại biểu, thưa Hội nghị !

Sắp xếp, tổ chức lại ĐVHC cấp huyện, cấp xã ở những đơn vị có quy mô dân số và diện tích nhỏ để giảm số lượng ĐVHC là nhằm tổ chức hợp lý ĐVHC các cấp, phù hợp với thực tiễn và xu thế phát triển của đất nước; bảo đảm hoàn thiện thể chế về ĐVHC, bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; nhằm phát huy và tập trung có hiệu quả nguồn lực của Nhà nước và xã hội cho phát triển

kinh tế - xã hội trong từng địa phương và trên phạm vi của cả tỉnh Hòa Bình. Kết quả đạt được đã và sẽ tạo ra động lực phát triển mới cho tỉnh Hòa Bình hiện tại và những năm tiếp theo.

Tôi cho rằng cần tiếp tục phát huy những kết quả đã đạt được và tập trung khắc phục những khó khăn vướng mắc nêu trên để phát huy truyền thống lịch sử - văn hoá, lợi thế của một tỉnh trong vùng Thủ đô và là cửa ngõ của vùng Tây Bắc, tiếp tục tạo động lực đưa tỉnh Hòa Bình phát triển nhanh, đồng bộ và bền vững trong thời gian trước mắt và tương lai.

Tôi xin kính chúc các quý vị đại biểu mạnh khỏe, hạnh phúc.

Tôi xin trân trọng cảm ơn!

9. UBND TỈNH HÀ TĨNH

Tham luận về Kết quả thực hiện, bài học kinh nghiệm rút ra từ việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Hà Tĩnh

Kính thưa Chủ trì Hội nghị,

Kính thưa quý vị đại biểu,

Được sự cho phép của Chủ trì hội nghị, sau đây tôi xin trình bày Tham luận **“Kết quả thực hiện, bài học kinh nghiệm rút ra từ việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Hà Tĩnh”**.

Kính thưa Hội nghị,

1. Quá trình triển khai thực hiện:

Xác định việc thực hiện sắp xếp các đơn vị hành chính (ĐVHC) cấp xã theo Nghị quyết số 653/2019/UBTVQH14 và Nghị quyết số 32/NQ-CP là chủ trương đúng đắn nên Hà Tĩnh đã tập trung, kịp thời lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy, UBND tỉnh ban hành các văn bản về chủ trương, lãnh đạo việc thực hiện sắp xếp các ĐVHC cấp xã giai đoạn 2019-2021. Đồng thời, Ban Thường vụ Tỉnh ủy tiến hành các cuộc họp để trực tiếp chỉ đạo thực hiện rà soát, xây dựng Phương án phải vừa đảm bảo đúng quy định, vừa phù hợp với thực tiễn địa phương và thống nhất Phương án tổng thể sắp xếp các ĐVHC cấp xã trên địa bàn tỉnh để UBND tỉnh trình Bộ Nội vụ và các bộ, ngành liên quan cho ý kiến.

Sau khi có ý kiến của Bộ Nội vụ đối với Phương án tổng thể của tỉnh giai đoạn 2019 - 2021; Hà Tĩnh đã tổ chức lập, niêm yết danh sách cử tri trên địa bàn các xã thực hiện sắp xếp; tổ chức lấy ý kiến cử tri trên địa bàn các ĐVHC thực hiện sắp xếp với tỷ lệ cử tri tham gia và cử tri đồng ý cao (bình quân đạt 96, 91%).

Được sự đồng tình của cử tri, UBND tỉnh Hà Tĩnh tiếp tục chỉ đạo thực hiện lấy ý kiến HĐND các cấp (cấp xã, cấp huyện, cấp tỉnh). HĐND các cấp đã họp, thông qua các Nghị quyết về việc tán thành chủ trương điều chỉnh địa giới hành chính và sắp xếp các ĐVHC cấp xã.

Trên cơ sở đó, UBND tỉnh hoàn chỉnh Hồ sơ Đề án trình Chính phủ và được Ủy ban Thường vụ Quốc hội biểu quyết thông qua tại Nghị quyết số 819/NQ-UBTVQH14 ngày 21/11/2019.

Để triển khai thực hiện sắp xếp đảm bảo đúng thời gian yêu cầu theo Nghị quyết số 819/NQ-UBTVQH14 ngày 21/11/2019, Tỉnh ủy, UBND tỉnh Hà Tĩnh đã chỉ đạo các cấp, các ngành, các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh ban hành các kế hoạch, hướng dẫn các đơn vị, địa phương thực hiện sắp xếp, kiện toàn tổ chức Đảng, HĐND, UBND, các tổ chức chính trị - xã hội tại các xã mới hình thành sau sắp xếp để đi vào hoạt động từ 01/01/2020.

2. Kết quả thực hiện

2.1. Kết quả sắp xếp ĐVHC cấp xã trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh

- Trước khi thực hiện sắp xếp, Hà Tĩnh có 262 ĐVHC cấp xã, gồm 21 phường, 12 thị trấn, 229 xã.

- Tổng số ĐVHC cấp xã thực hiện sắp xếp trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh là: 80 đơn vị, giảm 46 xã, hình thành 34 xã mới.

Đến nay, 100% các xã thực hiện sắp xếp theo Nghị quyết số 819/NQ-UBTVQH14 ngày 21/11/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, 34 xã mới hình thành

sau sắp xếp đã kiện toàn tổ chức Đảng, hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân, các tổ chức chính trị - xã hội và đi vào hoạt động ổn định. Các tổ chức, đơn vị có liên quan như trường học, trạm y tế cũng được thực hiện sắp xếp theo ĐVHC mới.

- Sau khi thực hiện sắp xếp, tỉnh Hà Tĩnh có 216 ĐVHC cấp xã, gồm 21 phường, 12 thị trấn, 183 xã.

Với việc giảm 46/262 ĐVHC cấp xã (tỷ lệ giảm 17,56%). Tỉnh Hà Tĩnh là một trong những địa phương giảm nhiều nhất cả nước (đứng thứ 4 cả nước).

2.2. Về kết quả bố trí, sắp xếp đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người hoạt động không chuyên trách cấp xã

- Việc bố trí, sắp xếp đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người hoạt động không chuyên trách cấp xã đảm bảo thống nhất về cơ cấu, số lượng; đánh giá, phân loại, bố trí đội ngũ cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách tại các ĐVHC cấp xã mới hình thành, bảo đảm lựa chọn được những người có phẩm chất, năng lực, điều kiện, tiêu chuẩn để đảm nhận những vị trí công việc tại các ĐVHC cấp xã mới gắn với chuẩn bị nhân sự đại hội đảng bộ cấp xã, nhiệm kỳ 2020 - 2025 và bầu cử hội đồng nhân dân cấp xã, nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã kịp thời ban hành Kết luận số 144-KL/TU ngày 28/8/2019 về thẩm quyền, cơ cấu, số lượng, quy trình lựa chọn nhân sự và sắp xếp cán bộ khi thực hiện sáp nhập các ĐVHC cấp xã trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2019 - 2021; Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết số 156/2019/NQ-HĐND ngày 17/7/2019 của HĐND tỉnh Hà Tĩnh Quy định số lượng cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn; chức danh, số lượng, mức khoán chi phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; mức bồi dưỡng đối với người trực tiếp tham gia công việc của thôn, tổ dân phố (*giảm 01 cán bộ, công chức/xã; bố trí từ 8-9 người hoạt động không chuyên trách*). Theo đó, các địa phương tùy tình hình thực tiễn thực hiện sắp xếp, bố trí đảm bảo phù hợp.

- Hiện nay, việc bố trí cán bộ, công chức các xã sắp xếp cơ bản ổn định.

+ Số lượng bố trí đến nay: 1.237 người (457 cán bộ, 468 công chức, 312 người hoạt động không chuyên trách cấp xã); giảm: 1.083 người (303 cán bộ, 276 công chức, 505 người hoạt động không chuyên trách cấp xã).

+ Dự kiến bố trí theo Nghị quyết số 156/2019/NQ-HĐND: 972 người (361 cán bộ, 324 công chức, 287 người hoạt động không chuyên trách cấp xã).

+ Số lượng dôi dư so với Nghị quyết số 156/2019/NQ-HĐND: 265 người (96 cán bộ, 144 công chức, 25 người hoạt động không chuyên trách cấp xã).

3. Đánh giá kết quả thực hiện

3.1. Thuận lợi trong việc sắp xếp các ĐVHC cấp xã

- Chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước phù hợp với thực tiễn tổ chức các ĐVHC cấp xã trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

- Có sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị từ tỉnh đến huyện, xã; công tác chỉ đạo sâu sát, quyết liệt, kịp thời của các cấp, các ngành; chú trọng vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo việc rà soát và xây dựng các phương án sắp xếp. Phối hợp chặt chẽ, huy động sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị trong quá trình thực hiện.

- Chú trọng đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động, làm tốt công tác tư tưởng cho cán bộ, đảng viên, người dân nhận thức rõ nhiệm vụ chính trị, lợi ích của việc sắp xếp để tạo được sự đồng thuận trong quá trình thực hiện nên tạo được sự thống nhất

cao trong các cơ quan, đơn vị có liên quan trong quá trình tổ chức thực hiện. Đồng thời được Nhân dân đồng tình, ủng hộ.

- Có sự chỉ đạo quyết liệt, tập trung của các cấp ủy đảng, chính quyền địa phương trong thực hiện rà soát cụ thể để xây dựng các phương án sắp xếp để vừa đảm bảo đúng quy định, vừa phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, vừa tạo được sự đồng thuận của nhân dân.

- Chủ động xây dựng phương án sắp xếp, bố trí công tác hợp lý đối với đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã nhằm tạo sự ổn định, phát triển của ĐVHC mới sau sắp xếp. Cụ thể hóa các phương án giải quyết số cán bộ, công chức dôi dư sau sắp xếp. Ban hành chính sách riêng của tỉnh để giải quyết cán bộ, công chức dôi dư sau sắp xếp ngoài chính sách chung của trung ương.

- Đánh giá về hiệu quả việc sáp nhập xã có **3 giảm**: Giảm 46 đơn vị hành chính từ 262 còn 216 xã. Giảm cán bộ, công chức, bán chuyên trách: đã giảm 1084/2321 người, tỷ lệ giảm: 46,7%. Giảm chi hành chính 138 tỷ một năm. Có **5 tăng**: Tăng không gian phát triển; tăng tư duy tầm nhìn, kết nối vùng cho đội ngũ cán bộ; tăng nguồn lực đầu tư phát triển; tăng hiệu lực, hiệu quả điều hành; đặc biệt là tăng niềm tin của nhân dân với Đảng.

3.2. Những khó khăn, vướng mắc trong việc sắp xếp các ĐVHC cấp xã và nguyên nhân

- Số lượng các ĐVHC cấp xã trong giai đoạn 2019 - 2021 thực hiện sắp xếp lớn. Đa số trung tâm hành chính các ĐVHC cấp xã thực hiện sắp xếp đều được xây dựng đồng bộ nên sau khi sắp xếp, có 46 trụ sở hành chính dư thừa.

- Sau khi các xã mới được hình thành, có một số xã miền núi có diện tích lớn gây khó khăn trong việc kết nối hạ tầng đi lại của nhân dân; việc nâng cấp hệ thống cơ sở hạ tầng đảm bảo đồng bộ cho xã mới (trường học, trạm y tế...); mua sắm trang thiết bị làm việc... cần bổ sung nguồn kinh phí tương đối lớn.

- Số lượng cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách dôi dư nhiều, việc xử lý gặp nhiều khó khăn.

4. Bài học kinh nghiệm

- Phải có sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị từ tỉnh đến huyện, xã; chú trọng vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo việc rà soát và xây dựng các phương án sắp xếp. Phối hợp chặt chẽ, huy động sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị trong quá trình thực hiện.

- Chú trọng đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động, làm tốt công tác tư tưởng cho cán bộ, đảng viên, người dân nhận thức rõ nhiệm vụ chính trị, lợi ích của việc sắp xếp để tạo được sự đồng thuận trong quá trình thực hiện.

- Rà soát cụ thể để xây dựng các phương án sắp xếp để vừa đảm bảo đúng quy định, vừa phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, vừa tạo được sự đồng thuận của nhân dân.

- Thành lập các Tổ Công tác để rà soát, tuyên truyền, vận động, nắm bắt dư luận để kịp thời đưa ra các giải pháp tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc và giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình sắp xếp.

- Tranh thủ, bám sát ý kiến chỉ đạo của các Bộ, ngành có liên quan trong quá trình xây dựng Đề án sắp xếp.

- Xây dựng cụ thể phương án sắp xếp, bố trí công tác hợp lý đối với đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã nhằm tạo sự ổn định, phát triển của đơn vị hành chính mới sau

sắp xếp. Cụ thể hóa các phương án giải quyết số cán bộ, công chức dôi dư sau sắp xếp. Ban hành chính sách riêng của tỉnh để giải quyết cán bộ, công chức dôi dư sau sắp xếp ngoài chính sách chung của trung ương.

Trên đây là Tham luận ***“Kết quả thực hiện, bài học kinh nghiệm rút ra từ việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Hà Tĩnh”***.

Kính chúc Quý vị sức khỏe, chúc Hội nghị thành công tốt đẹp./.

10. UBND TỈNH BÌNH ĐỊNH

Tham luận về Cơ chế hỗ trợ kinh phí, điều kiện hoạt động cho các hội thực hiện nhiệm vụ được giao tại tỉnh Bình Định

Kính thưa:

Lời đầu tiên, thay mặt lãnh đạo UBND tỉnh Bình Định, tôi xin gửi đến các đồng chí lãnh đạo Bộ Nội vụ cùng toàn thể các đồng chí tham dự Hội nghị lời chúc mạnh khỏe, hạnh phúc, chúc Hội nghị thành công tốt đẹp.

Được sự cho phép của Ban Tổ chức Hội nghị, thay mặt UBND tỉnh Bình Định, tôi xin báo cáo tham luận về một số vấn đề liên quan đến công tác quản lý hội quần chúng và cơ chế hỗ trợ kinh phí, tạo điều kiện để các tổ chức Hội hoạt động hiệu quả trên địa bàn tỉnh Bình Định.

Kính thưa Hội nghị!

Toàn tỉnh Bình Định hiện có **1.065** hội quần chúng, trong đó có 63 hội hoạt động trong phạm vi toàn tỉnh; 107 hội hoạt động trong phạm vi cấp huyện; 895 hội hoạt động trong phạm vi cấp xã. Có **656** hội được công nhận là hội có tính chất đặc thù (trong đó cấp tỉnh 15 hội; cấp huyện 69 hội; cấp xã 572 hội); có 02 hội có tổ chức Đảng đoàn (Liên hiệp các Hội khoa học và kỹ thuật tỉnh; Hội Văn học - Nghệ thuật tỉnh). Các hội có đặc điểm, tính chất, quy mô và phạm vi hoạt động khác nhau như tổ chức chính trị - xã hội, chính trị - xã hội - nghề nghiệp; xã hội - nhân đạo - từ thiện; đối ngoại... Vai trò của các tổ chức hội là nhằm mục đích tập hợp, đoàn kết hội viên, xây dựng, củng cố khối đoàn kết các dân tộc, hỗ trợ nhau phát triển kinh tế, giảm nghèo. Các tổ chức hội trên địa bàn tỉnh đã phát triển về số lượng, đa dạng về hình thức tổ chức, tập hợp đông đảo hội viên tham gia; hoạt động của các hội theo đúng tôn chỉ, mục đích, điều lệ và các quy định của pháp luật, theo nguyên tắc tự nguyện, tự quản, dân chủ, bình đẳng, công khai, minh bạch, không vì mục đích lợi nhuận.

Nhìn chung, các hội quần chúng trên địa bàn đã có những đóng góp thiết thực cho sự phát triển của tỉnh trên nhiều phương diện như tập hợp, phản ánh yêu cầu, nguyện vọng và chăm lo, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của hội viên; tích cực tuyên truyền, tham gia xây dựng và thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; tham gia góp ý xây dựng cơ chế, chính sách, pháp luật; giám sát, phản biện xã hội đối với cơ chế, chính sách, pháp luật về quản lý phát triển xã hội; phát huy tính dân chủ, huy động nguồn lực để thực hiện tốt công tác an sinh xã hội, tham gia hoạt động đối ngoại, xã hội, từ thiện, giúp đỡ đối tượng gặp khó khăn, nhóm xã hội yếu thế, nhiều thiệt thòi, góp phần xóa đói, giảm nghèo, giải quyết các vấn đề xã hội, phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, củng cố khối đoàn kết dân tộc, đồng thuận xã hội...

Kính thưa Hội nghị!

Quán triệt Kết luận số 102-KL/TW ngày 22 tháng 9 năm 2014 của Bộ Chính trị về hội quần chúng về tổ chức và hoạt động của hội quần chúng và các quan điểm chỉ đạo

của Đảng về nguyên tắc tổ chức, hoạt động của hội quần chúng tại Nghị quyết Hội nghị lần thứ 6 Ban chấp hành Trung ương (khóa XII), UBND tỉnh đã ban hành Chỉ thị số 09/CT-UBND ngày 19 tháng 7 năm 2018 của UBND tỉnh về tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với các tổ chức hội trên địa bàn tỉnh, theo đó tỉnh Bình Định xác định rõ mục tiêu: “*từ năm 2020, thực hiện khoán kinh phí hoạt động đối với các hội đã được giao biên chế, hỗ trợ kinh phí hoạt động gắn với nhiệm vụ được giao*”. UBND tỉnh đã giao Sở Nội vụ, Sở Tài chính, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các hội có tính chất đặc thù có trách nhiệm phối hợp, tham mưu UBND tỉnh xem xét, hỗ trợ kinh phí hoạt động gắn với nhiệm vụ được giao cho các hội theo nội dung Kết luận số 102-KL/TW của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 18-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

Triển khai thực hiện mục tiêu và giải pháp nêu trên, kể từ năm 2020, UBND tỉnh không thực hiện việc giao biên chế cho các hội có tính chất đặc thù mà chuyển sang thực hiện hỗ trợ kinh phí hoạt động cho các hội gắn với nhiệm vụ nhà nước giao. Các giải pháp cần thiết đã được tỉnh Bình Định triển khai được thực hiện đồng bộ như sau:

1. Ổn định tổ chức và thực hiện chế độ chính sách đối với người làm việc tại các hội, cụ thể:

- Đối với cán bộ, công chức, viên chức đã được cơ quan có thẩm quyền điều động/ tuyển dụng: Giữ ổn định số lượng người làm việc hiện có tại các hội có tính chất đặc thù cấp tỉnh, cấp huyện và thực hiện các chế độ chính sách về tiền lương, bảo hiểm xã hội; quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng; đề bạt, bổ nhiệm, khen thưởng, kỷ luật; thuyên chuyển, thôi việc, nghỉ hưu... như quy định hiện hành của Luật Viên chức, quy định về công tác tổ chức, cán bộ của tỉnh và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

- Đối với người đã nghỉ hưu giữ chức danh lãnh đạo chuyên trách tại các hội có tính chất đặc thù: Được hưởng chế độ thù lao hàng tháng bằng hệ số/ mức lương cơ sở (cấp tỉnh: Chủ tịch: 4,0, Phó Chủ tịch: 3,4; cấp huyện: Chủ tịch: 2,56; Phó Chủ tịch: 2,17; Cấp xã: Chủ tịch: 1,0). Các hội có tính chất đặc thù có nhu cầu hợp đồng lao động giúp việc cho hội, do hội thỏa thuận với người lao động và thực hiện ký kết hợp đồng lao động theo quy định của Bộ Luật Lao động.

Các nội dung này đều được Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất và UBND tỉnh thể chế bằng quyết định hành chính để thực hiện thống nhất trong phạm vi toàn tỉnh.

2. Về xác định nhiệm vụ Đảng, Nhà nước giao để làm cơ sở hỗ trợ kinh phí hoạt động:

UBND tỉnh đã phân công Sở Nội vụ phối hợp với Sở Tài chính hướng dẫn các hội xây dựng và đăng ký các nhiệm vụ, chương trình công tác hàng năm, trên cơ sở đó, báo cáo, đề xuất UBND tỉnh xem xét giao nhiệm vụ cho các hội, làm cơ sở hỗ trợ kinh phí cho hội hoạt động. Nội dung nhiệm vụ mà các hội xây dựng, đề xuất đều có ý kiến tham gia, thẩm định bằng văn bản của các sở chuyên ngành (cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực hoạt động của hội) nhằm đảm bảo các nhiệm vụ phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, gắn với định hướng, nhiệm vụ phát triển ngành, lĩnh

vực và đảm bảo không trùng lặp, chồng chéo với chức năng, nhiệm vụ của các sở chuyên ngành, phù hợp với quy mô, tính chất và phạm vi hoạt động của hội. Đối với cấp huyện, UBND tỉnh giao UBND các huyện, thị xã, thành phố căn cứ khả năng cân đối ngân sách của cấp mình xem xét, hỗ trợ kinh phí đối với các hội cấp huyện, cấp xã gắn với nhiệm vụ cụ thể theo yêu cầu nhiệm vụ chính trị - xã hội của địa phương.

3. Về hỗ trợ, bố trí cơ sở vật chất, trang thiết bị làm việc cho các hội:

Các hội đặc thù của tỉnh cơ bản đều được bố trí trụ sở làm việc; hàng năm, các cấp chính quyền của tỉnh đều xây dựng kế hoạch rà soát để bổ sung kinh phí, hỗ trợ cơ sở vật chất, phương tiện làm việc cho các hội; hỗ trợ các hội trong việc đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ công tác cho cán bộ hội; tạo điều kiện cho hội mở rộng quan hệ hợp tác trong tổ chức các phong trào hoạt động... nhờ đó, nhiều tổ chức hội đã phát huy vai trò tích cực trong việc tập hợp, đoàn kết, bảo vệ các quyền, lợi ích chính đáng, hợp pháp của hội viên; vận động hội viên hưởng ứng các phong trào thi đua yêu nước của địa phương, góp phần tích cực vào việc xây dựng, củng cố, phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân và thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng - an ninh, giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh.

Kính thưa Hội nghị!

Về công tác quản lý hội nói chung và đặc biệt là giải quyết chế độ, chính sách đối với những người làm việc trong các tổ chức hội; cơ chế hỗ trợ tài chính cho các hội nói riêng trong thời gian qua của tỉnh Bình Định cơ bản đáp ứng và hỗ trợ kịp thời cho các hội hoạt động, tuy nhiên vẫn còn bộc lộ một số bất cập trong quá trình triển khai thực hiện. Tại Hội nghị này, chúng tôi cũng có một số kiến nghị như sau:

Thứ nhất: Chính phủ sớm ban hành quy định về chế độ, chính sách đối với hội đặc thù và ban hành tiêu chí giao biên chế, điều kiện hoạt động; xây dựng chế độ chính sách cho cán bộ làm việc tại các hội theo Kết luận của Ban Bí thư tại Thông báo số 158-TB/TW ngày 02 tháng 01 năm 2020.

Thứ hai: Bộ Nội vụ, các Bộ, ngành Trung ương tham mưu Chính phủ ban hành danh mục cụ thể các nhiệm vụ mà Đảng và Nhà nước giao theo ngành, lĩnh vực quản lý để làm cơ sở giao nhiệm vụ và hỗ trợ hoặc giao khoán kinh phí hoạt động cho các cấp hội.

Thứ ba: Bộ Nội vụ chủ trì, phối hợp với các hội đặc thù Trung ương quy định rõ và ban hành quy định thống nhất hướng dẫn về tổ chức, hoạt động đối với hội có hệ thống từ Trung ương đến địa phương; hướng dẫn việc thống nhất thực hiện chung một Điều lệ và sửa đổi Nghị định số 45/2013/NĐ-CP cho phù hợp với quy định mới của Đảng, phù hợp với yêu cầu công tác quản lý hội trong tình hình mới của đất nước.

Một lần nữa, xin kính chúc Quý vị đại biểu tham dự Hội nghị mạnh khỏe, thành công. Xin trân trọng cảm ơn./.

11. UBND TỈNH KHÁNH HÒA

Tham luận về Vai trò của hiệp thương trong công tác xác định địa giới hành chính các cấp của tỉnh Khánh Hòa, góp phần thực hiện Dự án 513

Kính thưa quý vị đại biểu!

Trước tiên, tôi xin cảm ơn Ban Tổ chức Hội nghị, Bộ Nội vụ đã bố trí thời gian cho tỉnh Khánh Hòa được phát biểu Tham luận tại Hội nghị tổng kết ngành Nội vụ hôm nay. Tôi xin thay mặt lãnh đạo tỉnh, kính chúc các đồng chí chủ trì, các đồng chí lãnh đạo Bộ Nội vụ, đại diện các Bộ, ban ngành của Trung ương và các đại biểu tham dự Hội nghị tại điểm cầu ở các địa phương sức khỏe, hạnh phúc và thành đạt.

Kính thưa Hội nghị!

Công tác hiệp thương là một trong những nội dung cực kỳ quan trọng trong quản lý, điều hành, giải quyết công việc nói chung của các cấp chính quyền địa phương; là cơ sở để giải quyết những vướng mắc, tồn tại mà các cấp chính quyền địa phương gặp phải; qua đó tạo sự đồng thuận, thống nhất giữa các cấp chính quyền địa phương với nhau. Trong đó, công tác hiệp thương xác định địa giới hành chính có vai trò hết sức quan trọng đối với quản lý và điều hành, bởi lý do hồ sơ địa giới, bản đồ địa giới hành chính là tài liệu để chính quyền các cấp sử dụng trong công tác quản lý Nhà nước, hoạch định các chính sách phát triển kinh tế - xã hội phù hợp với tình hình thực tế, phạm vi quản lý địa giới hành chính ở mỗi địa phương và là căn cứ cho việc giải quyết việc chồng lấn đất đai liên quan đến địa giới hành chính ở mỗi cấp.

Tại kỳ họp thứ 5 ngày 30/6/1989, Quốc hội khóa VIII nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã thông qua Nghị quyết chia tỉnh Phú Khánh thành 02 tỉnh lấy tên là tỉnh Phú Yên và tỉnh Khánh Hòa. Tỉnh Khánh Hòa được tái lập có 08 đơn vị hành chính cấp huyện, bao gồm thành phố Nha Trang và 07 huyện Vạn Ninh, Ninh Hòa, Khánh Vĩnh, Diên Khánh, Khánh Sơn, Cam Ranh và Trường Sa. Tính đến thời điểm kết thúc việc thực hiện Chỉ thị số 364-CT ngày 06/11/1991 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng (nay là Thủ tướng Chính phủ) về giải quyết tranh chấp đất đai liên quan đến tỉnh, huyện, xã; vào cuối năm 1995 tỉnh Khánh Hòa gồm 08 đơn vị hành chính cấp huyện, với 128 đơn vị hành chính cấp xã, trong đó có 17 phường, 06 thị trấn và 105 xã (riêng huyện Trường Sa chưa thành lập đơn vị hành chính cấp xã). Sau quá trình điều chỉnh địa giới hành chính các cấp theo Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Nghị định, Nghị quyết của Chính phủ, hiện nay tỉnh Khánh Hòa gồm 09 đơn vị hành chính cấp huyện và 139 đơn vị hành chính cấp xã, trong đó có 35 phường, 06 thị trấn và 98 xã (huyện Cam Lâm và 02 xã, 01 thị trấn thuộc huyện Trường Sa được thành lập vào năm 2007).

Đối với việc xây dựng bộ hồ sơ địa giới, bản đồ địa giới hành chính các cấp của tỉnh Khánh Hòa đến nay đã trải qua ba lần thực hiện:

- *Lần thứ nhất*: Vào các năm 1994 - 1995 bộ hồ sơ và bản đồ địa giới hành chính các cấp tỉnh Khánh Hòa được thành lập theo Chỉ thị 364-CT ngày 06/11/1991 của Chủ

tịch Hội đồng Bộ trưởng (nay là Thủ tướng Chính phủ) và thành lập bổ sung do điều chỉnh địa giới hành chính (chia, tách, lập mới, ...) theo các Nghị quyết và Nghị định của Chính phủ sau giai đoạn thực hiện chỉ thị số 364/CT.

- *Lần thứ hai:* Vào các năm 2012 - 2013, tỉnh Khánh Hòa đã chỉnh lý, lập mới bộ Hồ sơ địa giới, bản đồ ĐGHHC các cấp theo hệ tọa độ quốc gia VN-2000 để thay thế cho hệ tọa độ trước đây là HN-72; tỷ lệ bản đồ bao gồm: 1/50.000 đối với cấp tỉnh, cấp huyện; tỷ lệ 1/50.000, 1/10.000, 1/2.000 đối với cấp xã dựa trên cơ sở hồ sơ địa giới, bản đồ ĐGHHC thực hiện theo Chỉ thị 364-CT và dữ liệu nền thông tin địa lý, bản đồ nền địa hình do Bộ Tài nguyên và Môi trường chuyển giao cho tỉnh.

- *Lần thứ ba:* Từ năm 2015 đến nay, thực hiện Quyết định số 513/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt dự án: Hoàn thiện, hiện đại hóa hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính và xây dựng cơ sở dữ liệu về địa giới hành chính (gọi tắt là Dự án 513). Theo đó, đã quy định việc thành lập hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính các cấp theo tỷ lệ quy định. Đối với bộ hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính cấp tỉnh, cấp huyện thuộc tỉnh Khánh Hòa đã được thành lập mới trong năm 2013 trên nền bản đồ địa hình tỷ lệ 1/50.000 theo hệ quy chiếu và hệ tọa độ quốc gia VN-2000, lưới chiếu UTM, nên khi thực hiện Dự án 513, tỉnh Khánh Hòa phải lập mới hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính cấp huyện theo tỷ lệ 1/25.000. Đối với bộ hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính cấp xã thì thực hiện bổ sung cho 91 đơn vị hành chính cấp xã theo tỷ lệ 1/2.000; 1/10.000 hệ tọa độ quốc gia VN-2000 để đảm bảo theo đúng tỷ lệ quy định.

Kính thưa Hội nghị!

Qua ba lần triển khai xây dựng bộ hồ sơ địa giới, bản đồ địa giới hành chính các cấp của tỉnh Khánh Hòa, tôi nhận thấy để sản phẩm hồ sơ địa giới, bản đồ địa giới hành chính các cấp được hoàn thiện, đầy đủ cơ sở pháp lý và đi đến kết quả cuối cùng là được cấp có thẩm quyền của Trung ương nghiệm thu, đồng ý đưa vào quản lý, sử dụng thì công tác hiệp thương để xác định, thống nhất đường địa giới hành chính các cấp là cực kỳ quan trọng. Đối với tỉnh Khánh Hòa trong quá trình thực hiện, công tác hiệp thương đã đạt nhiều kết quả. Cụ thể:

Sau khi thực hiện Chỉ thị 364-CT về việc giải quyết tranh chấp đất đai có liên quan đến địa giới hành chính các cấp; tỉnh Khánh Hòa đã giải quyết và thành lập được bộ hồ sơ địa giới hành chính cấp xã, cấp huyện, cấp tỉnh và đưa vào quản lý, sử dụng ổn định. Từ năm 1995 đến trước khi thực hiện Dự án 513 vào năm 2015, tuyến địa giới hành chính cấp tỉnh giữa tỉnh Khánh Hòa và tỉnh Đắk Lắk còn chồng lấn với diện tích tự nhiên khoảng 9.300 ha, là một trong những điểm chồng lấn cấp tỉnh do lịch sử để lại, lãnh đạo hai tỉnh đã chủ động tổ chức hiệp thương nhiều lần nhưng chưa thống nhất được phương án giải quyết. Đến khi triển khai thực hiện Dự án 513, với sự quyết tâm cao của cấp ủy Đảng, chính quyền của địa phương hai tỉnh và sự quan tâm, hỗ trợ của cơ quan Trung ương, vào ngày 20/6/2017 hai tỉnh đã tổ chức hiệp thương thống nhất tuyến địa giới hành chính cấp tỉnh nêu trên, là một trong số ít các địa phương trong cả nước tổ chức hiệp thương thành công ở cấp độ lãnh đạo của hai tỉnh, góp phần khép kín đường địa giới hành chính cấp tỉnh của tỉnh Khánh Hòa làm cơ sở hoàn thiện bộ hồ sơ địa giới, bản đồ địa giới hành chính cấp tỉnh.

Trong quá trình tổ chức thực hiện Dự án 513, UBND tỉnh Khánh Hòa đã giao Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với đơn vị thi công và các địa phương liên quan xem xét, kiểm tra thực địa để xác định lại một số tuyến địa giới hành chính còn chưa rõ, việc thực hiện phải đảm bảo theo đúng trình tự quy định. Đối với tuyến địa giới hành chính cấp tỉnh giáp ranh với các tỉnh bạn, tỉnh Khánh Hòa đã chủ động xây dựng Kế hoạch tổ chức hiệp thương, thống nhất xác định đường địa giới hành chính giáp ranh làm cơ sở để xây dựng hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính cấp tỉnh.

Đối với các tuyến cấp huyện, cấp xã trong nội bộ tỉnh, cũng đã xây dựng Kế hoạch tổ chức tốt các hội nghị tại địa phương để xác minh, giải quyết các vướng mắc, mâu thuẫn đường địa giới hành chính. Sau hội nghị, cán bộ kỹ thuật của đơn vị thi công phối hợp với công chức và lãnh đạo UBND cấp xã có liên quan rà soát, thống nhất xác nhận những tuyến địa giới hành chính thực tế quản lý so với hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính đang lưu trữ.

Đối với những đoạn địa giới hành chính chưa xác định được chính xác tại thực địa do địa vật thay đổi, đường địa giới bị phá vỡ, cán bộ kỹ thuật của đơn vị thi công phối hợp với công chức và lãnh đạo UBND các xã, phường, thị trấn có liên quan cùng nhau đi thực địa xác minh lại, cùng tìm hiểu, bàn bạc và thống nhất một đường địa giới mới, rõ ràng, ổn định lâu dài và phù hợp với hiện trạng quản lý của địa phương để thay thế đường địa giới cũ bị phá vỡ, bổ sung các yếu tố địa lý mới xuất hiện dọc theo đường địa giới trong phạm vi từ 2 cm về mỗi bên đường địa giới và gạch bỏ các yếu tố không còn tồn tại ngoài thực địa, cùng nhau thống nhất chuyển vẽ các yếu tố địa giới hành chính mới lên bộ bản đồ địa giới hành chính gốc ngoại nghiệp để làm cơ sở xây dựng hoàn thiện bộ bản đồ địa giới hành chính theo quy định.

Bên cạnh những kết quả đạt được, thì trong quá trình thực hiện tỉnh Khánh Hòa cũng gặp một số tồn tại, hạn chế như sau:

- Cán bộ, công chức làm công tác tham mưu về quản lý địa giới hành chính, đặc biệt ở cấp xã có trình độ chuyên môn cơ bản đáp ứng được vị trí công tác. Hầu hết, đều là cán bộ, công chức ở địa phương nên việc nắm bắt thông tin về lịch sử hình thành, hiện trạng thực tế quản lý địa giới hành chính trên địa bàn. Tuy nhiên, khi được điều động, luân chuyển sang địa bàn khác công tác theo quy định thì cán bộ, công chức gặp một số khó khăn trong việc nắm bắt địa hình. Việc chưa nắm rõ phạm vi quản lý của địa bàn mới nên phải tổ chức một số hội nghị hiệp thương để xác định lại đường địa giới hành chính giữa các địa phương với nhau, gây mất nhiều thời gian trong giải quyết nhiệm vụ liên quan khác.

Một số cán bộ, công chức cấp xã chưa nắm được quy trình giải quyết tranh chấp về địa giới hành chính, chưa biết sử dụng bộ hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính để tham mưu giải quyết các tranh chấp có liên quan đến đường địa giới hành chính, chưa biết cách thức tổ chức hội nghị hiệp thương để giải quyết các vướng mắc liên quan đến địa giới hành chính. Đối với cán bộ, công chức cấp huyện phụ trách quản lý về công tác địa giới hành chính còn hạn chế về kinh nghiệm, chưa chủ động trong việc giải quyết các tranh chấp liên quan đến đường địa giới hành chính ở cấp xã; thường có xu hướng báo cáo về cấp tỉnh để tổ chức hiệp thương giải quyết.

- Hồ sơ địa giới, bản đồ địa giới hành chính được lập theo Chỉ thị số 364-CT ngày 06/11/1991 do không có điều kiện được đo vẽ tại thực địa, cơ sở vật chất phục vụ cho việc thi công cũng còn nhiều hạn chế nên việc mô tả các tuyến địa giới hành chính giữa bản đồ và khi kiểm tra tại thực địa còn nhiều sai lệch, chưa thống nhất. Do vậy, gây ảnh hưởng trong công tác quản lý đất đai tại một số địa phương, khó khăn trong công tác hiệp thương xác định lại đường địa giới hành chính.

Bên cạnh đó, việc phát triển kinh tế - xã hội, đô thị hóa ngày càng diễn ra mạnh mẽ nhằm hoàn thiện các cơ sở hạ tầng kỹ thuật, phục vụ nhu cầu người dân như: Xây dựng, mở rộng đường giao thông, xây dựng các công trình công cộng đã ảnh hưởng đến đường địa giới hành chính; sự biến đổi dòng chảy của sông suối, kênh mương nên có sự phá vỡ, biến dạng, khác biệt so với đường địa giới hành chính được mô tả trước đây.

- Các loại bản đồ chuyên ngành như bản đồ địa chính, bản đồ quy hoạch, bản đồ lâm nghiệp,... chưa thể hiện chính xác đường địa giới hành chính lên bản đồ chuyên ngành. Do vậy, trong quá trình quản lý đã xảy ra việc tranh chấp địa giới do quản lý đất đai của các địa phương chưa theo đúng đường địa giới hành chính đã được phân định.

Để giải quyết những tồn tại khó khăn nêu trên, trong thời gian tới tỉnh Khánh Hòa sẽ tập trung thực hiện một số nội dung bao gồm:

- Tiếp tục triển khai thực hiện tốt Dự án 513 về hoàn thiện, hiện đại hóa hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính các cấp trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa. Đây là điều kiện để tỉnh rà soát đối chiếu bộ hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính đã thành lập trước đây so với hiện trạng đang quản lý nhằm kịp thời bổ sung, điều chỉnh bộ hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính. Bên cạnh đó, giúp cơ quan Trung ương xây dựng hoàn thiện cơ sở dữ liệu về địa giới hành chính để thống nhất quản lý các cấp.

- Quán triệt, nâng cao nhận thức cho đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác quản lý địa giới hành chính về tầm quan trọng của bộ hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính, tầm quan trọng của việc tổ chức các Hội nghị hiệp thương trong việc xác định đường địa giới hành chính các cấp khi có những vướng mắc, mâu thuẫn xảy ra.

- Xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức; trong đó ưu tiên việc bồi dưỡng, đào tạo công chức được giao nhiệm vụ quản lý địa giới hành chính, hướng dẫn quy trình về tổ chức hiệp thương xác định địa giới hành chính đối với những khu vực còn chưa thống nhất.

Trên đây là nội dung tham luận của tỉnh Khánh Hòa về “Vai trò của hiệp thương trong công tác xác định địa giới hành chính các cấp, góp phần thực hiện Dự án 513”. Xin trân trọng cảm ơn Hội nghị đã chú ý lắng nghe!

Nhân Hội nghị này, tôi xin thay mặt lãnh đạo tỉnh Khánh Hòa kính chúc các đồng chí công tác trong ngành Nội vụ và các đại biểu tham dự Hội nghị tiếp tục gặt hái được nhiều thành công, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được Đảng và Nhà nước giao trong năm 2021.

Một lần nữa, kính chúc các đồng chí chủ trì, các đồng chí lãnh đạo Bộ Nội vụ, đại diện các Bộ, ban ngành của Trung ương và các đại biểu tham dự Hội nghị tại điểm cầu ở các địa phương sức khỏe, hạnh phúc và thành đạt!

Xin trân trọng cảm ơn!

12. UBND TP. HỒ CHÍ MINH

Tham luận về Kết quả xây dựng ĐA tổ chức CQĐT tại Thành phố Hồ Chí Minh nhằm thực hiện Hiến pháp 2013 và Luật Tổ chức chính quyền địa phương

Kính thư các đồng chí,

Thành phố Hồ Chí Minh là đô thị loại đặc biệt, là trung tâm lớn về kinh tế, văn hóa, giáo dục, đào tạo, khoa học công nghệ, đầu mối giao lưu và hội nhập quốc tế; là đầu tàu, động lực, có sức thu hút, lan tỏa lớn của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, có vị trí chính trị quan trọng của cả nước, đóng góp ngày càng lớn vào sự phát triển kinh tế - xã hội của khu vực và cả nước.

Thành phố luôn được Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương Đảng tập trung lãnh đạo, được Quốc hội, Chính phủ quan tâm chỉ đạo, tạo thuận lợi cho quá trình điều hành, quản lý tại địa phương. Tuy nhiên, thực tế trong quá trình phát triển, Thành phố Hồ Chí Minh vẫn gặp những trở ngại, bất cập, nên chưa phát huy hết tiềm năng của mình. Những hạn chế đó xuất phát từ nhiều nguyên nhân, trong đó có nguyên nhân do mô hình tổ chức chính quyền địa phương ở Thành phố Hồ Chí Minh chưa phù hợp với đặc điểm, tính chất của một đô thị đặc biệt về kinh tế - xã hội, cơ sở hạ tầng, dân cư, địa giới hành chính,....

Theo thống kê năm 2020, Thành phố có 09 triệu dân (trên thực tế có trên 10 triệu người đang sinh sống, học tập và làm việc tại Thành phố), với quy mô dân số lớn, quy mô kinh tế và cường độ hoạt động kinh tế lớn nhất cả nước, yêu cầu đặt ra là các quyết định quản lý hành chính của chính quyền Thành phố phải được triển khai đến chính quyền cơ sở, đến người dân, doanh nghiệp nhanh và kịp thời, đồng bộ, khắc phục tình trạng cấp trung gian triển khai và hướng dẫn lại. Chính yêu cầu về quản lý kinh tế, xã hội, môi trường, an ninh, dân cư phát triển nhanh đòi hỏi tổ chức bộ máy chính quyền đô thị phải thật sự tinh gọn, hiện đại, có năng lực quy hoạch, lập kế hoạch, sử dụng hiệu quả các tài nguyên, phát triển các dịch vụ hạ tầng đồng bộ.

Từ năm 2009 đến năm 2016, thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa X) và các Nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội về thực hiện thí điểm không tổ chức Hội đồng nhân dân huyện, quận, phường, Thành phố Hồ Chí Minh đã thực hiện thí điểm tại tất cả 24 quận, huyện, 259 phường trên địa bàn Thành phố. Đánh giá tổng kết cho thấy, hơn 06 năm thực hiện thí điểm đã mang lại nhiều kết quả tích cực như: thực hiện tinh gọn bộ máy, giảm tầng nấc trung gian, giúp việc triển khai các quyết định hành chính ở đô thị được nhanh hơn, khắc phục sự trùng lặp về chức năng, nhiệm vụ của các ngành, các cấp; tiết kiệm ngân sách; đảm bảo tính thống nhất, thông suốt, nâng cao hiệu lực, hiệu quả của bộ máy hành chính nhà nước; phát huy quyền làm chủ trực tiếp của Nhân dân ở cơ sở; hoạt động giám sát tiếp tục được phát huy thông qua các vị Đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân Thành phố, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội.

Để tiếp tục nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, năng lực quản lý, điều

hành của chính quyền Thành phố Hồ Chí Minh, phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội, giải quyết hiệu quả các vấn đề lớn của đô thị đặc biệt, đáp ứng yêu cầu phát triển Thành phố, phát huy tốt nhất vai trò, vị trí của Thành phố đối với vùng và cả nước, có thể nói, những kinh nghiệm và kết quả đạt được trong thời gian thực hiện thí điểm trước đây là cơ sở thực tiễn quan trọng để Thành phố tiến hành xây dựng Đề án tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Đề án tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh đã được Thành phố áp dụng từ năm 2007, được tiếp tục điều chỉnh, bổ sung vào năm 2013. Tuy nhiên, tại thời điểm đó, các cơ sở pháp lý xây dựng Đề án vẫn chưa thật sự vững chắc và đầy đủ nên chưa thể triển khai thực hiện. Vì vậy, khi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương được ban hành năm 2019 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2020, là căn cứ pháp lý cực kỳ quan trọng, Thành phố đã xác định đây chính là thời điểm chín mùi để hoàn thiện Đề án trình Chính phủ, Quốc hội.

Cụ thể, Hiến pháp năm 2013 quy định: “Cấp chính quyền địa phương gồm có Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân được tổ chức phù hợp với đặc điểm nông thôn, đô thị, hải đảo, đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt do luật định” (khoản 2, Điều 111); Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương quy định: chính quyền địa phương ở quận, phường là cấp chính quyền địa phương, trừ trường hợp cụ thể Quốc hội quy định không phải là cấp chính quyền địa phương (khoản 14 và khoản 17 Điều 2).

Kính thưa các đồng chí,

Mục tiêu chính của Đề án là tổ chức chính quyền địa phương ở đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh thật sự tinh gọn, hợp lý, hoạt động hiệu lực, hiệu quả dưới sự lãnh đạo của Đảng và bảo đảm phát huy quyền làm chủ của Nhân dân; phát huy tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm và tính minh bạch trong quản lý của chính quyền Thành phố; huy động mọi nguồn lực cho sự phát triển nhanh và bền vững của Thành phố; nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho Nhân dân; góp phần xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh; đóng góp kinh nghiệm thực tiễn cho quá trình đổi mới, nâng cao hiệu lực, hiệu quả của chính quyền đô thị của cả nước.

Quan điểm khi xây dựng Đề án của Thành phố gồm:

(1) Thực hiện tổ chức chính quyền đô thị tại TPHCM phải bám sát chủ trương của Đảng, phù hợp với Hiến pháp và các quy định của pháp luật;

(2) Bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng, vai trò giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội đối với chính quyền địa phương của Thành phố Hồ Chí Minh; phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, xây dựng chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh thực sự là chính quyền của dân, do dân, vì dân;

(3) Tổ chức chính quyền đô thị ở Thành phố Hồ Chí Minh phải bảo đảm tổ chức bộ máy tinh gọn, bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý tập trung, thống nhất, thông suốt, hiệu lực, hiệu quả;

(4) Tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh phải gắn với đổi mới cơ chế chính sách, đẩy mạnh phân cấp, ủy quyền, đẩy mạnh cải cách hành chính, cải cách chế độ công vụ, công chức, xây dựng chính quyền điện tử nhằm nâng cao tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm, phát huy tính chủ động sáng tạo của chính quyền TPHCM; đảm bảo sự ổn định và phát triển bền vững của Thành phố.

Quá trình xây dựng và trình Đề án, Thành phố đã tổ chức và phối hợp với các cơ quan Trung ương, Bộ Nội vụ, Bộ Tư pháp, tổ chức các hội nghị lấy ý kiến, hội nghị phản biện, hội nghị thẩm định dự thảo Đề án, đảm bảo chất lượng về nội dung và thành phần hồ sơ Đề án, trình Chính phủ trình Quốc hội tại kỳ họp thứ 10 năm 2020 theo trình tự, thủ tục rút gọn.

Trên cơ sở Đề án tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh, dự thảo Nghị quyết của Quốc hội được nghiên cứu, xây dựng và đánh giá tác động kỹ lưỡng. Quá trình xây dựng Đề án và dự thảo Nghị quyết, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Bộ Nội vụ đã tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản của các cơ quan trung ương có liên quan, tổ chức nhiều cuộc họp, hội thảo, hội nghị và nhận được sự tán thành của nhiều cơ quan, tổ chức, đơn vị.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020, Bộ Tư pháp đã có Báo cáo số 200/BCTĐ-BTP về việc thẩm định dự thảo Nghị quyết. Ngày 02 tháng 10 năm 2020, tại Phiên họp thường kỳ tháng 9, Chính phủ đã thảo luận và thông qua dự thảo Nghị quyết của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh (Nghị quyết số 142/NQ-CP ngày 03 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ). Ngày 07 tháng 10 năm 2020, tại phiên họp toàn thể lần thứ 30, Ủy ban Pháp luật của Quốc hội đã thẩm tra và xem xét dự thảo Nghị quyết của Quốc hội. Ngày 16 tháng 11 năm 2020, Quốc hội đã họp phiên toàn thể và biểu quyết thông qua Nghị quyết số 131/2020/QH14 về tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo đó, chính quyền địa phương ở Thành phố Hồ Chí Minh là cấp chính quyền địa phương gồm có Hội đồng nhân dân Thành phố và Ủy ban nhân dân Thành phố; chính quyền địa phương ở quận tại Thành phố là Ủy ban nhân dân quận; chính quyền địa phương ở phường tại Thành phố là Ủy ban nhân dân phường. Việc tổ chức chính quyền địa phương ở huyện, xã, thị trấn, thành phố thuộc Thành phố Hồ Chí Minh được thực hiện theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

Kính thư các đồng chí,

Có thể nói, Nghị quyết của Quốc hội và sắp tới Nghị định của Chính phủ quy định cụ thể và hướng dẫn việc thực hiện tổ chức chính quyền đô thị khi được ban hành, không chỉ giúp Thành phố chuẩn bị tốt nhất cho công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026, mà về lâu dài, chính là tiền đề, là động lực quan trọng cho sự phát triển nhanh và bền vững của Thành phố, là điều kiện cần thiết để Thành phố có thể phát huy hết tiềm năng, nguồn lực của mình, góp phần thực hiện thành công sự nghiệp đổi mới toàn diện đất nước, cùng cả nước, vì cả nước.

Nhân Hội nghị tổng kết ngành Nội vụ lần này, Thành phố Hồ Chí Minh hết sức trân trọng và chân thành cảm ơn các đồng chí cơ quan Trung ương, trong suốt thời gian qua, đã luôn quan tâm đến sự phát triển của TP.HCM, hỗ trợ Thành phố ở tất cả các ngành, các lĩnh vực nói chung và ngành Nội vụ nói riêng. Thành phố hy vọng vẫn tiếp tục nhận được sự quan tâm, hỗ trợ, giúp đỡ của các đồng chí trong thời gian tới.

Lãnh đạo và Nhân dân Thành phố quyết tâm, tiếp tục nỗ lực xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh xứng đáng là thành phố anh hùng, thành phố mang tên Bác Hồ kính yêu, thành phố có chất lượng sống tốt, văn minh, hiện đại, nghĩa tình.

Cuối cùng, xin kính chúc tất cả các đồng lòng luôn mạnh khỏe, hạnh phúc và thành công. Trân trọng cảm ơn./.

13. UBND TỈNH AN GIANG

Tham luận về Tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong công tác tuyển dụng, sử dụng và quản lý đội ngũ công chức, viên chức tại tỉnh An Giang

Kính thưa:

I. HIỆN TRẠNG ĐỘI NGŨ CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC THUỘC TỈNH AN GIANG

An Giang là tỉnh đầu nguồn sông Cửu Long, nằm ở phía Tây Nam Tổ quốc, có đường biên giới với chiều dài gần 100 km, giáp hai tỉnh Kandal và Takeo của nước bạn Campuchia.

Tỉnh An Giang có 21 Sở Ban, ngành và 11 đơn vị hành chính cấp huyện: 02 thành phố, 01 thị xã và 08 huyện. Tổng số biên chế công chức hành chính năm 2020 của tỉnh An Giang được Bộ Nội vụ giao là 2.456 biên chế và 214 người hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP và Nghị định số 161/2018/NĐ-CP²⁶. Tổng số biên chế sự nghiệp năm 2020 là 33.606 biên chế và 1.574 người hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP và Nghị định số 161/2018/NĐ-CP²⁷.

Về trình độ, chất lượng đội ngũ công chức, viên chức:

- Đội ngũ công chức: Trong tổng số 2.284 người: có 23 tiến sĩ và tương đương (tỷ lệ 1,01%), 380 thạc sĩ và tương đương (tỷ lệ 16,63%), 1.779 người có trình độ đại học (tỷ lệ 77,88%) và 102 người có trình độ từ cao đẳng trở xuống, chiếm tỷ lệ 4,48%.

- Đội ngũ viên chức: Trong tổng số 34.512 người: có 81 tiến sĩ và tương đương (tỷ lệ 0,23%), 1.340 thạc sĩ và tương đương (tỷ lệ 3,88%), 21.869 người có trình độ đại học (tỷ lệ 63,36%) và 11.222 người có trình độ cao đẳng trở xuống, chiếm tỷ lệ 32,53%.

Nhìn chung, đội ngũ công chức, viên chức tỉnh An Giang có bước trưởng thành, phát triển về nhiều mặt, chất lượng ngày càng được nâng lên, luôn phấn đấu, hoàn thành nhiệm vụ được giao, từng bước đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

II. VIỆC CHẤP HÀNH CÁC QUY ĐỊNH VỀ TUYỂN DỤNG, SỬ DỤNG VÀ QUẢN LÝ ĐỘI NGŨ CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC TẠI TỈNH AN GIANG

1. Về công tác tuyển dụng

a) Đối với việc tuyển dụng công chức: Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang triển khai thực hiện thống nhất tuyển dụng công chức trong toàn tỉnh theo quy định Luật Cán bộ, công chức; Nghị định số 24/2010/NĐ-CP, Nghị định 161/2018/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn thực hiện về tuyển dụng công chức.

²⁶ Quyết định 736/QĐ-BNV ngày 05/6/2019 của Bộ Nội vụ về việc về việc giao biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính của tỉnh An Giang năm 2020 và Công văn số 6498/BNV-TCBC ngày 24/12/2019 của Bộ Nội vụ về việc giao biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính của tỉnh An Giang năm 2020.

²⁷ Công văn số 5335/BNV-TCBC ngày 31/10/2019 của Bộ Nội vụ về việc số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh An Giang năm 2020.

Từ năm 2016 đến nay, tỉnh An Giang đã tổ chức 04 kỳ thi tuyển công chức (vào các năm 2016, năm 2017, năm 2018 và năm 2019). Chỉ tiêu tuyển dụng được niêm yết công khai và thông tin rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng về số lượng, chuyên ngành cần tuyển; đảm bảo nguyên tắc cạnh tranh, bảo mật; không phân biệt loại hình đào tạo và đúng nội quy, quy chế. Kết quả, qua 04 kỳ thi tuyển công chức (trong đó không ít người có trình độ sau đại học) tỉnh đã tuyển dụng được 443 công chức/703 chỉ tiêu/4.890 thí sinh đăng ký dự tuyển.

Ngoài ra, Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang cũng đã thực hiện trình tự, thủ tục đề nghị tiếp nhận vào công chức không qua thi tuyển đối với 16 trường hợp tốt nghiệp đại học thủ khoa ở trong nước, loại giỏi nước ngoài. Kết quả, Bộ Nội vụ đã thống nhất đối với 11 trường hợp (09 thủ khoa trong nước và 02 tốt nghiệp loại giỏi ở nước ngoài).

b) Đối với việc tuyển dụng viên chức: Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang đẩy mạnh phân cấp tuyển dụng viên chức, quán triệt quan điểm tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước trong tuyển dụng viên chức, nâng cao trách nhiệm của cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng viên chức, người đứng đầu các đơn vị sự nghiệp công lập; thúc đẩy quá trình đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập.

c) Thực hiện chủ trương của Bộ Chính trị, Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang chỉ đạo triển khai tự kiểm tra, rà soát và thu hồi quyết định tuyển dụng đối với các trường hợp đã có kết luận vi phạm trong công tác tuyển dụng cán bộ, công chức, viên chức của cơ quan có thẩm quyền; về hướng xử lý đối với trường hợp tuyển dụng chưa đúng quy định, Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang sẽ căn cứ chủ trương của Ban Bí thư tại Kết luận số 71-KL/TW; Hướng dẫn số 2965/HD-BNV của Bộ Nội vụ và Kết luận thanh tra số 344/KL-TTBNV ngày 29 tháng 7 năm 2020 của Chánh Thanh tra Bộ Nội vụ, để xử lý dứt điểm trường hợp có sai phạm theo đúng quy định của pháp luật.

2. Về công tác bổ nhiệm, bổ nhiệm lại và giới thiệu cán bộ ứng cử

- Về tinh thần chỉ đạo, tỉnh luôn quán triệt các văn bản công tác cán bộ của Trung ương và địa phương. Căn cứ nhu cầu cán bộ, hầu hết các cấp ủy đảng, đảng đoàn, lãnh đạo các ban đảng, tập thể lãnh đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương đã tiên hành quy trình bổ nhiệm cán bộ theo đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền, bảo đảm nguyên tắc Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ, tính đồng bộ cũng như mối tương quan giữa trước mắt và lâu dài của đội ngũ cán bộ. Đồng thời xem xét, quyết định một cách dân chủ trên cơ sở phát huy đầy đủ trách nhiệm và quyền hạn của từng thành viên trong cấp ủy, tập thể lãnh đạo, nhất là trách nhiệm và quyền hạn của người đứng đầu. Quá trình xem xét bổ nhiệm đều gắn với yêu cầu thực hiện nhiệm vụ chính trị của từng tổ chức, gắn với công tác quy hoạch cán bộ và bám sát tiêu chuẩn chức danh, phẩm chất, năng lực và yêu cầu chức trách, nhiệm vụ. Đồng thời chú ý đến cán bộ nữ, trẻ, cán bộ người dân tộc thiểu số.

- Qua tự kiểm tra, rà soát việc thực hiện công tác cán bộ, kết quả cho thấy: (1) Hầu hết đều thực hiện đúng quy trình, có kết luận của cấp ủy, quyết định của cơ quan có thẩm quyền. Số lượng cấp phó đảm bảo theo quy định, không có trường hợp bổ nhiệm hoặc giới thiệu ứng cử quá nhanh, vượt cấp; có một số trường hợp bổ nhiệm lại chậm so với thời gian quy định. (2) Về điều kiện, tiêu chuẩn đều bảo đảm về trình độ chuyên môn đại học trở lên phù hợp ngành, lĩnh vực phụ trách. Sai sót chủ yếu do thiếu các chuẩn trình độ khác như: kiến thức quản lý nhà nước, ngoại ngữ, tin học, lý

luận chính trị chưa được quan tâm đúng mức ngay trước thời điểm được bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử nên có một số trường hợp chưa đảm bảo đầy đủ theo yêu cầu của tiêu chuẩn chức danh.

III. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

- Tỉnh luôn bám sát các quy định, hướng dẫn của Trung ương về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức, viên chức để tổ chức thực hiện, từng bước hoàn thiện cụ thể hóa về phân cấp quản lý trên địa bàn tỉnh, nên trong thời gian qua công tác tuyển dụng, sử dụng, quản lý công chức, viên chức đi vào nề nếp, cơ bản bảo đảm về điều kiện, tiêu chuẩn, yêu cầu vị trí việc làm và quy trình của công tác cán bộ.

- Công tác tuyển dụng đảm bảo khách quan, công bằng đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Luật và các văn bản hướng dẫn thi hành; tuyển dụng theo vị trí việc làm; ngoài một số trường hợp tuyển dụng không qua thi tuyển (thủ khoa trong nước, loại giỏi ở nước ngoài), còn lại tổ chức thi tuyển cạnh tranh rộng rãi. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, tổ chức thi tuyển trên máy tính đối với các môn thi trắc nghiệm đảm bảo khách quan, công bằng, minh bạch.

- Về công tác bổ nhiệm, bổ nhiệm lại và giới thiệu cán bộ ứng cử:

+ Trên cơ sở quy định của Trung ương, tỉnh đã ban hành quy định về phân cấp quản lý cán bộ và bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử; Quy định tiêu chuẩn chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý. Ngoài các tiêu chuẩn chung do Trung ương quy định, căn cứ mục tiêu xây dựng đội ngũ cán bộ, tỉnh đã có các quy định cụ thể như: kinh qua thực tiễn công tác, có triển vọng phát triển rõ rệt, có trình độ đại học trở lên với chuyên ngành đào tạo phù hợp với ngành, lĩnh vực phụ trách và có trình độ cao cấp lý luận chính trị, được bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước, sử dụng vi tính, ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu công việc theo quy định.

+ Công tác bổ nhiệm, bổ nhiệm lại và giới thiệu cán bộ ứng cử đã khắc phục được tình trạng cục bộ, khép kín; tăng cường, bổ sung nhiều cán bộ trẻ, được đào tạo cơ bản; từng bước trẻ hóa và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý.

- Bản thân đội ngũ công chức, viên chức nỗ lực, phấn đấu tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng, tự đào tạo, bồi dưỡng để từng bước nâng cao trình độ, đạt chuẩn theo quy định.

2. Hạn chế

- Qua rà soát, việc tuyển dụng công chức, viên chức thời gian qua, có tồn tại hạn chế, thiếu sót, thuộc đối tượng phải thực hiện khắc phục theo Kết luận số 71-KL/TW của Ban Bí thư; Hướng dẫn số 2965/HD-BNV và Kết luận thanh tra số 344/KL-TTBNV của Bộ Nội vụ.

- Công tác điều động, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu cán bộ ứng cử: về điều kiện, tiêu chuẩn chủ yếu chú trọng trình độ chuyên môn, trình độ lý luận chính trị, năng lực công tác và yêu cầu công tác cán bộ; các điều kiện, tiêu chuẩn khác như: kiến thức quản lý nhà nước, tin học, ngoại ngữ được quan tâm đào tạo, bồi dưỡng, tuy nhiên vẫn còn một số trường hợp chưa đảm bảo các điều kiện này tại thời điểm bổ nhiệm (theo Kết luận thanh tra số 344/KL-TTBNV của Bộ Nội vụ).

3. Nguyên nhân

- Các văn bản quy định, hướng dẫn về công tác cán bộ khá nhiều, thường xuyên thay đổi, từng giai đoạn quy định khác nhau nên có lúc, có nơi thực hiện còn chưa kịp thời, đảm bảo theo quy định.

- Trong quá trình nghiên cứu quy định về tuyển dụng, sử dụng, quản lý công chức, viên chức, do có nhiều vấn đề mới, phức tạp liên quan đến việc đổi mới về cơ chế quản lý công chức, viên chức (như mô tả, xác định vị trí việc làm, tiếp nhận không qua thi tuyển, xét chuyển cán bộ công chức cấp xã thành công chức cấp huyện trở lên, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức,...) dẫn đến công tác cụ thể hóa thành các quy định, hướng dẫn tại tỉnh có lúc còn chậm so với yêu cầu.

- Trong giai đoạn trước, một bộ phận cán bộ, công chức cấp huyện và cơ sở, nhất là các địa bàn vùng sâu, vùng dân tộc, biên giới còn chưa được chuẩn hóa, phải đào tạo, bồi dưỡng từng bước mới đảm bảo đạt chuẩn. Vì vậy, trong công tác cán bộ, đặc biệt đối với nơi khó khăn, thì từng lúc, từng trường hợp chưa đáp ứng tất cả yêu cầu về điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định.

- Những khóa, lớp bồi dưỡng lãnh đạo cấp sở chuyên ngành, do Bộ, ngành ít tổ chức nên chưa thể cử cán bộ tham gia để chuẩn hóa.

- Việc tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ, công chức, viên chức nhằm nâng cao kiến thức, trình độ về chính trị, quản lý nhà nước luôn được tỉnh quan tâm, tuy nhiên vẫn chưa đáp ứng yêu cầu chuẩn hóa cán bộ.

4. Nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm để khắc phục đối với những hạn chế, thiếu sót và tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong tuyển dụng, sử dụng và quản lý đội ngũ công chức, viên chức tại tỉnh An Giang trong thời gian tới

- Đối với các trường hợp đã được phát hiện sai phạm, thì tập trung xử lý dứt điểm theo đúng tinh thần chỉ đạo của Ban Bí thư tại Kết luận số 71-KL/TW; Hướng dẫn số 2965/HD-BNV của Bộ Nội vụ và các văn bản của địa phương.

- Chủ động thực hiện bồi dưỡng trước khi bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo, quản lý đối với cán bộ, công chức, viên chức theo tinh thần chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Chỉ thị số 28/CT-TTg ngày 18 tháng 9 năm 2018. Không giới thiệu ứng cử, bổ nhiệm đối với các trường hợp không đủ điều kiện, tiêu chuẩn.

- Kịp thời triển khai quy định pháp luật mới trên lĩnh vực quản lý cán bộ, công chức, viên chức; hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh và phân cấp quản lý công chức, viên chức.

- Chỉ đạo người đứng đầu các cơ quan, tổ chức thuộc phạm vi quản lý khi tuyển dụng, sử dụng, quản lý công chức, viên chức phải thực hiện đúng quy định pháp luật về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức, viên chức.

Trường hợp cơ quan, tổ chức, cá nhân có vi phạm trong công tác tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức, viên chức thì tùy theo tính chất, mức độ của hành vi vi phạm, cấp thẩm quyền có trách nhiệm xem xét, xử lý vi phạm theo quy định và quán triệt theo tinh thần chỉ đạo của Tổng bí thư, Chủ tịch nước Nguyễn Phú Trọng: *“Kiên quyết xử lý nghiêm minh, không có vùng cấm, không có ngoại lệ, không có đặc quyền”*.

- Trên cơ sở văn bản của Trung ương, chỉ đạo cơ quan tham mưu, giúp việc phải kịp thời tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân ban hành văn bản

cụ thể hóa thành các quy định, hướng dẫn cụ thể phù hợp với yêu cầu quản lý, tạo sự thống nhất, tăng cường hiệu quả quản lý trên phạm vi toàn tỉnh.

- Thường xuyên mở các lớp tập huấn để quán triệt, tuyên truyền, phổ biến các văn bản pháp luật quy định mới về tuyển dụng, sử dụng và quản lý CCVC đến từng cơ quan, tổ chức, đơn vị trong phạm vi thẩm quyền quản lý và đội ngũ CCVC.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định của pháp luật về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức, viên chức để phát hiện những sai sót, hạn chế và có biện pháp chấn chỉnh, khắc phục kịp thời.

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ:

Trên cơ sở các vấn đề đã nêu, tỉnh An Giang có một số đề xuất, kiến nghị đối với Bộ Nội vụ, như sau:

(1) Bộ Nội vụ chủ trì soạn thảo trình Chính phủ quy định khung về tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo, quản lý cấp sở, chi cục, cấp phòng thuộc sở, cấp phòng thuộc chi cục thuộc sở và cấp phòng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện; hoàn thiện hệ thống pháp luật và các văn bản dưới luật hướng dẫn thi hành Luật một cách đồng bộ, tạo thuận lợi cho địa phương thực hiện;

(2) Tham mưu Chính phủ ban hành quy định khung chính sách tuyển dụng, trọng dụng và đãi ngộ đối với người có tài năng trong hoạt động công vụ.

(3) Tham mưu Chính phủ tăng cường đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý thông tin và hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức, trong công tác tuyển dụng, thi/xét nâng ngạch công chức/thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức.

(4) Bộ Nội vụ phải sớm hoàn thành việc xây dựng và triển khai phần mềm cơ sở dữ liệu quản lý cán bộ, công chức, viên chức áp dụng chung toàn quốc.

Để thực hiện và hoàn thành tốt các mục tiêu, nhiệm vụ của ngành Nội vụ đề ra, tỉnh An Giang rất mong tiếp tục nhận được sự quan tâm, chỉ đạo, giúp đỡ của Chính phủ, Bộ Nội vụ, các Bộ, ngành Trung ương.

Cuối cùng, xin kính chúc Thủ tướng Chính phủ (Phó Thủ tướng thường trực Chính phủ), các đồng chí lãnh đạo các Ban, Bộ, ngành Trung ương và các địa phương sức khỏe, hạnh phúc và thành công. Chúc Hội nghị thành công tốt đẹp.

Trân trọng cảm ơn!